

4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC - SĨ ĐẶNG - VĂN - HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học, ngoại-quốc công-nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v..* »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên » (B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng thổ huyết rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khản huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY-DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ V — BỘ MỚI SỐ 75 — 1-3-1962

- | | | |
|--|-----------------|---------|
| 1.— Đêm Trinh (thơ) | Nguyễn Vỹ | 8 — 9 |
| 2.— Em còn nhớ chàng em ? (truyện dịch) | Tô-thùy-Yên | 10 — 16 |
| 3.— Bức thư cuối năm của 1 Kỹ-giả | Tế-Xuyên | 17 — 19 |
| 4.— Juan Ramon Jimenez | Phạm-công-Thiện | 20 — 25 |
| 5.— Văn thơ lỗ tôm | Bàng-Bá-Lân | 26 — 31 |
| 6.— Khúc hát đình hoa (thơ) | Phạm-Huỳnh | 32 |
| 7.— Ngà Xuân tặng các bạn phụ-nữ | Cô Phùng-Hạnh | 33 — 37 |
| 8.— Nhơn ngày Tết nhớ lại những thú chơi | Thiệt-Mai | 38 — 44 |
| 9.— Trăng ba mươi (thơ) | Triên-Triên | 45 |
| 10.— Thử tìm hiểu nguyên thủy : Tổ tiên của loài người ? | Võ-quang-Yến | 46 — 51 |
| 11.— Danh nhân thế-giới : Louis Armstrong | Tân Phong | 52 — 55 |
| 12.— Tuổi chàng trai nước Việt | Nguyễn Vỹ | 56 — 62 |
| 13.— Truyện «những người đôi mươi» | Nguyễn-Thu-Minh | 63 — 66 |

14.— Một ngày Tết ở bên Đức	Christa Abel	67— 69
15.— Minh ơi !	Diệu Huyền	70— 77
16.— Nhớ (thơ)	Hoàng Thắng	78
17.— Khóc em (thơ)	Hoa-Phương	79
18.— Thăng-Thị (truyện ngắn)	Nguyễn Vỹ	80— 84
19.— Nhân vật xuân thu	Thiếu Sơn	85— 90
20.— Chuyện bên song (thơ)	Mộng-hoa-Huyền	91
21.— Đỗ bạn	Ba Tèo	92— 93
22.— Chuyện lạ kim cổ	Điền-Sơn	94— 100
23.— Thơ lên ruột	Diệu Huyền	101— 103
24.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	104— 107
25.— Xuân, Tình xuân, (thơ)	Nguyễn-ngọc-Ánh Nhất-phương-Trình	108— 109
26.— Sách báo mới	Phổ Thông	110— 111
27.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	112— 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



★ Cảm tạ

Chúng tôi xin kính gửi lời!
chân thành cảm tạ tất cả những
Bạn đọc đã có thịnh tình trao
về chúng tôi những lời chúc
thân-ái trong dịp Tết.

Với các bạn Ngoại-quốc có
mỹ-ý gửi về các thiệp Năm mới,
chúng tôi cũng xin trân - trọng
gửi lời nồng-nhiệt cảm ơn.

PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

ĐÊM TRINH

ÊM nay tôi không muốn ngồi gục bên đỉnh trầm,

Nghê rượu cười trong ly,

Nhạc quây cuồng trong khói,

Thời-gian đọng trên mi...

Tôi muốn về bên giếng tối,

Khu vườn âm-u,

Quê-hương hoang-vu

Không một dấu-vết.

Tôi không muốn dẫm lên những mặt trời đã chết,

Không vương những nắng tơ đã kết

Vòng hoa trên cổ áo quan-tài.

Đã lạnh rồi những mùa Xuân chết yểu trong Thiên-Thai ?

Nhặt làm chi những phím hương đồ gầy,

Màu xám hoàng-hôn,

Màu xanh-rợn hoang hồn,

Hình bóng thời Homère quây cuồng trong nhạc lửa !

Thôi, vươn lên chi hình-hài éo-lả nữa !

Tôi không muốn đêm nay cười nghiêng-ngửa !

Tôi đập tung cánh cửa

Ngạo-nghe của Thần Sầu.

Tên lính gác nhe răng cười, rùng-rợn đôi mắt sâu.

Dề tôi đi !

Dề tôi đi !

Trời không mây, không gió,

Tôi không áo, không chăn.

Tôi về quê-hương không cửa, không ngõ,

Tôi về cô-phương không lửa, không trăng.

Nơi mịt mù thăm-thẳm,

Mênh-mông biên-giới của Đêm trinh !

Tối đen một giếng thăm,

Rực-rỡ ánh quang-minh !

Tôi với tôi,

Không hình không bóng.

Tôi với tôi,

Không thơ, không mộng.

Tôi với tôi

Lồng lộng giữa đơn-cô !...

Đêm Giao-thừa Nhâm-Dần

NGUYỄN-VỸ

em còn nhớ
chăng em ?

★ Carl Reed Silveza

● TÔ-THÙY-YÊN

lược dịch

EM còn nhớ chăng em ngôi trường trung học tỉnh Oakwood mà hai chúng ta theo học năm 1911 ? Em còn nhớ chăng phòng thí nghiệm nơi hai chúng mình đã làm những thí nghiệm hóa học bao giờ cũng hư hỏng và cũng là nơi chúng ta bắt đầu quen biết nhau hơn ? Gia đình em mới đến lập nghiệp ở tỉnh này. Anh được biết cha em là một người thuộc dòng họ Randolps ở Philadelphie và là một thương gia. Còn cha anh thì đã mất.

Anh sống với mẹ trong một ngôi nhà ngấn làm hai căn ở đường Hancock. Mẹ anh và anh ở một căn, còn căn kia thì cho mướn mỗi tháng 30 đô-la. Mẹ anh may áo quần cho những bà giàu có trong tỉnh. Hành diện về việc làm của mình, bao giờ mẹ anh cũng đứng thẳng người, nhưng điều đó, em không biết. Em chỉ biết anh là con một bà thợ may, có thể thôi.

Tuy nhiên, em cũng chấp nhận anh trong đám bạn bè của em, những chàng trai ở đại lộ Franklin, vì anh là Jimmy Fiske, đội

trưởng bóng tròn và là trưởng lớp Đệ-Nhất. Lúc anh nói với mẹ anh là em đã chọn anh để đưa em đi dự dạ-hội cuối niên học thì đôi mắt mệt mỏi của người mợ đi trong một lúc. Người biết rõ là anh chỉ nghĩ đến em thôi, nhưng người cũng biết là có một vực thẳm ghê gớm ngăn cách đại lộ Franklin sáng trưng và con đường Hancock nghèo khổ. Tuy nhiên, người chẳng hề hỏi em nói gì về chuyện đó. Người chỉ bảo người lấy làm tiếc là anh chẳng có đồ lớn màu xanh để mặc ngày hôm đó. Nhưng anh đã trấn an người mà bảo rằng bộ màu xám mua trước đây trong một tiệm bán đồ bình dân cũng có thể dùng được việc.

Khi anh đến tìm em, đưa em đến dạ hội, em mặc một chiếc áo mới tinh, một chiếc áo màu xanh và em choàng ngang vai một tấm khăn tuyền trắng như mây. Khuôn mặt em thì như một đóa hồng sâu muện. Em giắt trên tóc những sợi tơ vàng óng ánh.

Em ngừng bước ở bậc thang lầu cuối cùng và em nhìn anh chẳng để ý đến bộ đồ lớn tồi tàn của anh. Có lẽ em đã nhìn

thấy trong mắt anh cái tia nhìn mà một người con trai để dành cho những giây phút thiêng liêng trọng đại của đời mình.

Giữa lúc đó, mẹ em bước vào và chẳng phải anh cảm thấy sự phản đối nhưng chính là sự dễ dãi của bà. Giữa thái độ bà đối với anh và thái độ đối với những người bạn khác của em có một sự khác biệt trông thấy.

Chúng ta, em và anh, đã đi chân. Anh mang một chiếc xắc nhưng trong đựng đôi giày khiêu vũ của em. Chúng ta bước đi trên đại lộ Franklin. Hồi đó còn ít xe hơi, em còn nhớ chăng và chẳng có ga-ra. Những ngôi nhà còn có những sân cỏ xanh rộng.

Trong 12 bản khiêu vũ của em hôm đó, em đã dành cho anh tất cả 8 bản. Lúc bản cuối cùng chấm dứt, anh nhìn thấy trong mắt em những điểm sáng ngời và anh tưởng chừng như chúng ta vừa nghe chính âm nhạc của các vì tinh tú.

Em còn nhớ vũ trường Pointer's Beach chăng ? Vào cửa chỉ mất có hai hào rưỡi suốt

buổi tối và tiền xe điện mất 5 xu. Chúng ta đã đi dạo dưới ánh trăng trên con doi dài ở cửa biển. Nhưng bọn thiếu nữ trường giả các em chỉ biết tên chó không biết vũ trường đó cho đến một buổi tối tháng sáu, bọn thanh niên thượng lưu của đại lộ Franklin hạ mình đến đây chơi với bọn con nhà nghèo.

Ngày mai em phải đi rồi. Em sẽ về nghỉ hè trên một hòn đảo của gia đình ở Maine. Mùa thu, em sẽ vào đại học và anh chỉ còn dịp gặp em trong những kỳ lễ nghỉ ngắn ngủi thôi. Chúng ta rời vũ trường để đi cho đến hết con doi. Chúng ta chỉ còn vài phút nữa để gần nhau, vì mọi người phải đáp chuyển xe điện cuối cùng lúc 9 giờ để trở về thành phố. Chúng ta chỉ còn nhiều lắm là một khắc đồng hồ, một khắc đồng hồ mà anh phải kéo dài suốt cả mùa hè năm đó. Anh nói :

— Ngày mai, vào giờ này, em đã ở trên tàu.

— Em thích ở lại đây với anh hơn.

— Anh sẽ bắt đầu đi làm tuần.

tối này. Lúc đầu chẳng được bao nhiêu nhưng có thể sẽ có tương lai. Anh theo nghề điện. Anh sẽ thành công ; anh phải thành công mới được !

— Dĩ nhiên. Em biết thế nào anh cũng sẽ thành công.

Đi sát lại gần anh; em dịu dàng nói tiếp :

— Anh Jim, em muốn anh sẽ đi dự dạ hội sinh viên năm tới với em, năm đầu em ở đại-học. Anh sẽ đi với em nhé ?

— Vâng, anh đáp.

Đôi bàn tay anh tìm lấy đôi bàn tay em và giữ lấy nhau trong một lúc. Rồi buông tay anh ra, em ôm choàng lấy anh và em ngước mặt lên ánh sáng bàng bạc của các vì tinh tú. Đôi môi em, đôi môi anh chưa hề đụng đến, cọ nhẹ vào má anh. Các vì tinh tú hình như đáp xuống với chúng ta và bao phủ chúng ta. Em bảo anh :

— Em sẽ nhớ mãi buổi tối này, anh ạ.

Em còn nhớ chăng em ? Biết bao chuyện đã xảy ra kể từ buổi tối đó. Bây giờ không còn xe điện nữa. Các sân cỏ xanh rì ở

đại lộ Franklin đã được thay thế bằng những lối đi trải sạn dẫn về những cái ga-ra đáng ghét. Tiếng còi xe và tiếng động cơ phá tan sự tĩnh mịch của ban đêm. Ngôi trường nhỏ bé của chúng ta bây giờ trống trơn đứng chứng kiến một cách đần độn ngôi trường mới, sang trọng hơn mọc lên trước mặt.

Cuối tháng bảy, em viết thư cho anh biết mẹ em bảo chúng ta chẳng nên viết thư thường cho nhau nữa. Sau đó, anh chỉ còn gửi cho em có hai bức thư mỗi tuần thôi.

Anh không kiếm được nhiều tiền nhưng trong cái ngành anh đã chọn, anh có nhiều triển vọng. Người ta bàn cãi nhiều về những tiện dụng của điện khí. Người ta cũng đang tìm cách gửi cả âm nhạc qua không gian. Anh thấy những phát kiến ấy thần diệu và vì nghĩ đến em mà anh làm việc hăng hái.

Bỗng một hôm, em cho anh biết em gái em, với tính vô tâm độc ác của tuổi thơ, đã mách với cha em là em si-tĩnh anh, suốt ngày chỉ mơ mộng và viết thư.

Tuần sau, anh phải đếm từng ngày chúng ta cách xa nhau khi em báo tin là gia đình đã quyết định đưa em vào thẳng đại-học.

Anh viết thư cho em mỗi ngày nhưng em chỉ trả lời thưa thớt. Buổi dạ hội sinh viên là hy vọng độc nhất của anh để gặp mặt em. Anh tưởng tượng mẹ em chắc sẽ phản đối nếu biết em đã mời anh. Trong khi chờ đợi, anh sắm một bộ đồ lớn không lấy gì làm bảnh lắm nhưng anh không đủ tiền mua một bộ đẹp hơn. Đồng thời anh cũng đi thuê một bộ lễ phục.

Chúng ta đã hẹn nhau bằng thư tín là ngày thứ sáu đó, anh sẽ đáp chuyển xe điện 4 giờ và đến thành phố em theo học vào khoảng 6 giờ. Anh sẽ mượn một phòng khách sạn, sắm sửa và đến tìm em vào buổi ăn tối. Sau buổi dạ hội, anh sẽ đáp tàu về New-Uớc vì chủ nhân anh cần anh ngày thứ bảy.

Anh đi tàu hạng thường và khách sạn đắt tiền quá nên anh đã kiếm thuê một căn phòng nhỏ.

Trong đại học xá, em giới thiệu anh với bạn bè em nhưng anh chẳng biết nói gì với họ cả. Ngồi

bên anh, em nói rất ít. Anh chợt nhận thấy bộ lễ phục của anh đã lỗi thời và đôi giày đen ố xám của anh không thích hợp với bộ đồ lớn. Bữa tiệc đó đối với anh là cả một nỗi khổ tâm dai dẳng. Rồi các cô lên phòng lấy áo lạnh trong khi các cậu khoác áo choàng vào và mang găng tay trắng. Và chiếc áo sọc nâu của anh đã làm cho mọi người sững sờ.

Rồi em xuống, khoát một chiếc áo màu trắng thêu bạc và chưa bao giờ anh thấy em đẹp như thế. Em bảo anh :

— Đáng lẽ mình đi tắc xi như họ nhưng em thích đi bộ với anh hơn. Anh bằng lòng chứ ?

Lẽ ra anh phải nghĩ đến việc gọi sẵn xe. Nhưng mà chẳng ai bảo cho anh biết điều ấy cả.

Vũ trường ở cách đây vài bước. Chúng ta đi dưới ánh trăng, tay em luồn trong tay anh. Lúc mới vào khiêu vũ, anh nhận thấy các thiếu nữ khác đều có đất hoa trên áo. Lẽ ra anh phải tặng hoa cho em, nhưng làm thế nào anh biết được ? Anh nói :

— Anh tiếc là đã chẳng có hoa cho em.

— Hoa chẳng có nghĩa lý gì anh. Em...

Và em ghì đầu vào vai anh. Anh ôm em sát vào anh một lúc. Anh tưởng tượng đó là lúc bắt đầu tận thế. Tuy nhiên, anh cũng giữ hết sức đứng đắn suốt buổi dạ hội. Anh còn cố gắng chuyện trò với các bạn trai của em và học cách ăn nói của họ. Nếu anh đã thất bại, chẳng phải vì anh thiếu cố gắng mà chỉ vì anh hoàn toàn chẳng biết gì về các vấn đề họ nói : đại học, tổng hội sinh viên, kịch trường, v.v...

Chúng ta, em và anh, đã cùng khiêu vũ với nhau nhưng đêm đó, không phải là âm nhạc của các vì tinh tú. Sau buổi khiêu vũ, em muốn tiễn anh ra ga. Trên xe, không muốn dẫu em điều gì, anh thú thật với em là anh đã thuê một căn phòng nhỏ chớ không phải ở khách sạn, bộ đồ lễ phục cũng thuê và các điều khác nữa.

Khi anh dứt lời, em chỉ bảo :

— Anh Jim, em đã rất mong muốn anh được vui đùa tối hôm nay, nhưng trái lại, anh chẳng có vẻ gì vui đùa cả.

Anh thở dài đáp :

— Thật thế. Lẽ ra anh đừng nên đến đây. Anh cảm thấy lạc lõng quá.

Khi đầu tàu chuyển động, anh đặt tay lên vai em và bảo :

— Nếu sau này có khi nào em nghĩ đến anh, chẳng biết em còn nhớ là anh đã yêu em đến thế nào không ?

Em khép mắt lại và nghiêng đầu vào vai anh.

— Kia, anh Jim, anh đừng nói vậy.

Anh ngờ rằng em không muốn anh tỏ tình với em. Tuy nhiên anh cũng giang tay ra vì đó là những giây phút cuối cùng hai đứa gần nhau và em đã ngã vào anh. Anh hôn em. Em mỉm cười trong màn lệ và nói với anh lời tạm biệt.

Đến chủ nhật, anh viết cho em một bức thư đầy dề dặt, cảm ơn em đã mời anh đi dự dạ hội và anh cũng giải thích là anh rất thông cảm nếu em chẳng rộng rãi giờ để viết cho anh. Suốt cả tuần, anh đợi thư em nhưng

không thấy đến. Ngày tháng trôi qua và anh chỉ còn biết em qua kỷ niệm.

Chủ nhân anh gửi anh đến Chicago. Công ty càng ngày càng phát đạt và giấc mộng gửi âm nhạc qua không gian đã thành sự thật. Ít lâu sau, địa vị anh được thăng tiến và mẹ anh bỏ nghề may vá, về ở với anh.

Em còn nhớ chăng em ? Thời gian đã trôi qua — tất cả là 26 năm trời — và ngày mai này chúng ta sẽ cử hành lễ kỷ niệm thứ 20 ngày cưới của chúng ta. Vì anh đã gặp lại em.

Em vừa tốt nghiệp đại học. Chúng ta đã gặp nhau tình cờ ở đường Barrett và anh lại nhìn thấy trong mắt em những điểm sáng ngời. Anh lặp lại lời anh đã nói với em trước kia ở sân ga đêm anh rời xa em :

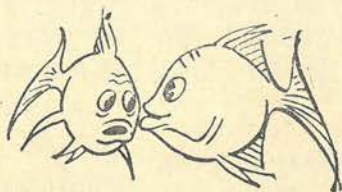
— Nếu mai này có khi nào...

Em chặn lời anh, em giang rộng tay ra (anh có cảm tưởng cả một nửa thành phố nhìn chúng ta) và em bảo anh :

— Em còn nhớ rõ lắm, anh Jim. Em yêu anh.

Chúng ta hôn nhau trong khi ở góc đường một chiếc quần cầm quay tay (1) phát ra không khí một điệu nhạc kinh tởm mà chúng ta nghe chừng dịu dàng như một nhạc điệu của Schubert.

Ngày nay, em lo lắng về việc con Betty cũng như ngày xưa, mẹ em đã lo lắng về em. Con gái chúng ta đã được 18 tuổi và ý chừng đang yêu gã Bill Mac Kim. Anh van em, em đừng nên xử tệ với chàng trai đó. Có lẽ em sẽ tìm thấy một quyết định khi em đọc xong bài ký ức vụng về này. Đó là món quà anh tặng em nhân ngày lễ kỷ-niệm. Anh sẽ để nó ở phòng em trong khi em còn ngủ.



★ TỤC-NGŨ CONGO

- Than mà ngạ tro !
- Cái trứng sẽ thành con gà.
- Cái lưới bèo sắc-bén mà thợ mộc vụng, cũng vớt đi t

Có lẽ chúng ta cũng nên mời Bill đến dự bữa tiệc chúng ta sẽ thắt đai ở hội trường, Country Club. Có lẽ hần sẽ lúng túng trước mặt một người đã từng được giải văn chương Pulitzer, một nữ dân biểu và các thượng khách danh giá khác, có lẽ hần sẽ mặt một bộ lễ phục thuê và có lẽ hần sẽ không biết phải nói gì.

Nhưng đã lâu lắm rồi, em cũng đã từng mời một chàng trai nghèo nàn đi dự dạ hội ở trường đại học của em... Em còn nhớ chăng em ?

★ EARL REED SILVERS

(1) *Orgue de Barbarie.*



★ TẾ-XUYỀN

bức thư cuối
năm của...

MỘT
KÝ-GIẢ

Thân gửi anh Bút,

ANH đã làm bạn đường của tôi trong gần 365 ngày. Nay sắp hết năm, anh sẽ nghỉ ngơi ít ngày trong học tử, còn tôi cũng du xuân để gây lại tinh-lực hao mòn hầu năm tới có thể hăng-hải hơn trên con đường phục-vụ nghề-nghiep.

Trong lúc Vũ-trụ sắp đánh dấu bằng một cái mốc, một quãng đường vừa qua, trên con đường dài vô tận của bao nhiêu triệu năm, chúng ta hãy nhìn lại dĩ vãng của hai chúng ta để kiểm điểm công tội.

Một năm qua, rồi lại một năm qua nữa. Anh Bút ạ, chúng ta đã đếm như vậy biết bao nhiêu lần rồi nhỉ, mỗi khi một năm

trôi qua trên đường sự-nghiep !

Nói là « sự nghiệp » mà đã có gì đâu ? Hết năm nọ đến năm kia, anh với tôi từng đã nhắc nhau, hỏi nhau : Minh đã làm được gì ? Coi chừng kéo mang tiếng hư-sanh !

Nhưng, nếu chưa có gì là công mà cũng ráng đừng mang tội, đó cũng là một điều an-ủi rồi, phải không anh Bút ? Lắm lúc nghĩ cũng thẹn, anh ạ. Hình ảnh Tạ-Thu-Thâu ra tòa với nửa thân hình bại絮, còn phảng phất mãi trong trí nhớ của tôi. Nhà chiến sĩ của nghề cầm bút ấy đã phải « thân tàn ma dại » chỉ vì say sưa với thiên chức của mình, chỉ biết có ngòi bút làm vũ-khí mà dám tác chiến với những thế lực mạnh-

niềm như trong một thời. Tôi lại liên tưởng đến bao nhiêu cây bút khác đã quá cố hay còn đang hoạt động ở khắp nơi trên hoàn cầu, như Vitor Riel chịu đui suốt đời vì bị tật át-xít bởi những kẻ dẫu cơ mà anh ta đã can đảm tố cáo.

Chính những tấm gương sáng lạn ấy mà hàng ngày tôi gặp trên con đường phục-vụ lý-tưởng, chính những con người ấy mà tôi đã tự - hào gọi là «đồng-nghiệp» đã gây cho tôi cái hào hứng theo đuổi một nghề mà vài bạn khác của tôi ngã lòng thối chí đã kêu là «một nghề bạc bẽo».

Anh Bút ạ, hẳn anh còn nhớ cái năm ấy, bình như đã lâu lắm rồi, anh ăn Tết với tôi... Nói là «ăn Tết» cho huênh-hoang với đời, cho to chuyện, chớ thật ra có gì mà ăn Tết: một rô cam, lê táo mà nội-nhon tôi mua ở chợ Bến-Thành về, một rô trái cây hư thúi mà người bán loại ra để bán cho những anh em lao động. Gạt bỏ những chỗ hư đi, chúng ta đã ăn một cái Tết cũng như ai. Năm ấy tôi thất nghiệp vào lúc năm hết, Tết đến... Nhìn thập gạo đã cạn, biết có còn đủ ăn trong ba ngày Tết không, thì bỗng có anh bạn đồng - nghiệp cũng nghèo như tôi song được

may mắn hơn tôi là có việc làm, đã đem đến dúi vào tay tôi hai đồng bạc (bằng hai trăm bảy mươi). Thế là tôi cũng ăn Tết như ai..., ăn Tết với một rô trái cây ung thúi.

Nhưng anh Bút ạ, có phải chúng ta không buồn vì thế mà trái lại chúng ta đã tự hào vì thế, trong khi chúng ta thấy anh Bút bạn đường của Phạm-Quỳnh đưa họ Phạm lên ghế Thượng-Thor và bao nhiêu anh Bút khác xây dựng những tài sản vĩ-đại cho bao kẻ biết uốn cong cán bút.

Tôi luôn luôn thấy vui - sướng, anh Bút ạ ! Nếu tôi đã từng suýt hụt ăn Tết mấy lần vì «túi rỗng không mà lòng cũng rỗng không» thì cũng có lúc tôi từng dự các bữa tiệc thịnh soạn mà người ta nài-nỉ mời tôi đi dự... Trong những bữa tiệc ấy ôi thôi ! Sấm-banh phun ra như mây nước ! Cái tự-hào của con nhà cầm bút là dám nói như Nhan-Súc bảo Vua : «Vua hãy xích lại đây ! » trong khi Vua truyền lệnh : «Súc xích lại đây ! » Kẻ cầm bút dám coi thường kẻ quyền thế như Nhan-Súc, nhưng cũng luôn luôn nghiêng mình xuống những tầng lớp người đau khổ, lắng tai nghe tiếng rên siết của họ, cảm thông nỗi lòng của họ. Tam-Lang đã đi kéo xe để viết thiên phóng - sự «Tôi

kéo xe ». Nữ-sĩ Marize Choisy đã chịu nhục nhã ở xóm bình khang để viết «Un mois chez les filles».

Tôi không bao giờ quên những phút cảm động khi nông dân ở làng kia của tỉnh Rạch-giá, chờ đón tôi để đưa tôi vào một túp lều tranh xiêu vẹo, thuật cho tôi nghe một vụ cướp đất để ngày mai tôi đăng lên báo. Đã lâu lắm rồi, mà tôi vẫn còn nhớ như ngày hôm qua... Hòa mình với đồng bào bị chủ điền áp bức tôi đã buồn cái buồn của họ, vui cái vui của họ : cái vui hết sức khiêm nhường khi tôi lên đưa được lá đơn của những nông dân bị cướp đất ấy vào tận tay Lao-Công Đặc-sứ Justin Godart, một vị đại diện của chánh phủ Pháp, khi ông đi thanh tra tới Saigon. .

Anh Bút ạ, gần Tết rồi, bao nhiêu sự vui buồn trong dĩ-vãng xuất hiện trở lại trong đầu óc tôi. Anh đã là bạn đường của tôi trong bao nhiêu năm nay. Anh từng chứng kiến việc làm của tôi. Mỗi năm sắp qua, chắc hẳn anh lại buồn ngủi, ái ngại cho tôi vì cái sự mạng của con người ký giả nặng quá mà tôi thì chưa làm được gì đáng kể... Đường đời còn dài... Chúng ta còn phải thấy bao nhiêu bất công, áp bức nữa.

Nhưng một tấm lòng thành, một ngòi bút cứng ! Chúng ta nắm tay nhau chỉ biết nhìn tương lai mà mãnh tiến. Đó là nguyện vọng đầu xuân của anh và của tôi, phải không anh Bút ?

TẾ-XUYỀN



● Danh-ngôn về người đàn-bà

Đàn bà là một tai họa ghê gớm nhất trong các tai họa. (La femme est le plus afreux de tous les maux).

EURIPIDE

(Triết-học-gia Cổ Hy-lạp)

JUAN RAMON JIMÉNEZ

« Thằng ngu giữa trời
xuân muôn thuở »

Thi-hào Juan Ramón Jiménez sinh tại Moguer vào năm 1881 ở miền Nam Tây-ban-Nha. Ông là tác-giả trên hai mươi lăm thi phẩm và là một trong vài ba thiên tài lớn nhất của nền văn học Tây-ban-Nha. Cùng với Lorca và Machado, ông đứng hàng đầu trong nền thi ca hiện đại của Tây-ban-Nha. Tác phẩm nổi danh nhất của Jiménez là Platero y yo (Platero và tôi); tác phẩm này chỉ gồm những bài thơ bằng văn xuôi và trọn tác phẩm độc đáo này đã được dịch ra khắp thế giới ở thể giới.

Jiménez là một thi hào vĩ đại nhất mà cũng là một tư tưởng gia sâu sắc nhất của Tây-ban-Nha ngày nay. Ông được giải Nobel về văn chương vào năm 1956 và ông tạ thế vào năm 1958.

★ PHẠM-CÔNG-THIỆN



Phạm-công-Thiện, một giáo-sư trẻ tuổi, biết nhiều ngoại-ngữ, đã viết nhiều bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG về các Văn Thi-sĩ quốc-tế.

N

GƯỠI ta rạo - rực
trông chờ mùa Xuân
nhưng người ta cũng ước mùa
Xuân đừng đến, bởi vì Xuân chỉ
làm sự cô-đơn của con người trở
nên mãnh-liệt hơn. Nằm trong
phòng lạnh, sự hoang trống tê-
tái luồn vào máu, luồn vào da,
vào tim, vào đôi mắt ta. Hai tay
chói-với muốn ôm cả hơi thở
của đời, nhưng hơi ới, hai tay
gãy chỉ bơ-vơ trong khoảng
trống... Đôi mắt kia muốn nhìn cả
thanh sắc của trần gian, nhưng
hơi ới, chung quanh chỉ toàn tối
đen tịch-mịch...

Ta chỉ muốn Xuân không mùa;
ta chỉ muốn Xuân ngưng đời
trong nhịp thở của ta và ta chỉ
thiết-tha muốn làm một thằng ngu
giữa trời Xuân muôn thuở.

★

Juan Ramon Jiménez chỉ muốn
làm thằng ngu và chỉ thích làm
thằng khùng. Einstein cũng thế.
Henry Miller cũng thế. Remarque,
Andréyev, Antonin Artand, Her-
mann Hesse, Schweitzer, Maugham,
Faulkner, Rimbaud, Leopardi, He-
mingway cũng thế... Nhưng phải
chăng Juan Ramon Jiménez đã tìm
được sự thanh-bình trong tâm-

hồn và đã tìm lại được hồn-nhiên
trong đôi mắt? Hơi thở của
người có được phóng - khoáng
thung-dung? Quả tim nồng-nàn
của người có được pháp-phòng
không còn muốn và không còn
thích, bởi vì người đã sống. Lý-
thái-Bạch đã sống. Bashô đã sống.
Lão-Tử đã sống. Omar Khayyam
đã sống. Họ đã sống; bởi thế nhịp
đời phóng-khoảng, thung-dung,
pháp-phòng thanh-thoát đã phoi-
phới lung-linh trên nỗi buồn-đau
của đời; cái chết không còn án-
ngũ được sức sống tràn-lan của
họ. Họ đã sống. Tất cả chúng ta
đã chết. Cả loài người đã chết;
tôi không phải là con người, tôi
chỉ là bóng ma bơ-phờ lững-lờ
giữa năm tháng tịch-mịch, giữa
bao nhiêu bóng ma khác ở đời.
Thế giới tôi đang ở không phải
là thế-giới của con người mà
là thế-giới ma; bóng ma này
hành hạ bóng ma khác; tôi đã
chết lâu rồi; lâu lâu, tôi đứng
trên bờ di vãng mà thương con
nước ngai-ngùng xuôi... Tôi thèm
thường. Tôi khát-khao. Tôi khóc.
Tôi chỉ muốn làm thằng ngu và
thằng khùng giữa trời Xuân
muôn thuở.

★

Juan Ramon Jiménez thung dung cội lửa quanh năm. Quần áo đã nhàu, râu đã dài, người vẫn bình thần vui đùa với bướm trắng. Túi thơ đũng-đĩnh, dạo miền thú quê, tháng ngày thông dong, người hái hoa nghe dễ. Jiménez đặt tên lửa là Platero. Platero là con lửa bé nhỏ, lông da mịn màng, Jiménez yêu lửa như yêu người. Platero và tôi... Platero y yo...

Juan Romon Jiménez là người Tây-ban-nha ; người Tây-ban-nha ít yêu thú vật : Jiménez yêu lửa như yêu người... Platero y yo...

Platero mềm dịu và khá ái như một đứa con trai nhỏ, như một đứa con gái nhỏ. Khi tôi cỡi trên lưng Platero vào ngày chửa Nhật và đi đũng-đĩnh ngang qua những đường hẻm ở đầu phố, những người đàn ông từ đồng quê ăn mặc sạch-sẽ gọn-gàng, đi đứng chậm chạp, dửng dưng lại mà im lặng ngó nhìn nó (PLATERO Y YO, trang 19)

Một hôm, như thường lệ, Jiménez ăn mặc lầu-nhàu, đội nón hẹp vành, ngồi trên lưng xám

của lửa mà đi ngất-ngheù trên đường quê, khi lửa băng qua đường, nhưng đứa trẻ con hoang chạy đuổi theo chòng ghẹo và kêu la lanh-lạnh : «Thằng khùng ! thằng khùng ! thằng khùng ! » Jiménez thích thú vô cùng vì người được trẻ nhỏ gọi thế !

Trước mặt tôi và Platero là cánh đồng xanh. Hướng nhìn về bầu trời bao la, trong trẻo và xanh tím, đôi mắt tôi chan chứa mở ra, thấu nhận vào bên trong tất cả sự tinh mịch không tên, tất cả sự thanh-bình êm ái tuyệt diệu tràn lan trong cội vô hạn của chân trời. Xa xa, giữa những khu vườn cao, vài tiếng kêu lanh-lạnh còn vọng lại ngáp-ngừng và lễ-thê :

«Thằng khùng ! thằng... khùng...»

(PLATERO Y YO, trang 25-26)

Platero leo đèo mang Jiménez đi nghễnh-ngãng trên vụn nẻo đường đời ; đôi lúc, họ dửng dưng chân lại và nghêu-ngao dưới gốc thông già hoặc pháp-phồng nghe tiếng chim liu-lo hoặc cùng nhau ngồi trên đồi cao ngắm nhìn mặt trời lặn xuống giòng sông.

Jiménez và Platero cùng nhau chứng kiến những hình ảnh buồn vui của đời ; họ chứng kiến như đám mây trắng bẽnh-bồng chứng kiến cảnh đời dưới thế... Bởi vì Jiménez và Platero không còn thuộc về thế giới này nữa ; họ là mây, là nước, là giòng sông trầm lặng bình thần chảy trôi về biển. Hãy lắng tai nghe giòng sông... Nước vẫn chảy và vẫn chảy, nhưng rồi vẫn còn đó ; cũng là một giòng sông nhưng mỗi lúc sông lại biến thành mới... Phải không Hermann Hesse ? Phải không Siddhartha ?...

Thình-thoảng, Platero ngừng uống nước và cũng ngược đầu nhìn những ngôi sao như tôi, lòng miên-mau nổi hoài lương dịu-dàng và vô hạn.

(PLATERO Y YO, trang 89)

Platero giống tôi vô cùng, đến nỗi tôi tưởng như Platero cũng mộng những giấc mộng của tôi.

(PLATERO Y YO, trang 53)

Người ta thường chửi « ngu như lửa » ; Jiménez lại thích cái ngu ấy và sống cái ngu ấy trong nhịp thở mệnh-mông của mình ;

Jiménez lại còn sung sướng quá quyết rằng ông rất giống lửa và lửa rất giống ông, ông mộng những giấc mộng của lửa và lửa mộng những mộng của ông.

Thình-thoảng Platero ngừng ăn để nhìn tôi. Thình-thoảng tôi ngừng đọc để nhìn Platero.

(PLATERO Y YO, trang 78)

Jiménez sống qua những ngày hạnh-phúc triền miên với Platero, triền miên như tiếng dễ chan hòa trong gió, trong sương.

Qua những lần đi dạo đêm, Platero và tôi đã quen thuộc với tiếng dễ.

Vào lúc hoàng hôn, tiếng gáy đầu tiên của dễ còn ngáp ngừng, chầm-rãi và chát-chúa. Rồi thì dễ đổi giọng, vụn trầm giã lờn lờn cho đúng điệu để hòa hợp với giờ, với cảnh. Bỗng nhiên khi những ngôi sao thoáng hiện trên bầu trời trong xanh, tiếng dễ lại đặt đến được sự dịu-dàng dư dương của tiếng chuông liên hồi.

Những làn gió thm mát rượi đi qua và đi lại ; những đóa hoa của trời đêm bông bồng nở tròn vẹn và tinh hoa tuyệt diệu tinh

khuyết tõe bốc từ sự hội-ngộ giữa
trời và đất và tinh hoa ấy lang
thang trên bình nguyên. Bấy giờ
tiếng gáy của dẽ trở
nên mê-ly, lan tràn
khắp đồng quê và
giống như tiếng nói của
bóng tối. Tiếng gáy
không còn lưỡng-lự
nữa và không còn bỗng
nhiên im lặng nữa.
Như tràn lan ra ngoài,
mỗi âm - điệu dính
liền với nhau trong



Juan Jamon JIMENEZ

tình liên đới của những thủy tinh
đen... Những giờ trôi qua im lặng.
Không có chiến tranh ở thế giới
và người thợ nằm ngủ say sưa
mộng thấy bầu trời trong những
vùng miền viễn của giấc mộng.
Giữa những cây leo bên tường,
có lẽ đôi tình-nhân đang mê đắm
nhau, mắt chìm trong mắt. Những
mẫu đậu hoa mang những cánh
thư của hương vị dịu-dàng thoảng
bay về thị tứ, cơ hồ như đưa
thoảng từ tuổi xanh phóng túng,
thiết tha và tế-nhị. Lúa mì đang

đưa, xanh với ánh trăng và than
thờ theo chiều gió vào hải, ba hoặc
bốn giờ sáng. Tiếng gáy của dẽ
ngán vang lên từ
lầu giờ đây bỗng
dưng im lặng. Rồi
tiếng gáy ấy bỗng
vang lên lại. Tiếng
gáy của dẽ vào lúc
tinh mơ du-dương
biết bao, Platero
và tôi run lạnh và
đi trở về nhà ngủ
men theo những lối

Trăng lặn, đo-đo và ngáy ngủ.
Bấy giờ tiếng gáy ấy đang ngà-
ngà với ánh trăng, say sưa với
ánh sao, lãng mạn, huyền hoặc và
phong-phú. Lúc bấy giờ những
đám mây tang tóc bằng bạc chầm-
chậm kéo lùi ngày ra khỏi biển.
(PLATERO, trang 78-79)

Jimenez sống miền man giữa
cuộc đời; tâm-hồn người nhẹ-
nhàng thoải mái, người hạnh-
phúc vô hạn, hơi thở của người
nồng nàn giao động theo nhịp
sống tươi xanh; người là thằng

ngu và thằng khùng giữa Trời
Xuân muôn thuở.

Một buổi sáng tôi còn ngáy
ngủ, bỗng nhiên tôi bị những
tiếng nói huyền thiên của trẻ
con đánh thức dậy, tôi buồn, không
thể ngủ được nữa, đành nhay ra
khỏi giường một cách thất vọng.
Thế rồi khi tôi nhìn ra cánh đồng
qua khung cửa sổ, tôi mới biết
rằng đó không phải tiếng ồn ào
của trẻ con mà là tiếng chim kêu.

Tôi bước ra ngoài vườn và cảm
tạ Thượng-đế đã ban cho tôi một
ngày xanh đẹp. Buổi hòa nhạc
phóng túng từ nơi cổ tươi mát
của vô số chim thực là du-dương
làm sao! Một cách bất thường,
con én gửi tiếng liu-lo cuộn vòng
xuống giếng nước; sáo đen huýt
gió trên quả cam rụng; oanh rúc
ngồi nói liên miên trong cây sồi;
chim sơn tước đan dệt nụ cười
tươi đẹp lẻ-thẻ từ trên đỉnh cây
án và trong một cây thông già,
một bầy se-sẻ đang tiếp tục cãi
vã với nhau.

Buổi sáng đẹp làm sao! Ánh
trời dần trải niềm vui vàng bạc
trên mặt đất; cánh bướm

muôn màu đùa nghịch quanh
quẩn giữa hoa, nhả và suối
nước. Những cánh đồng đều bừng
mắt mở ra trong sự lên men của
đời sống trẻ mạnh. Chúng ta cơ-
hồ như đang ở trong tầng ong vĩ
đại của ánh sáng, trung-tâm điểm
bừng cháy của một đóa hồng bao
la hùng hực.

(PLATERO Y YO, trang 42-43)

Jimenez không còn là người
lớn nữa; người biến thành trẻ
con và nhìn đời với đôi mắt hồn
nhiên thơ ngây và sống chan hòa
thên-thang với Trời Xuân bất
diệt. Từ một người đàn ông,
Jimenez biến thành một đứa bé;
từ một tư-tướng-gia, Jimenez
biến thành một kẻ tầm thường.
Sau cùng, Jimenez biến thành
một thằng ngu để tìm lại lẽ sống
của đời, để tìm lại Thần-ngã
(Atman) của mình chan-hòa với
Mệnh-Mông của vô-hạn.

Tôi thiết tha muốn làm thằng
ngu giữa trời Xuân muôn thuở.

● PHẠM-CÔNG-THIỆN
(Đalat cuối năm 1961)

VĂN THƠ... TỔ - TÒM



★ BÀNG-BÁ-LÂN

TÔI có ông bạn già lắm chuyện. Cứ mỗi lần gặp nhau, dù bạn đến đâu, tôi cũng phải buộc lòng xếp việc lại để tiếp bạn, đề mạn đàm, phiếm luận ít nhất cũng mất một giờ !

Hôm nay câu chuyện phiếm giữa hai chúng tôi xoay quanh vấn đề «những thú vui nho nhỏ» nhưng rất cần thiết cho cuộc nhân sinh cực nhọc của con người.



Tôi mở đầu :

— Ngày xưa Thánh Thán — nhà phê-bình lỗi lạc trứ danh Trung-hoa — có ông bạn rất thân, thường cùng nhau phiếm luận. Một hôm, hai người đổ nhau nói lên những thú vui nho nhỏ, ai nói hay sẽ được cuộc và người thua phải uống rượu phạt. Trong cuộc thi ấy, có nhiều câu rất thú vị. Tỉ như câu sau đây :

« Một ngày mùa đông trời mưa

VĂN THƠ TỔ TÒM

tuyết, mình nhàn rồi chưa biết làm gì, bỗng một bạn thân đội tuyết đến chơi, đem theo một bình mỹ-tửu. Bèn gọi tiễn-đồng đốt lò hám rượu, rồi cùng nhau ngồi bên song cạnh lò than hồng, ngắm cảnh tuyết rơi, uống rượu thơm nóng, nói câu tâm-sự, quên hẳn chuyện đời phiền toái, chẳng cũng sướng sao ? »

Ông bạn tôi bỗng cười ha-hả, có vẻ khoái tri, nói bô bô :
— Thú thiệt ! Người xưa có những lối giải trí thú thiệt ! Tao-nhã biết bao ! Giá tôi được dự cuộc đó ấy, tôi sẽ nói về cái thú này, bạn xem liệu Thánh Thán có phải phọc không nhé ? Rồi lặng im một lát, đoạn ông bạn sửa giọng mà rằng :

— Trời xuân lạnh giá nhưng tung bừng vì là ngày Tết. Hoa đào, hoa mận nở đầy vườn, mưa phùn bay lất-phất nhẹ như sương. Không khí âm vang những tiếng động khêu gợi và thú vị : tiếng trống đình đậm-dịch, tiếng chuông chùa ngân - nga, tiếng ồn - ào của những đám thò-lò quay đất, tiếng khánh sành leng-keng trên ngọn cây nêu, tiếng cười trong-trẻo, tiếng chúc mừng thân mật, tiếng pháo nổ đi-đùng... Giữa những tiếng động quen

thuộc vui tai ấy, trong nhà ấm cúng, đồ đạc sạch-sẽ sáng choang, mình ngồi chơi tổ-tôm thường xuân với mấy người bạn thiết trong bầu không-khí ấm-áp thơm - tho của khói nhang, khói thuốc lá, của hương thủy-tiên, hương trà tàu... chẳng cũng sướng sao ?

Hai chúng tôi cùng im lặng, vì câu nói vừa rồi của bạn đã gợi cho chúng tôi hướng về dĩ-vãng, tha-thiệt nhờ quê hương miền Bắc xa xôi, nhất là vào giờ phút niên chung nguyệt quý này.

Bỗng bạn tôi cất giọng trầm trầm nói tiếp :

— Hôm nay chúng ta đang ở vào tháng cuối cùng của năm thứ bảy kể từ ngày di cư. Cũng như đa số đồng-bào, tôi đã mất tất cả, duy chỉ còn độc một cái thú chơi tổ-tôm ! Nhưng ngày thường mình ít tổ-chức vì phần bạn mưu sinh, phần quốc-gia đang hồi hữu sự không phải lúc đam mê giải trí. Tuy nhiên mỗi năm gặp dịp Xuân về, tôi vẫn cùng mấy bạn « đồng tâm » chơi đàm bầy hội tổ-tôm để chào mừng năm mới, nhưng thiếu cái không khí mà tôi vừa tả nên cũng bị mất hứng đi nhiều !

Rồi bạn xoay qua việc cấm cờ bạc và, do đó, tổ-tôm cũng

bị cấm chơi. Tất nhiên bạn tôi bệnh vực tỏ-tôm hết mình. Nghe bạn hùng-hồn biện luận, tôi dù không phải là đệ-tử của thủ tiêu-khiển ấy, cũng phải công-nhận tỏ-tôm là một thứ giải-trí tao-nhã... có một không hai!

Bỗng bạn tôi sáng giọng :

— Đây, anh cũng phải nhận tỏ-tôm là thú chơi tao nhã, vậy mà các anh — những nhà thơ — chỉ ca tụng những cái quái quỷ gì ! Tình yêu này, rượu này, lại cả phiến nữa này... mà không có lấy một vần thơ nào nói đến tỏ-tôm ! Hồng quá !

Tôi cười, vội ngắt lời ông bạn:

— A, cái đó thì tôi xin cải chính. Nhiều nhà thơ đã ngâm vịnh tỏ-tôm từ trước khi anh... ra đời kia, đâu phải cần đến anh bèn vực !

Bạn tôi trở mặt nhìn, có vẻ không tin. Không đợi bạn chất vấn, tôi tiếp luôn :

— Nói có sách mách có chứng ! Đây, anh hãy nghe cụ Nguyễn-Công-Trứ ca tụng thú chơi ấy :

Nhân sinh quý thích chí,
Cuộc ăn chơi chỉ hơn thú tụ tam.
Tài kinh luân xoay dọc xoay ngang,

Cơ điều dục quán ăn quán đánh.
Gọi một tiếng người đều khờ
kinh,

Dậy ba quân ai dám chẳng
nhường.

Cất nếp lên bốn mặt khôn đương,
Hạ bài xuống tam khôi chiếm
cả...

Đây anh xem, nhà thơ xưa say mê thú tỏ-tôm đến đổi tả người chơi bài như một viên tướng điều khiển ba quân chứ không còn là một con bạc nữa !

Bài của Trần-Tế-Xương tuy giọng thơ không được hùng mạnh như Uy-Viên tướng-công, nhưng đầy đủ và linh-hoạt hơn nhiều. Đây, anh hãy nghe :

Bực chẳng nhẽ anh-hùng khi vị
ngộ

Như lúc đen chơi cuộc tỏ-tôm :

Bài chạm thành cuối cánh
phồng ăm ăm

Ngồi thối thẳng, bốc quân rác
rảnh.

Cũng có lúc không chi thời bát
sách,

Lại có khi bạch định bốc yếu-
hồng.

Cất bài lên ông lão vẫn lần vòng,

Không dẫu cả, gập kè năm bảy
phồng.

Cũng có ván tôm lèo lên chờ
rộng,

Vớ phải thẳng bạch-thủ phồng
tay trên.

Gớm ghê thay ! Đen thật là đen !

Sắc như mác cũng thua thẳng
vận đỏ.

May mắn nhẽ ? Hữu duyên năng
tái ngộ,

Bĩ cực rồi đến độ thái lai.

Tiếng tam khôi chỉ dễ nhường
ai,

Hết bạch lại hồng thông mãi mãi.

Nào những kẻ tay trên ban này,

Tôi bây giờ thấy thấy dưới
tay ta.

Tiếng bài cào lừng-lẫy khắp gần
xa,

Bát vận ấy người ta ai dám đo.

Thế mới biết tỏ-tôm đen có đỏ,

Thì anh hùng vị ngộ có lo chi !

Trước sau, sau trước làm gì ?

Anh thấy chưa ? Không những cực tả được mọi cảm-xúc trái ngược của người chơi tỏ-tôm lúc đen và lúc đỏ, tác-giả còn mượn chuyện tỏ-tôm để nói về vận hội may rủi ở đời, đề tự an-ủi về việc công-danh lận-đận của mình và tỏ bày ý

chí tranh đấu cùng niềm tin-tưởng ở tương-lai. Giọng thơ còn mạnh khác hẳn giọng chưa cay chán nản của những bài làm về sau, chứng tỏ tác-giả đã làm bài này vào hồi đầu khi ông mới nếm qua mùi thất bại về thi cử, tuy buồn phiền nhưng chưa mất tin-tưởng. Anh chỉ việc đọc lại khổ xép (3 câu cuối) bài hát nói trên này là đủ rõ.

Ngoài ra, còn có « Bài phú tài bàn » của Nguyễn-thiện-Kế. Không những chỉ có nhà thơ ngâm vịnh tỏ-tôm, nhà văn cũng không phải không có người nói đến. Anh chưa nghe nói đến cái truyện ngắn của Phạm-duy-Tồn sao ? Nhan truyện là « Sống chết mặc bay », đăng trong tạp-chí Nam-Phong số 18, tả cảnh đê sắp vỡ, trong khi dân phu đang tắm mưa gọi gió tấp nập hộ đê thì quan huyện sở tại có bốn phen dón đốc công việc, đang ung-dung chơi tỏ-tôm trong một ngôi đình ở nơi cao ráo vững chãi cùng với thầy đề, thầy chánh-tổng, thầy đội nhất, thầy thông nhì, chung quanh có nha lệ rộn-ràng hầu hạ. Tôi xin kể nguyên văn một đoạn để anh nghe và mong anh đừng say mê tỏ-tôm như cái kiểu vị « dân chi phụ-mẫu » này :

«...Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài soi bát yến vừa xong, ngồi khênh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc, bỗng ngoài xa tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật mình, duy quan vẫn điềm-nhiên, chỉ lăm-le chục người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ bài. Vì ngài sắp ù to.

Có người khế nói :

— Bầm, đề có khi vỡ !

Ngài cau mặt gắt rằng :

— Mặc kệ.

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình bảo thầy đề-lại :

— Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy đề vội vàng :

— Dạ, bầm bốc.

Vừa lúc đó, tiếng người kêu rầm-rĩ càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác chảy xiết; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nôn-nao sợ hãi. Thốt nhiên một người nhà-quê, mình mẩy lấm lạp, tất-tả chạy xông vào,

thở không ra lời :

— Bầm ... quan lớn... Đề vỡ rồi !

Quan lớn đỏ mặt, tia tai, quay ra, quát rằng :

— Đề vỡ rồi !... Đề vỡ rồi, thì ông cách cổ chúng mày, thì ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Linh đâu ! Sao bay dám đề cho nó chạy xông-xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ?

— Dạ, bầm...

— Đuôi cổ nó ra !

Ngài quay vào, bảo thầy đề :

— Thầy bốc quân gì thế ?

— Dạ, bầm con chưa bốc.

— Thì bốc đi chứ !

Thầy đề, tay run cầm-cập, thò vào đĩa nọc, rút một con bài lật ngửa, xướng rằng :

— Chi chi !

Quan lớn vỗ tay xuống sập kêu to :

— Đây rồi !... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội vàng xóc bài, miệng vừa cười vừa nói :

— Ủ ! Thông tôm, chi chi này !... Điều may !

Bạn tôi vỗ đùi khoái trí :

— Hay ! Nhưng tôi không như ông « quan quách » ấy đâu ! Anh đừng lo ! Trong câu chuyện phiếm hôm nay, anh đã làm tôi hết thắc mắc và thêm hào hứng. Và đề cảm-tưởng này được trọn vẹn, phần anh chép dùm cho tôi mấy văn thơ tổ tôm mà anh vừa đọc.

Rồi anh rồi rít gọi thằng cháu tôi lấy giấy bút, đoạn anh đưa vào tay tôi và nghiêm nhiên ngồi chờ. Quả quen với thái-độ trịch thượng ấy của bạn,

tôi đành nhẫn nại ngồi chép thơ...

Trong khi ấy, ông bạn tôi tự thưởng một điều thuốc lão to tướng, rồi vừa thở khói như mây tuôn vừa khoái trá ngâm vang nhà :

Thế mới biết tổ-tôm đen có đỏ,
Thì anh-hùng vị ngộ có lo chi !
Trước sau, sau trước làm gì ?

BÀNG-BÁ-LÂN



★ NÓNG LẠNH

Đang buổi học, bé Tuấn và bé Tài lười biếng trốn học, chơi bắt châu-chấu trên bờ ao gần trường. Cô của chúng nó chợt đi chợ về, trông thấy hỏi :

— Ủa, hết Tết rồi, học-trò đã đi học, sao hai đứa con chưa vô lớp ?

Bé Tuấn trả lời :

— Bữa nay hai đứa con nóng-lạnh.

★ TỤC-NGŨ THỎ-NHĨ-KỶ

— Ở đời có một người khôn thì có hai người dại.

— Có nghìn người bạn là ít, có một người thù là nhiều.

khúc hậu-dinh-hoa...

Sao mãi nhai hoài chuyện khứ lai...
Vân mùi xuân dướm về xuân tươi...
Mà lời — điệu-vợ niềm tề tái...
Như vương mùi « tang » bữa mọi nơi !

Đêm trơ tịch muốn âm vang rả rích
Dồn dập về đường vạch rách tim ai !
Nền sâu xuân tôi xin góp một vài
Hoa đặc biệt riêng tặng người tri kỷ...!

Vết dao cũ sao sâu dần thế nhỉ ?
Hãy lắng nghe tiếng rặng võ chua cay
Hai nửa tim dướm máu nóng đây này
Sắp nát vụn ! — Ôi trời ơi ! cay nghiệt !
Nói sao hết những lời than thống-thiết !
Của muôn dân khi lũ cướp hoành hành
Khi thiên tai, khi mệnh bạc lênh đênh
Trên khắp nẻo đó thành và thôn dã...!

Khốn nạn quá ! ai là người hề hã ?
Khi hậu phương, thiên hạ thế lương...
Khi tiền tuyến, chiến binh quần quai...
Khi nhân loại xé thây nhau
Vành khăn tang dần quấn kín qua đầu
Áo trắng rợn phủ toàn thân tề giá
Rắn độc mưu sâu, bắt đầu huýt gió...
Họ ngáy ngồ chúc nhau như gõ mõ...
Rồi diêm nhiên múa vui nhẩy đẹp...
Rống bài ca ái ân nồng dướm !
Khúc ca, điệu múa y hệt xưa, xưa... xưa lắm.
Nào nuốt chân-chường như bao năm qua !
— Phải chăng khúc « Hậu-dinh-Hoa » !
Mà Trần-hậu-Chủ la đà nơi nơi...

PHẠM-HUYỀNH
(Bình-dịnh)

NGÀY XUÂN TẶNG CÁC BẠN PHỤ-NỮ

10

điều kiện giữ chồng

N HÌE U bạn gái
thường than phiền
đức lang quân ít ở
nhà, đêm ngày gì cũng bê-tha ở
nhà hàng, hiệp bè bạn rong chơi,
nhậu nhét, cờ bạc...

Các chị than phiền, khóc lóc,
nhưng chị em có biết đâu, một
phần cũng do nơi chị em không
có đủ phương-pháp giữ chồng ở
nhà, một khi gặp trường-hợp ấy.

Có người chồng nào lúc mới
cưới vợ lại bỏ nhà đi chơi luôn
đâu? Có vợ, người bạn trăm năm
chia vui, sốt buồn, giàu nghèo
đồng chung hưởng với nhau, tức
nhiên người chồng nào cũng

★ CÔ PHÙNG-HẠNH

thương yêu vợ, mến gia-dình của
mình cả.

Nhưng một người đàn ông khi
đã bỏ nhà, không kể vợ con, gia
đình, bê-tha chơi-bời cũng do một
nguyên-nhân nào làm họ bất mãn,
họ mới bỏ gia-dình rong chơi,
một lần, hai lần, ba, bốn năm lần,
dần dần họ thành một thói quen,
cứ tiếp tục đi, không còn kể gì
gia đình, kiên nhẫn chờ người vợ.

Một khi chị em nào gặp phải

hoàn-cảnh ấy, thì cần phải tìm hiểu nguyên-nhân từ đâu, lỗi tại người chồng hay cũng có một phần lỗi ở chị em. Trị bệnh, bác sĩ cần phải biết nguồn gốc của bệnh, tức nhiên trị bệnh dễ dàng.

Tôi xin hiến chị em **10 PHƯƠNG-PHÁP** tôi đã rút trong tờ báo LA FEMME ET LA VIE của Pháp để chị em nhận xét, có sơ sót phần nào bổn phận trong những điều-kiện ấy, để bồi-bổ sửa đổi, hầu giữ được hạnh-phúc gia đình, ông chồng khỏi bỏ nhà đi chơi, mặc kệ vợ con đau ốm, đói no.

I. — VẤN-ĐỀ ĂN UỐNG

Đây là điều tối cần trong 10 phương-pháp. Trên thế gian này, chẳng có một kẻ nào không thích ăn ngon. Đời người ăn không được, không ngon thì hết thích-thú rồi. Vậy muốn giữ chồng đừng bỏ một bữa ăn nào, thì chị em cần phải chăm nom, lựa chọn từ miếng ăn ngon lạ, vừa miệng. Lúc còn trong « tuần trăng mật » chị em cho họ ăn dăm, ăn mặn họ cũng không để ý. Nhưng thời-gian qua, sự dễ-dãi không còn nữa. Tình yêu đương hồng-hột buổi đầu đã đổi lại tình đầm thắm

vợ chồng trăm năm. Người chồng đi làm về mệt, thích được ăn bát canh nóng, ngọt, miếng cá tươi chiên vừa miệng... chị em lại cho ăn canh nguội, cá ươn, cơm khét hay nhão nhè. Họ thích ăn đồ tây, chúng ta lại cứ cho ăn mắm là mắm, hết mắm kho, tói mắm chiên, mắm chun... Một hai lần ráng ăn, nếu cứ tiếp tục như thế, tự nhiên họ chán chê phải bỏ nhà đi ăn chỗ nào vừa miệng. Người phụ nữ khôn ngoan cần phải biết ý chồng, thích món chi để chăm nom săn sóc. Mặc dù có người bếp, nhưng cũng phải trông nom, dọn dờ, nêm nếm, không được bỏ mặc cho người làm.

Nếu chị em không là người đi « làm việc », thì tự - nhiên là người nội-trợ phải tiếp tay nấu-nướng, chăm nom món ăn cho được sạch sẽ, vừa miệng chồng. Một khi ở nhà, canh cá vừa miệng, thì chẳng khi nào họ bỏ cơm nhà đi ăn cơm người.

2. — TÌNH YÊU THƯƠNG

Ngoài sự yêu thương về vật chất, cần phải có sự yêu thương tinh thần. Người đàn ông coi thường sự âu yếm bề ngoài, lúc đầu thì họ thích, lần lần

lâu năm họ coi thường, coi thường thì họ sinh chán.

Còn giữ được chẳng chỉ là tình thương tinh - thần. Tình thương tinh thần là cái gì làm cho họ cảm mến, xúc động, tình yêu họ mới đời dào dạt vĩnh viễn mãi. Như sự chăm nom, săn sóc miếng ăn đã đành, nhưng tới giấc ngủ, một cái áo, cái quần, cái khăn nhỏ, đôi giày, đôi vớ v.v... cũng cần phải để ý lựa chọn, sạch sẽ, ngăn nắp. Những sự nhu cầu hàng ngày được thỏa mãn nhờ sự chăm nom săn sóc của vợ, thì niềm yêu đương lại bằng bột thêm, chẳng có ngày giờ chán nản, bức dọc để đến đổi phụ vợ, lường gạt vợ, bỏ nhà đi chơi.

3. — SỰ VUI VẺ, HẤP-DẪN Ở GIA-ĐÌNH

Một người đàn ông đi làm việc mệt về nhà, khi bước tới ngưỡng cửa là thấy nhà cửa bàn ghế lung tung, dơ dáy, con cái la khóc om sòm, mũi dài chảy lòng thông, còn bà vợ thì quần áo xuề-xoát, tóc tai rũ-rượi, la hét người ở, đánh đập con. Có người đàn ông nào khi mệt về nhà tìm cảnh vui-vẻ an nhàn lại chịu nổi cảnh tượng ấy. Nhứt

là khi ở sở bị chủ rầy hay ở tiệm gặp chuyện làm ăn khó-khăn, thuê má tăng, phạt vạ, về nhà gặp cảnh này thì chắc chắn họ bỏ đi mau hơn nữa.

Còn nếu một gian nhà sạch sẽ, trật tự, từ phòng khách tới phòng ăn, hoa khoe màu rực rỡ trong lọ trên bàn, con cái tươi ngời học bài tựa một cái ghế rộng êm, để chồng khi về mệt ngồi cho khỏe cho êm, tựa ghế cổ giày thay đồ và luôn luôn nhớ treo sẵn một bộ đồ mát thẳng thớm; chồng khỏi phải chạy đi lục kiếm.

Trên bàn ăn, ly chén trật tự, sắp đặt gọn gàng, chỗ nào con, chỗ nào chồng, chỗ nào vợ, đĩa trái cây đủ loại, bay mùi thơm phứt, đĩa bánh ngọt vun tròn hơi bơ sữa thơm ngọt mũi.

Bà vợ mặt tươi cũng như hoa mới nở, tóc tai vén khéo, nức-nùng mùi nước hoa, trong bộ áo cánh màu hồng lợt hay xanh da trời, vui cười đón tiếp chồng về, các con đứa chạy lo xách dép, đứa cắt giày, đứa bưng cho cha ly nước cam tươi hoặc ly rượu bia. Với cảnh gia-đình đầm-ấm tươi vui như thế, người nào lòng

chẳng thấy hân hoan, hạnh-phúc.

4. — CÁI ĐẸP CỦA NGƯỜI VỢ

Cái đẹp đây chẳng phải là cái đẹp ở nơi cái sắc khuynh thành mà là cái đẹp ở lời ăn tiếng nói dịu ngọt, cái đẹp sạch sẽ, vén khéo. Chẳng cần phải mặc quần áo lòe loẹt, chỉ một bộ đồ vải trắng tằm thường, thẳng thớm, trắng nuột với mái tóc láng mượt duyên dáng, đủ làm cho người đàn bà có một vẻ đẹp tự-nhiên rồi. Có lắm chị em hồ-hững với sự trang điểm. Chị em bảo có chồng, có con sửa soạn làm chi? Nhưng chị em có biết đâu để u xù, sáng thức dậy không chải gỡ, để hai cục ghèn to trên đôi mắt, tóc tai xù xộp, quần áo nhăn nhó, nước da nhờn bóng đầy dầu, ngời dưng điểm tằm với chồng, trách sao người chồng chẳng chán nản, cái cảnh mặt mỹ-thuật ấy. Còn khi nằm gần bên vợ, hơi tối, hơi nước mắm trong quần áo, tóc tai của vợ bay ra đầy mũi, còn nệm ở giường nằm khai nước dãi của đám con. Như thế trách sao khi ra đường gặp các cô son phấn, sạch sẽ họ chẳng đâm mê.

5. — TÌNH PHỤ - TỬ

Có người đàn ông nào chẳng thương con. Nếu những đứa con

ấy nhờ sự dạy dỗ, chăm nom của vợ mà chúng nó ngoan ngoãn sạch sẽ, học giỏi. Gia đình bền chắc trăm năm do nơi những đứa trẻ ấy. Đó là mối giây chắc chắn của gia-đình.

Nếu để con dơ dáy, ghê chốc đầy mình, đầy đầu, hỗn láo, ngu độn thì cũng làm giảm bớt tình yêu thương của cha nó và sự liên lạc ràng buộc người đàn ông càng mau đứt mất với gia đình.

6. — XÃ-GIAO

Bạn bè của chồng cần phải tiếp đãi chu đáo. Dù đó là một người bạn nghèo, một kẻ không địa vị mà chồng hậu đãi, kính mến, người vợ cũng phải hậu đãi, kính mến như chồng. Không được ra vẻ khinh khi bạc đãi, làm mất lòng chồng lại buồn lòng bạn. Rồi bạn phê bình không tốt cứ chỉ « trọc giàu, khinh nghèo » của mình với chồng, sẽ đưa đến tai hại cho mình.

Đối với cha mẹ, anh em, bà con bên chồng cũng cần phải tôn kính thương yêu như cha mẹ ruột của mình. Có mua, có làm được vật nào tốt, món nào ngon, thỉnh-thoảng gửi biếu cho vui lòng người lớn, nhứt là cho người chồng.

7. — ĐỨC TIN

Phải tin tưởng vào sự chân thành của chồng. Đừng quá nghi ngờ như Tào-Tháo, tra hạch, tìm tòi những sự giao du bạn bè của chồng, nhứt là phụ-nữ.

Đừng lục soát giấy tờ trong bóp, hay áo quần, tủ kệ của chồng, hoặc xé thư của người gửi đến để tên chồng coi trước. Chẳng có người đàn ông nào chịu như thế, mất quyền tự do cá nhân của họ. Họ sẽ bất mãn, giảm bớt lòng yêu thương vợ. Tin cậy chồng thì họ chẳng dám phụ lòng tin cậy của vợ, chớ một khi nghi kỵ, rầy rà, rào đón, tra gạn quá họ bực mình sẽ liều lĩnh.

8. — VẤN-ĐỀ TIỀN BẠC

Vấn đề này mới tới quan hệ. Rồi khi chồng lỡ gặp bạn bè đãi ăn uống hay giúp người bạn nghèo, hoặc gửi cho cha mẹ, thiếu chút ít số tiền lương đem về, chẳng nên cần nhằn gây gổ mỗi ngày. Chỉ ráng thu xếp, tiết kiệm lại một vài « ngân quỹ tiêu xài » trong nhà cho đủ số tiền tiêu trong tháng. Như thế, tỏ ra mình đại lượng, can đảm, biết trở tráo, xoay sở. Làm vậy lại chinh phục lòng yêu

thương, kính mến của chồng đối với mình nữa.

9. — SỰ TRUNG-THÀNH

Dù có gặp phải hoàn cảnh nào, chồng mê sào bạc, rượu-chè, đi điếm, người vợ cần phải tìm phương can gián, tìm lời dịu dàng nhỏ nhẹ, khuyên lơn, không được phải tìm một biện pháp khác như khuyên chồng thay đổi không khí : đi nghỉ mát vài tháng hoặc xin đổi đi một tỉnh khác (như chồng là công chức) để được khuấy lang, quên đi thói quen đó.

10. — SỰ BỀN-CHÍ

Nếu gia đình gặp phải cảnh thất bại, chồng thất nghiệp, hoặc buồn thua bán lỗ, người vợ cần phải nhẫn nại bền chí an ủi chồng cho được đủ can đảm lướt qua cơn bão táp. Nhứt là phải giữ sự vui tươi, êm ấm trong nhà, chẳng nên quá kêu rêu, than thở, túng thiếu, quạu quọ đánh đập con cái, gây gổ cùng chồng, càng đưa vào con đường đổ vỡ.

Có người đàn ông nào chẳng có lương tâm, chẳng biết mến yêu gia đình « VỢ VÀ CON » nhứt là vợ hiền con thảo ?

PHÙNG-HẠNH



★ THIẾT-MAI

TRONG bất cứ thời đại nào, từ cổ chí kim, dưới bốn phương trời, con người, đàn ông hay đàn bà, đều ở một địa vị xã-hội nào, cũng có hai sự bận rộn hằng ngày là làm việc và giải trí.

Từ các bộ-lạc man rợ trong thâm sơn cùng cốc đến những quốc gia văn minh tốt bụng trên thế giới, xã hội loài người đều tổ chức những thú tiêu khiển. Những thú vui rất nhiều nhưng có thú vui tai hại, có thú vui tao nhã tùy theo sự phức tạp của tổ chức xã-hội và tâm tính của con người sống trong hoàn cảnh xã-hội ấy.

Sự văn-minh càng ngày càng

THÚ CHƠI

của
dân
chúng
thời
xưa...

tiến triển, sự sống càng ngày càng phức tạp cho chúng ta thấy rằng loài người càng ngày càng đòi hỏi quá nhiều những thức ăn về vật chất cũng như về tinh thần cho nên nhiều thú tiêu khiển ban đầu có vẻ rất hiền lành nhưng càng ngày càng trở thành nguy hại có thể gây ra những cảnh hỗn loạn cho đời sống con người. Ví dụ như thú chơi đàn, nghe nhạc,

đánh cờ là những thú tiêu khiển rất tao nhã ngày xưa có ai ngờ có thể sinh ra cái thú dâm dật ở các xóm cô đầu, sự say sưa cuồng loạn với những điệu nhạc Rock'n Roll, Be bop, Cha cha cha, Calypso v.v... hay là cái thú sát hại nhau trong những thủ-đô cờ bạc Las Vegas, Monte-carlo hay là Kim-chung, Đại-thế-giới như độ nọ ở nước ta.

★

Nước ta, theo cổ lệ, mỗi lần đến dịp Tết là mỗi lần dân chúng được vui chơi thỏa thích. Vậy nhân dịp Xuân, chúng ta thử nhớ lại một vài thú chơi của dân chúng thời xưa như thế nào :

THÚ CHƠI CỜ NGƯỜI

Ở nước ta, thú chơi tao nhã và có thể cho rằng «quý phái» hơn hết là thú đánh cờ, vì đánh cờ có thể ví như đánh giặc và người chơi cờ có thể ví với một thượng tướng cầm quân công hãm một thành trì. Phải chăng đây cũng là lối biểu dương sĩ khí của nhà nho và luôn luôn rèn luyện tinh thần thượng võ của dân-tộc.

Người cao cờ phải là người rất thông minh, sáng suốt, mưu mẹo, sành về tâm-lý, thông hiểu

binh pháp, không khác gì một vị chủ-súy có tài chiến-lược (stratège) trong một bộ Tham-mưu quân sự.

Người chơi cờ thường dùng một tấm bảng, tượng trưng cho bãi chiến trường, chia ra hai phần, bên quân mình, bên quân địch, giữa có đường ranh giới tương-trung cho con sông ngăn cách. Tấm bảng gỗ vuông nhỏ, có kẻ ô và trong các ô có các con cờ mang danh hiệu Tướng, Sĩ, Tượng, Xe, Pháo, Mã, tượng trưng cho các binh chủng, dàn thành trận thế. Các đối thủ tiến quân bằng những «nước đi», khi tấn khi thoái, hãm thành bằng những «nước cờ» bí hiểm cốt để «chiếu tướng». Cái khó trong «nước đi» và «thế cờ» là người chơi cần phải theo những nguyên tắc và luật định chứ không phải đi thế nào cũng được. Ví dụ : Mã nhứt, Tượng điền, Xe liền, Pháo cách, nghĩa là con Mã (ngựa) phải đi theo nét chữ «nhứt», con Tượng phải đi theo nét chữ «điền», con xe phải đi thẳng một đường liền, suốt từ bên này qua bên kia luôn, không có gì ngăn trở, con «pháo» đi cách quãng, nghĩa là phải qua đầu một quân khác để bắn quân địch (giống như trọng pháo bắn vòng cầu) còn con «tốt»

(chiến sĩ) thì chỉ được phép đi tới chứ không được tháo lui. Về thể cờ có câu «Nhứt tốt độ hà, bán xa chỉ lực» nghĩa là một con «tốt» qua sông được bằng nửa sức con xe.

Điều động một con cờ là một việc hết sức quan trọng, không khác gì trên trận địa điều động một binh chủng. Người cao cờ đi một «nước» phải dẫn đo hết sức và phải trừ liệu đến 4, 5 nước về sau và phải biết đoán trước nước cờ của địch.

Nhiều người cao cờ chơi với nhau, thường thách nhau «cắm hoàn» hay là «cắm hựu» có nghĩa là nếu đã lỡ tay đi một quân cờ nào, dầu biết là thấp nước cũng phải đi vậy chứ không được đi lại nước khác.

Có người sở trường ngón cờ «thế», khi nào mình thấy yếu bên lập một trận thế tuyệt diệu để giữ nhà. Trước chiến lược phòng thủ gât gao với trận thế hiểm yếu, dầu bên đối thủ có cao cờ bao nhiêu đi nữa cũng không sao phá nổi, hai bên cứ cò-cưa, dai dẳng hoài mà không phân thắng bại, rốt cuộc phải đi đến sự giảng hòa.

Vì đánh cờ là một nghệ thuật cao siêu của chiến lược

dụng binh cho nên có người cho rằng Thống-chế Tướng-giới-Thạch là một tay rất cao cờ, đã tìm ra một thế cờ cổ thủ đề đối lại với Mao-trạch-Đông hằng bao nhiêu năm nay mà không nao núng.

Đánh cờ thường, trên bảng gỗ là thế, đại khái như đã nói trên. Đánh cờ người thì cũng theo phương pháp và nguyên tắc như thế nhưng chỉ khác là đem người thật ra để thế cho các quân cờ, bàn cờ phải lát ván xuống đất cho đủ chỗ người đứng.

Bàn cờ rộng độ một sào đất, trên có rập lớn để che mưa nắng. Trên mặt bàn cờ các ô vuông được kẻ bằng những lần vôi trắng. Cái rập, chuồng quanh dựng cột như rập thường, chỉ có ở trong lòng rập thì người ta trồng 2 hàng cột, mỗi hàng 5 cái, vừa đủ cho quân «tốt» đứng, vừa tượng trưng cho con sông chia đôi giới hạn hai bên lại vừa để thay thế hàng cột chịu đựng mái rập. Bốn cột chỗ con «pháo» đứng làm trụ mái. Chỗ cung «Tướng» làm như kiệu cái phòng, bốn bên rào mặt vòng, kết hoa lá rực rỡ, trong có bày nghi môn, đối liên, ngoài có hương án, giữa có ghế bành, nơi của «Tướng» ngồi, hai bên

có hai chiếc ghế của : Sỹ (quản sự theo danh-từ xưa hay là sĩ quan tham mưu theo danh từ ngày nay). Các quân cờ khác cũng đều có ghế ngồi theo thứ tự. Trên những nét chữ thập có kẻ ô, đều có chôn một ống tre làm nơi cắm biêng quân cờ để bằng chữ nho : Sỹ, Tượng Xe, Pháo, Mã.

Quân cờ thường được biệt đãi, như là phái nữ. Tướng nữ phải kén chọn con nhà phú quý hoặc là con nhà chức sắc trong làng hoặc trong hàng tổng, hàng huyện, có nhan sắc, nét-na. Nhà ai có con cháu được kén chọn làm nữ tướng, rất lấy làm vinh hạnh và không ai tiếc của để sắm sửa cho con được trang-hoàng, đẹp-đẽ. Các quân cờ bên nữ cũng vậy, đều phải kén chọn trong đám con nhà tử tế, lương thiện và phải có nhan sắc Họ cũng được cha mẹ tùy gia phong kiệm, sửa soạn cho «được mắt», như là làm thế nào cho phục sức giống nhau. Như một đôi xe chẳng hạn, cô con gái nhà Giáp, nhà Ất được chọn đúng hình, đúng vóc để thủ vai quân cờ ấy thì cha mẹ hai đảng cũng phải thu xếp cùng nhau để sắm sửa cho con mình được xứng đôi cân cặp. Đến Mã, Pháo, Tượng, Sỹ cho đến hàng Tốt cũng vậy. Tốt còn phải cả 5 quân đều cùng chung một lối

phục sức như nhau.

Trong sự lựa chọn quân cờ, khó như là cặp Tượng. Thường thường các quân Tượng nam nữ đều lựa những cô, cậu cao bằng nhau, dầy dả, mạnh mẽ, nước da ngăm ngăm và đáng-điệu có vẻ nặng nề chậm chạp mới hợp.

Bên trai (nam) cũng vậy. Vai Tướng cũng phải kén chọn người cho có học thức, mặt mũi khôi ngô. Y phục thì áo vóc hoặc hàng đen, khăn đen, quần trắng, dầy hạ. Các quân khác cũng phục sức chỉ 2 màu đen, trắng, không tốn kém bao nhiêu. Tướng nữ thì trang sức cực kỳ diễm-lệ, dầu chỉt khăn nhiều màu tam giang, vai choàng một tấm vóc màu hỏa hoàng, mình mặc áo gấm bông tròn nhỏ, tai đeo đôi trâm vàng, cổ đeo kiềng hay choàng chuỗi tràng mạn ngũ sắc thơm ngát mùi nhang bài, mặc quần lãnh đen, chân mang hài nhung tím nhọn mũi.

Hai vị tướng nam, nữ hôm đầu tiên đều được dân làng và quân cờ đến tận nhà mời rước, có bát âm nhã nhạc, có lọng, có cờ, sắp thành hàng ngũ đi đến hội đình.

Thường thường rập cờ người cất trước mặt đình làng, trong

đình hương đèn nghi ngút, và trước đình có bày hương án, trước hương án có đặt một cái sập gụ trên đặt một bàn cờ có hai vị chức sắc rành cờ ngồi với tư cách «thẩm sát viên» để theo dõi trên bàn cờ mình các nước cờ của hai đối thủ ở trong rạp.

Trong đình nổi chiến tranh, đốt pháo. Hai phe quân cờ, tương đi trước, sắp hàng vào bãi tạ thần linh, xong rồi mới sắp hàng trên bàn cờ. Hai đối thủ đánh cờ cũng vào bãi tạ mới bắt đầu tranh thắng bại cùng nhau.

Quân cờ vẫn ngồi yên vào thứ vị mình, người đánh cờ muốn đi quân nào thì cứ nhờ cái biếng tên cờ cầm sau ghế đem cầm sang chỗ nào muốn xê dịch quân. Trong lúc đó, chiêm trống đều nổi lên âm ỉ, cờ phát trống rung, cốt để gây hứng thú mà cũng để cho đôi bên điếc tai loạn mắt, nhưng hai tay cao cờ vẫn trầm tĩnh để suy nghĩ nước cờ mình.

Quân cờ được làng thiết cơm mỗi ngày hai bữa, ăn tại trong đình, nhưng đều chia phe ngồi cách xa nhau chứ không được chung chạ vui vầy.

Thủ chơi cờ người có khi kéo dài hàng tuần vì nhiều tay cao cờ khắp các làng, tổng,

huyện, phủ chung quanh đều đến để so tài cao thấp. Dân chúng, nhất là những người biết đánh cờ, đều mê mẩn, đứng suốt ngày để xem và bàn tán về các nước cờ một cách say sưa và thích thú.

★ ĐÁNH ĐU

Thủ đánh đu cũng là một thú chơi rất vui trong các ngày hội, nhất là ngày Tết. Làng nào có nơi nào bóng cây im mát là có trồng cây đu.

Tối 30 tháng chạp ta, đu đã dựng xong xuôi cả rồi nhưng theo phong tục và tín ngưỡng thì chưa ai dám lên đánh trước. Ở gốc cây đu còn thấp một bó hương chờ đợi các cô «nàng khuất mặt» đánh trước đã rồi bắt đầu từ sáng mồng một mới đến phiên «người trần» chơi. Có người kể lại rằng trong đêm khuya 30, có chỗ trồng đu nghe tiếng «kéo-kệ» như ai đang đu vậy. Những người bạo dạn rình xem thấy phảng phất dáng người thước tha trên đu và dây đu thì đưa qua đưa lại.

Trai gái trong làng thích đánh đu lắm.

Ở đường ngoài, theo tục xưa, con gái thường mặc váy. Mỗi lần lên đu, sợ gió lộng nên

các cô thường kiểm mảy cộng rơm, le te chạy đến gốc đu, hai tay túm váy buộc lại, một nuột ngay dưới gấu váy chính giữa. Khi buộc, trông các cô có vẻ thẹn thùng e lệ, đứng lom khom, mắt nhìn chùng, trông rất buồn cười.

Buộc xong, các cô nhẹ nhàng thót lên đu, nhún nhảy một hồi đã thay váy vút lên cao, thân lình các cô rất mềm mại, uốn lượn, nhún xuống để thêm đà, nhiều lúc đàn đu lên cao đến nỗi nằm ngang, dây chùng lại.

Nhiều cô rất háng nhưng chẳng may giữa lúc đang hứng thú, dây rơm buộc váy bật ra, các cô hốt hoảng, vội khép chặt hai chân lại, hai tay vòng lấy dây đu, mặt mày rầu rĩ thẹn thùng, đứng im phang phác, chờ cho đu dừng lại mới hạp tấp nhảy vội xuống.

Kể viết bài này được xem đánh đu đã lâu lắm rồi nhưng đến bây giờ vẫn còn thắc mắc không hiểu vì sao buộc dây rơm mỏng manh và bất tiện như thế mà các cô vẫn cứ dùng phương pháp ấy mãi, kể cũng lạ thật. Đi xem đánh đu, nếu đứng lâu ở một cây đu thì thế nào cũng được thấy cảnh «tai bay vạ gió» ấy

xây đến. Không hiểu vì sao các cô không kiểm phương thế khác, hay chính là... cái vui, cái thú vị của cả người đu và người xem đu là do những sự hồi hộp của «mảnh giấy rơm» tạo nên vậy.

Các cô gái lại thích đánh đu đôi lắm. Có lần khi cả đôi trai gái cùng đánh nhưng chỉ được đánh trên những cây đu có dây dôi, bàn đạp đứng lên trên dài bằng hai bàn đạp của đu chiếc và dây đến 3 sợi, sợi giữa cả hai bên cùng nắm, hai sợi hai bên mỗi người một sợi. Muốn cùng đu trên cây đu chiếc thì phải là 2 trai hay 2 gái mới được. Nếu nơi nào không có đu dôi thì tuyệt nhiên cấm hẳn trai gái đánh chung trên đu chiếc.

Đánh đu là một trò chơi rất thích thú và đẹp mắt và cũng rất thanh nhã, nhất là thủ đánh đu cặp, cả trai lẫn gái, hai người cùng nhau bay lượn trong gió lộng mây ngàn, phải chăng đấy là mộng của tất cả nam nữ thanh niên đang tuổi dậy-thì, muốn xây dựng hạnh-phúc trên tất cả sự vật, muốn đưa tâm-hồn cùng nhau phiêu diêu trong cảnh hạnh phúc vô biên, ngoài cả thế gian vũ-trụ?

● TRÒ LỤC SỞ

Trò Lục-sở thời xưa đại để là những trò chơi như ngày nay là các trò « xiếc » hay các màn ảo thuật nhưng còn thô sơ, không tài tình hay khoa-học như ngày nay. Lục-sở như tên của nó, có 6 trò : leo dây, múa rối, dắt trâu qua ống, đánh đu dăng xay và sắp chữ.

Trò leo dây giống như trò xiếc ngày nay đi trên giây thép, nhưng ngày xưa không có dây thép, dây đánh bằng sợi gai, có bóp sơn sừng cứng, dăng cao độ quá đầu người và dài chừng 10 thước tấy.

Múa rối là trò chơi giống như trò « marionnettes » của Pháp. Trong một cái vòm che kín, người điều khiển chỉ dùng tay để cử động các hình nộm theo nhịp kèn trống, biểu diễn các trò như hai người vật lộn, hai con gà chọi nhau, thằng ngỗ con đi đùa dỡn nhau hoặc gà cồ ăn vãn cối xay v. v. . .

Dắt trâu qua ống là một lối ảo thuật, và đánh đu dăng xay là một cái đu tròn như cối xay, hai bên cần xay là một trai một gái, vẻ mặt, áo quần lố lăng, vừa xoay tròn, vừa ca hát theo tiếng kèn tiếng trống và làm những điệu bộ khôi hài.

Sắp chữ do một toán trẻ con chừng 15, 16 tuổi mặc toàn sắc đỏ, ra múa hát một hồi rồi chạy nối đuôi nhau theo tiếng nhạc, ban đầu phân thành hàng một, rồi hàng hai, hàng ba, hàng tư và lần lần ghép thành 4 chữ « Thiên hạ thái bình » rồi đến « Từ phương bình định ».



Thủ chơi ngày xưa còn nhiều, như đồ-vật, treo thai (một lối chơi có tánh cách văn chương) đua ghe, lội nước bắt vịt, nàu cơm thi v.v... toàn là những thú chơi không có hại và có tính cách kích thích lòng tự ái của đồng đội hay tính tự cường của cá-nhân trong sự ganh đua.

Dân chúng ngày xưa « chơi » với tất cả tính tình hồn nhiên chất phát của con người muốn hoàn toàn giải trí sau những ngày tháng làm việc mệt nhọc vất vả, không có ý nghĩ háo danh, trục lợi, không phải để thỏa mãn những sự đòi hỏi điên cuồng của thể chất.

Nhưng thời đại lần lần đổi thay, sự sinh hoạt trở nên phức tạp, con người chất phát ngày xưa đã nhiễm chất độc của « văn minh ngoại lai » càng ngày càng xâm nhập vào xã-hội.

Vậy thì chúng đáng vui hay buồn đây !

THIỆT-MAI T.T. CẢNH

Trăng-ba-mười



Ôm tình lý-tưởng chết dần tháng năm

Đường xa tấp
Sầu ngút ngàn
Vọng về Chức Nữ
Ngàn năm tình Ngưu Lang.

Nắng tắt rồi,
Nghe lòng gợn nhớ
Gió im rồi,
Nghe hồn bơ vơ.

Tay lơ đánh mắt ngày thơ
Đành sống với thời bằng giá
Nghe định mệnh đi dần vào giấc ngủ
Giật mình đi tìm Trăng-Ba-Mười.

Thôi rồi ! Thôi rồi ! nước nở
Biết chọn tình cầu nào
Nghe tâm sự gầy hao
Úa dần theo năm tháng.

Tàn lụn
Gió Bắc thổi
Lòng lạnh rồi
Ai khơi lò sưởi
Phải rồi.

Trăng - ba - mười
Nên lòng tức tưởi
Nên đời cô đơn.

TRIÊN-TRIÊN

(Quảng-Trị)

TỎ-TIÊN

của

Loài người

L À A I ?

NĂM 1959, giải thưởng Nobel về sinh lý và y học đã được tặng cho hai giáo sư Arthur Kornberg và Severo Kchoa. Giáo-sư Kornberg, quê ở New-York, hiện dạy môn hóa-học sinh-vật ở trường Đại-học Standfort (San Francisco). Giáo-sư Ochoa, nguyên quán Tây-ban-nha, hiện nay cũng giữ ghế hóa-học sinh-vật tại Phân khoa y-học trường đại-học New-York. Công tác của hai nhà bác-học qui-tụ trên hai chất hiện nay được xem như là căn bản của tế bào sống: axit ribônuclêit (gọi tắt là ARN) và axit đêôxyribônuclêit (gọi tắt là ADN). Dựa trên đặc tính các axit nuclêit là những chất trùng hợp (polymère), hai nhà bác-học đã khảo cứu cách biến hóa các chất ARN và ADN thành

những chất trùng hợp. Hai ông đã tìm ra được những giếu tố (enzyme) vì trùng có thể xúc tác (catalyser) phương pháp tổng hợp. Giáo-sư Ochoa khởi đầu với một bản thuyết minh năm 1955 (cộng tác với cô Marianne Grunberg-Monago người Pháp), trình bày về chất ARN. Ít lâu sau đến lượt giáo sư Kornberg trùng hợp hóa chất ADN. Những điều mà hai giáo sư đã tìm ra được trong nhân tế bào quan trọng không kém gì những bí mật khám phá ra được ở các nhân nguyên tử trong ngành vật lý học.

★ VÕ-QUANG-YẾN

Thật vậy, học hỏi các axit nuclêit tức là tìm hiểu căn bản của sinh vật. Có những sinh vật cực kỳ nhỏ bé như siêu trùng (Virus) chỉ gồm có một tế bào, công cuộc khảo cứu dễ bề đem lại kết quả hơn các sinh vật lớn. Ta hãy theo các nhà bác học đi dạo một vòng trong thế giới siêu trùng xem họ đã tìm ra được những gì.

SIÊU TRÙNG LÀ MỘT SINH VẬT KỲ QUÁI

Siêu trùng là một tế bào cực kỳ đơn giản. Phần lớn các siêu trùng

là những thanh gậy nhỏ, độ dài thay đổi từ 15 tới 300 phần triệu ly. Dùng kính hiển vi điện tử, người ta có thể thấy lớn hơn 10 ngàn hay 100 ngàn lần. Nhưng nhìn vào kính hiển vi thì chỉ biết được hình thức mà chẳng hiểu rõ được cách cấu tạo và động tác của siêu trùng. Phương pháp hay để học hỏi là dùng những giếu tố tức là những chất xúc tác có thể gây nên những phản ứng hóa học về hoạt động biến hóa sinh vật cho tác dụng lên các cấu tử (constituant) siêu trùng. Có giếu tố chỉ phân giải (dissocier) các axit nuclêit. Trong trường hợp này, siêu trùng không bị tiêu tan vì nhờ có vỏ prôtêin bao bọc che chở. Có giếu tố chỉ có tác dụng trên prôtêin. Lúc ấy, siêu trùng vẫn giữ yên năng suất sinh sản của mình. Như vậy, axit nuclêit thật là thành phần chính của siêu trùng. Người ta còn có một thí nghiệm khác: cho một loại giếu tố phân giải một phần lớp prôtêin bao bọc, xong cho tiếp một loại giếu tố khác tác dụng lên axit nuclêit để chỉ phá hủy một phần siêu trùng mà thôi. Người ta nhận thấy dù siêu trùng chỉ bị phân giải có 20/o chẳng hạn, nó cũng bị mất năng suất sinh sản. Như vậy, axit nuclêit chỉ có sinh

lực nếu phân tử được toàn vẹn.

Trong phòng thí nghiệm của nhà bác học Stanley, người ta còn tìm ra được nhiều tính chất khác: đem «lột trần» một siêu trùng rồi để vào giữa những chất prôtêin bao bọc axit nuclêit lại mọc ra, dù những chất prôtêin này thuộc về một loại khác. Siêu trùng mang vỏ prôtêin loại khác, nhưng những siêu trùng các thể hệ sau lại mang vỏ prôtêin loại mình như trước.

Với những tính chất ấy, siêu trùng sinh sản ra sao? Ta biết trong một tế bào sinh vật, lớp prôtôplat bao bọc nhân chứa nhiều ARN và chính ARN sản xuất ra giếu tố cần thiết cho sự tổng hợp; nguyên liệu thì từ ngoài qua màng tế bào mà vào. Nhưng trong một siêu trùng, không những không có lớp prôtôplat mà nhân cũng chỉ có một phần nhỏ thì cách sinh sản không thể theo phương pháp cổ điển được. Trước hết, siêu trùng xâm nhập vào bất cứ một tế bào sống nào khác, đặc biệt vào những vi trùng (bactérie), xong rồi biến mất. Các nhà sinh vật học theo dõi hiện tượng này rất ngạc nhiên và phải thừa nhận

khi vào trong tế bào, siêu trùng tự phân giải và axit nuclêit dính vào những bộ phận hạt (gène) là những phần tử thường xuyên hướng dẫn sự phân tách và chứa đựng đặc tính di truyền của tế bào. Sau đấy, axit nuclêit của siêu trùng lãnh đạo bộ phận tổng hợp hóa chất của tế bào và bắt tế bào phải sản xuất những siêu trùng của mình. Vài giờ sau, khi một số siêu trùng đã được cấu tạo, tế bào bị vỡ và để lọt ra ngoài hằng trăm siêu trùng vừa mới thành hình. Kỳ quái nhất là khi siêu trùng xâm nhập vào một tế bào thì thu mình ẩn bóng, chẳng thấy vào đâu, chỉ trừ trong trường hợp ung thư, hoặc khi một tế bào bị chiếu quang tuyến (irradié) rồi trở nên ung độc (cancérigène), siêu trùng phải xuất đầu lộ diện.

SIÊU TRÙNG LẠI LÀ MỘT VẬT KÝ SINH

Đến đây, một câu hỏi khác lại được đặt ra: siêu trùng đơn giản thế kia, lại có năng suất sinh sản, phải chăng là nguyên thủy của sinh vật trên mặt đất ta ở?

Ngang đây ta nên thụt lùi lại chút ít trước kỳ đại chiến thứ nhì. Các nhà bác học hồi ấy có tìm ra được một hóa

chất trích từ lá thuốc ra, có thể làm hư hại cây thuốc, rồi sau đấy, khi cây bị bắt đầu phá hủy thì hiện ra một loại siêu trùng, tới nay thường được gọi là siêu trùng khảm (virus mosaïque). Mọi người vội la ó: liên quan giữa bất động vật và sinh vật đã tìm ra, nhất là người ta lại biết những bộ phận hạt (gène) của tế bào là những phần tử axit nuclêit. Những người lạc quan tưởng đã sắp tìm ra được nguyên thủy sinh vật. Kề ra, cách chứng minh của họ cũng có phần dễ dàng: hóa chất khi thành siêu trùng, lúc ban đầu đơn giản, trở thành nhân một tế bào, xung quanh mọc ra một lớp prôtôplat bao bọc; phần tử axit nuclêit lúc đầu trở trội một mình, tăng gia thành trang nhiễm sắc thể (chromosome). Những sinh vật độc tế bào này càng ngày càng trở nên phức tạp hơn và cứ thế cho đến ngày nay. Nhưng như đã thấy ở trên, một nhận xét cực kỳ quan trọng đã chặn đường các chứng minh ấy: siêu trùng tuy có năng suất sinh sản, không thể sống một mình được cũng như không thể tự mình sanh con đẻ cháu. Siêu trùng chỉ có thể sinh sản trong một tế bào sống khác. Thiếu hoàn toàn các bộ phận sinh sống, bộ

phần hô hấp, bộ phận tiêu hóa, siêu trùng không thể là những sinh vật đầu tiên được. Có nhiều siêu trùng, trái lại, là giai đoạn cuối cùng của sinh vật. Ở các loại động vật lúc nào cũng có những vật ký sinh. Một vật ăn bám ở nhờ thì không còn giữ các cơ quan hô hấp, tiêu hóa làm gì, mọi việc đều nhờ ở vật kia, chỉ còn giữ lại năng xuất sinh sản để có thể truyền nối giống giống.

Nhưng nếu siêu trùng không phải là nguyên thủy của sinh vật thì những phát minh khoa học gần đây cũng làm cho ta suy nghĩ nhiều.

SINH VẬT BẮT ĐẦU NẢY NỞ TỪ MẶT BIỂN

Ngay trước kỳ đại chiến thứ nhì, các nhà vật lý-học, đặc biệt Dauvilliers, đã nghĩ những luồng điện trong khí quyển và những tia tử ngoại (rayon ultra-violet) có thể xúc tác những phản ứng hóa học. Nhưng phải đợi đến 1953 mới có nhà vật lý học Mỹ Stanley Miller có ý cho đựng vào bình kín những khí gần giống như khí quyển quả đất lúc sơ khai rồi cho kích thích với những giòng điện và các tia tử ngoại. Ông cho máy chạy một tuần và ngạc nhiên thấy nhiều hóa chất hữu cơ (organique) đã được tổng hợp

ra, đặc biệt là những chất axit amin. Người ta biết axit amin là những chất cần bản của các loại prôtêin, rường cột của bất cứ một tế bào sinh vật nào. Thí nghiệm này đã là một phát minh vô cùng quan trọng: thí nghiệm đã dạy cho ta biết khí quyển bị kích thích có thể tạo ra những chất cần bản cho mọi vật sống. Các nhà bác học Nga đã có ý nghĩ hay, khi bắn các Sputnik lên không trung, không quên cho đem theo một ít «khí quyển của quả đất lúc sơ khai» để xem thử dưới ánh nắng hoàn toàn của mặt trời không có gì ngăn cản, tác dụng sẽ ra thế nào. Các nhà bác học hiện nay phải thừa nhận lúc mới khai thiên lập địa, những axit amin đã được cấu tạo trên khắp mặt đất, rồi mưa gió đưa tụ tập lại ngoài mặt biển và chính từ mặt biển mà sinh vật đã bắt đầu nảy nở. Trong các phòng thí nghiệm, người ta lại biết thêm nhiều prôtêin có năng suất sinh sản mà các pôtein không khác gì là các axit amin dính lại với nhau.

Tới nay, các phương pháp phân tích chưa được phân minh để người ta có thể biết rõ ràng cấu tạo các prôtêin và sau đó kiếm cách tổng hợp. Nhưng người ta cũng đã biết chắc được các prôtêin chỉ là do các axit amin cấu tạo thành

và cách sắp đặt các axit amin để cho thành prôtêin thật là một sự tình cờ đã xảy ra. Nhiều nhà lý thuyết đã nói đến một sự ngẫu nhiên đặc biệt và mỗi một khi các prôtêin có năng suất sinh sản đã được cấu tạo thành thì dần dần át hẳn các phân tử khác. Và từ mẹ tới con từ con tới cháu... dần dần phân tử thay hình đổi dạng, trở nên tế bào, thêm cơ quan... tự động hoàn thiện từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Như trong một bộ máy nào, từ vật liệu qua chương trình sản xuất, người ta tưởng dần dần đã tìm ra được đủ. Axit amin, rồi prôtêin, qua axit cucleít, đặc biệt ADN, là những nền móng để tìm hiểu quá khứ của chúng ta. Nay người ta đã biết trong một phân tử taxi nuclêit, ngoài chất đường (sucré) và axit photphorit, các badơ purin hoặc pyrimidin tùy cách sắp đặt mà làm thành một bộ ám hiệu định đoạt đặt tính di truyền của sinh vật. Còn chất ADN có thể xem như là một giải thu thanh trên ấy ghi hết chương trình di truyền của sinh mệnh. Nhưng sự hiểu biết của loài người hiện nay cũng phải tạm dừng ngang đây.

Từ thuở nào, nhân loại đã đặt câu hỏi: tổ tiên ta là ai? Gần đây, với khái niệm tiến triển của sinh vật, người ta lại

muốn biết sinh vật lấy nguồn ở đâu, biến hóa thế nào? Và hiện nay, tuy khoa học và kỹ thuật đang tiến mạnh, nhiều giả thuyết và chứng minh đã được đưa ra, nhiều khi lý lẽ cũng có phần chính đáng, nhưng tổ tiên của sinh vật, với bóng tối của thời gian, vẫn còn nằm trong bí mật.



Danh-Nhân Thế-Giới

Trên-bản Thế-Kỷ Hai-Mươi

★ TÂN-PHONG

2.— ARMSTRONG (Louis)

Từ trước cho đến cuối thế-kỷ XIX, âm-nhạc vẫn là một nghệ-thuật cổ-diễn và rất tế-nhị ở Âu-Mỹ, cũng như ở các xã-hội Đông-phương. Âm-nhạc cổ-diễn dù reo vang lên từ những phiến dương - cầm hay rên rỉ trên những sợi giây đàn thập lục, vẫn có tính - chất nghiêm - trang, đứng đắn, gần như một tiếng nói thiêng-liêng tĩnh khiết, siêu-phàm, lời cuốn tâm - hồn thính - giả vào một thế-giới huyền-ảo đề-mê.

Bỗng dưng đầu Thế-kỷ XX trời dậy một thứ nhạc mới lạ, ào ạt, sôi-nổi linh-dộng, thét lên như sấm, gào lên như bão, làm cháy thịt cháy da như một ngọn lửa thần-linh. Nhà

Nhạc - sĩ có thiên - tài kỳ - dị, đã đem tiếng nhạc mới ấy làm rung động cả thế giới, chỉ là một người dân da đen, nghèo nàn, đói rách, tên là LOUIS ARMSTRONG.

★

Sinh ngày 4-7-1900 tại thành phố New-Orleans, thủ đô tỉnh Louisiane, Mỹ, Louis Armstrong là giọng dõ người da đen Phi-Châu, gia đình sang, tìm kế sinh nhai bên Mỹ đã mấy đời. Cha của Louis Armstrong là một dân lao động, làm thợ trong một xưởng máy. Mẹ của ông đi ở mướn, làm vú em. Hồi nhỏ, Armstrong chỉ học được chút ít thôi nhưng rất thông minh và có thiên tư đặc biệt, sở trường về âm nhạc. Nhà nghèo, đưa bé 11 tuổi làm đủ các nghề để kiếm tiền: đi bán chuối ngoài chợ, đi chở than, chở củi, đi làm thuê, gán



mướn cho nhà giàu. Trong thành phố ai cũng thấy thằng bé da đen ấy có tật vừa làm vừa hát, hát theo các vũ điệu say mê của Mọi Da đen Phi-Châu, tổ tiên của nó. Năm 16 tuổi, nó dùng một khẩu súng lục cũ kỹ bắn nhau nô đùa với lũ bạn trong xóm. toàn là con nít da đen. Một đứa bị thương nặng, suýt chết. Louis Armstrong bị bắt giam trong một trại chính huấn thiếu nhi.

Năm 17 tuổi, Armstrong được thả ra về. Một nhạc - sư nổi tiếng lúc bấy giờ, là Kid Ory, biết cậu có thiên tài, liền gọi cậu đến để ông luyện tập khoa âm-nhạc cho có căn bản. Lần đầu tiên, Armstrong học về các nốt nhạc, và tập thổi trong

một cái kèn làm bằng tờ giấy cuộn lại.

Nhờ đó, Louis Armstrong điều - hòa được nhạc cổ - điển của người da trắng và nhạc Jazz của người da đen. Và cũng từ đó, Armstrong sáng-tác ra một loại nhạc JAZZ mới. Chẳng đã 20 tuổi. Chuyện m ô n sống về nghề ca hát trên các chuyến tàu thủy chạy trên sông Mississippi, Armstrong đã hát những bản nhạc JAZZ của chàng đặt ra và đã làm đề - mề hành khách da trắng cũng như da đen, giàu như nghèo, già trẻ lớn bé, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái... Mỗi lần chàng hát, những bản nhạc JAZZ của chàng rung động trên đôi môi, vang rền, rền xiết, như tiếng đồng, tiếng thiếc, rạo-rực, sôi-nổi, khiến ai nấy cũng muốn đứng dậy nhảy-nhồm lên. Người ta đã mề chàng, phục chàng, gọi chàng bằng biệt-hiệu là Louis SAT-CHMO ! (Satchmo, tiếng da đen có nghĩa là *môi thiếc*). Nhạc JAZZ xuất hiện lần đầu tiên trong thành phố New Or-

前
半
世
紀
世
界
名
人
錄

leans, bằng lời ca và kèn trompette, làm xôn xao cả thành phố. Chẳng hát những bài gì? Toàn là những bài tức giận, kêu thét về cuộc đời đau khổ đói rách của dân nghèo. Những bài buồn, thảm, oán thán. thật là làm ly, não ruột, gọi là BLUES. Chẳng hát ra nước mắt, cho cả phòng thính tọa đều chảy ra nước mắt. Chẳng hạ giọng xuống, ai nấy cũng buồn. Chẳng trỗi giọng lên, ai nấy đều muốn đứng lên. Chẳng kêu gào tức giận, mọi người đều tức giận... Chẳng lời cả muôn nghìn thính giả theo điệu nhạc JAZZ của chàng, bất cứ hạng người nào.

Louis Armstrong nổi tiếng về giọng hát và giọng kèn trompette nhạc Jazz, được công chúng Chicago mời đến biểu diễn. Nơi đây, một nữ nhạc sĩ dương cầm, cũng người da đen, tên là LIL HARDIN, mẹ chàng. Hai người thành hôn và lập ra ban nhạc Jazz đầu tiên trên đất Mỹ, năm 1924. Chàng mới có 24 tuổi.

Ban nhạc Jazz của Louis Armstrong gồm những nhạc sĩ tiên-phong của nhạc Jazz: Louis Armstrong, Lil Hardin (bây giờ thành bà Lil Armstrong), Kid Ory, Johnny Dodds, và John St Cyr. Tất cả năm người đều hạng - hái, nồng-

hiệt, gọi là Ban-nhạc NĂM NÓNG (HOT FIVE) !

Ban nhạc Hot Five đến New York, chỉ trong đêm đầu đã chinh-phục được lòng ngưỡng-mộ nhiệt-liệt của công chúng. Tiếng vang bay khắp cả Âu-châu, Á-châu... Người ta nghe chàng say-mê, rung động, trong các đĩa hát. Tiếng nói của Louis Armstrong thành ra tiếng nói trọng-trung của nước Mỹ đối với Thế-giới, đầu thế-kỷ. Năm 1932, Armstrong trình-diễn nhạc Jazz trên sân khấu London, trước mặt Anh Hoàng George V và cả Anh-Triều. Hát xong một bản duo vô cùng hào-hứng, Armstrong ngừng mặt lên nhà Vua, nói rất tự nhiên với giọng rất bình dân: « Bản này, xin hát tặng Vua » — « *That piece is for you, Rex!* ». Cả phòng đều đứng dậy vỗ tay nhiệt-liệt. Hoàng-hậu Mary tỏ vẻ hơi khó chịu vì lời nói kém lễ phép của Armstrong, nhưng Vua cười bảo: « *He is a king too!* » (ông ấy cũng là một ông Vua!). Vua George V muốn nói: Louis Armstrong là ông Vua của nhạc Jazz!

Từ 1935, Nhạc JAZZ biến chuyển ra các điệu mới, như SWING, do DUKE ELLINGTON và BENNY GOODMAN bày ra. Năm 1944, lại xuất hiện ra

điệu nhạc BE-BOP, do BILLY ECKSTINE, nhạc-sĩ *contrebasse* OSCAR PETTIFORD, nhạc-sĩ trompette DIZZIE GILESPIE. Và mới đây, năm 1957, nhạc-sĩ *Saxophone* STANLEY GETZ khởi xướng ra COOL JAZZ, có vẻ « tri thức hơn », và « lạnh » hơn, để chống lại nhạc « Nóng » của Armstrong. Nhưng, trọng-trung, LOUIS ARMSTRONG vẫn là người tiên-phong. Người đầu

tiên đã trỗi lên tiếng kèn trompette của nhạc JAZZ, năm 1910, ở New Orleans... Nhà Nhạc-sư kỳ tài của thế - hệ chúng ta đã thay đổi, và cho» lại nồng hổi không-khí của Thế kỷ XX đã nguội lạnh mặc dầu có DEBUSSY và IGOR STRAVINSKY...

TÂN - PHONG



★ ĐI VAY TIỀN XÀI TẾT

Gần Tết, một người thất nghiệp ngày nào cũng đến nhà một người bạn giàu để mượn tiền. Nhưng ngày nào người bạn giàu cũng đi vắng. Hôm 28 tháng chạp, người bạn thất nghiệp lại đến. Đưa đầy tờ bảo: « Ông chủ bà chủ đi vắng ». Người kia bảo:

— Không sao, tôi chờ đến trưa thế nào ông bà cũng về. Tôi ở đây chơi với mấy đứa con của ông, tôi nói chuyện với con kết, tôi bắt sâu cho mấy chậu hoa. Tôi bắt bọ chết cho con chó...

Nhưng trưa người bạn giàu cũng chưa về. Hôm sau, 29 Tết, người thất nghiệp lại đến. Đưa ở bọc mình bảo:

— Ông bà đi vắng cả. Các em ngủ cả. Con kết chết rồi. Các chậu hoa hết sâu rồi. Con chó cũng hết bọ chết rồi.

Người thất nghiệp đành thui-thui đi về...

I.GOR



Tuần DÂN CHÚNG

LỊCH SỬ

XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910 -

NƯỚC VIỆT 1960

(Xem từ P. T. số 54)

LÚC bấy giờ các trường nghỉ Tết được nửa tháng, từ 22 tháng Chạp ta đến Mồng 8, hoặc Mồng 10 tháng Giêng. Trong mấy ngày nghỉ Tết, đa-số học-trò bị nhiễm một tật thông-thường của đa-số các bậc Phụ-huynh, là cờ bạc. Ở tỉnh nào và ở Phủ Huyện nào cũng thế cả. Có năm loại cờ bạc «trong mấy ngày Xuân» : 1o) Giới quý-phái, quan-liêu, các quan lớn, quan nhỏ, thi đánh *tổ-tôm, tài-bàn*. (Nhất văn, Nhị văn, Tam văn... Chi-chi, Cờu-vạn, Bacc sách) v.v... 2o) Giới binh-dân phong-lưu, thi đánh *Kiêu* (Thất Kiêu, Ngũ Kiêu Tam Kiêu.) 3o) Giới binh-dân đại-chúng, nhất là phụ-nữ, thi đánh *Tứ-sắc*, (Trương xanh, Trương đỏ, Trương vàng, Trương trắng, Tốt vàng, Tốt xanh v.v...)

★ NGUYỄN-VỸ

hoặc bài *Tam-Cúc* (ông Âm, Ba-tiền, Tám-tiền, v.v...) 4o) Giới cờ-bạc chuyên môn thi *Hốt me*, *Xốc đĩa*, *Bài cào*, *Xi-lục*, *Các-lê*... 5o) Sau cùng là Học-trò và con nít, thi đánh lú : *Tam-Túc*, *Lượng-Yêu* (Tam là ba đồng tiền, lú bốn đồng, lượng hai đồng, yêu một đồng)

Trong mấy ngày Tết, hầu hết các gia-đình đều tổ-chức những cuộc «đánh bài» như thế, tuy là «*đề tiêu-khiển trong mấy ngày xuân*», nhưng thực ra cũng ăn thua liền bạc quá nhiều, và rất ham mê. Cờ bạc công-cộng thì có *Bài chòi*, do làng xóm tổ-chức. Lối chơi *Bài chòi* công-cộng này rất vui, rất dễ quyến-rũ người ta. Thường thường một nơi nào

mở hội *Bài chòi*, thì khách chơi phần đông là từ các nơi xa kéo đến, có khi từ Huyện nọ sang Huyện kia, đến vài chục cây số. Hội *Bài Chòi* thường khai-mạc sáng Mồng-một Tết, và kéo dài đến Rằm tháng giêng. Lối chơi này riêng liệ ở Trung-kỳ, rất thông-dụng. Ở miền Bắc và miền Nam không có.

Đám thanh-niên và học-sinh vui đầu vui cổ trong các canh bài, đêm nào cũng thức thật khuya, có đêm thức đến sáng. Vì học-trò có ít tiền, nên mấy canh bạc ăn thua chỉ trong vòng năm bảy tiền, hay một quan là nhiều.

Phải nhận-xét vô-tư và xác thực rằng tất cả những cuộc cờ bạc trên kia chỉ thịnh-hành trong mấy ngày Xuân thôi. Trừ ra một vài gia-đình tiếp tục chơi đến hết tháng giêng, còn hầu khắp các nơi, hết Tết là hết cờ-bạc. Các bộ bài được gói cất kỹ-lưỡng trong tủ, và ai nấy lo «lâm ăn».

Học-trò cũng thế. Hết nghỉ Tết, bắt đầu học trở lại, phần nhiều học-sinh lo học, không đánh bài nữa. Dù còn muốn chơi cũng không dám chơi, vì bài học và bài làm rất nhiều, đâu có thì giờ rảnh-rang nữa!

Trừ một thiểu số lười biếng, phần nhiều là con nhà giàu, được cha mẹ cưng, còn hầu hết học-sinh thời trước đều chăm chỉ học tập, sợ thầy phạt, và lo tranh đua với chúng bạn. Học không thuộc bài, bị Thầy cho *zero* trong sổ điểm, là một cái nhục lớn cho người học-trò đối với bạn bè trong lớp. Học-trò thuở trước biết tự-trọng, do đó mà biết cố gắng.

Xã-hội Việt-nam từ 1910 đến 1940, không có hạng thanh-niên lêu-lồng, truy-lạc, quá nhiều như ngày nay. Chính ở hai đô thị xa hoa rộn-rịp nhất là Sài-gòn, Hà-nội, số thanh niên trác-tán cũng không có bao nhiêu. Họ chẳng chỉ là một thiểu số con nhà giàu, mà cha mẹ để cho ăn chơi tự-do, bọn công-tử công-tôn xài phí hoang đường, cậy quyền ý thế có những hành-động ngang-tàng, thất-giáo. Còn hầu hết thanh-niên đều cố gắng học-hành thi cử, để kiếm «công ăn việc làm». Mỗi người tùy theo khả-năng của mình, tất cả đều được tiếp nhận trong các công-sở, tư-sở, nhà buôn, nhà máy, và các ngành hoạt động khác trong xứ. Luân-lý gia-đình chặt-chẽ, kỷ-luật học-đường nghiêm-khắc, chương trình học-vấn điều-hòa, có

căn-bản, và phong-độ chung của xã hội Việt-nam được lành-mạnh, tốt đẹp, đã bảo-đảm cho thanh-niên Tiên-chiến một đời sống tinh-thần và vật-chất thảnh-bàng, không bẽ-bối, không hỗn-loạn.

Thanh-niên 1920-1940 có lễ-độ, không hỗn-láo, không xác-xược. Đối với Thầy họ không lỗ-măng, đối với Bạn không lơ-là, với mọi người trong xã-hội họ giữ được tư-cách đĩnh-dẫn, gương mẫu của «người học-trò». Tuy học chữ Tây, nhiệm văn-minh vật-chất của Âu-Tây, nhưng họ vẫn điều-hòa được cả hai tinh thần Đông-phương và Tây-phương nhờ đó họ đã xây dựng được một thể-hệ trung-bình, phần-chấn, không rụt-rẻ thoái-bộ, mà cũng không hời-hợt, lãng nhãng.

Tuần-em lớn lên giữa một xã-hội mới đang phôi-thai trong tiến-bộ, hấp thụ một dưỡng-khí học-đường lành-mạnh, tinh-khiết và mát-dịu. Tinh-thần chủng-tộc càng nảy-nở mạnh-mẽ trong tâm-khảm nó. Bao nhiêu những rục-rỡ tân-kỹ của Văn - minh Pháp-quốc, như tàu bay, xe-hơi, giấy điện, giấy thép, đồng hồ, và trăm ngàn máy-móc mới lạ, tuy khiến cho nó kính-phục, nhưng không sao biến đổi được

tính chất thuần-túy của giống, nòi đã khấn khít như keo-sơn, như cội rễ, trong giòng máu Việt-nam của nó.

Những kẻ « phục Tây sát đất », và nịnh Tây, theo Tây, tôn người Pháp là « Quan Thầy », tôn nước Pháp là « Mẫu quốc », chỉ một số ít thôi. Đó là những kẻ muốn tăng cường địa-vị cá-nhân, muốn khuếch-trương quyền-lợi riêng, muốn dựa thế người Pháp để xây dựng danh-vọng, vinh-hoa, phú quý cho họ và cho gia-đình họ. Những kẻ ấy không ảnh-hưởng chút nào cả đối với đại đa số thanh-thiếu-niên, nhất là thanh thiếu-niên học-sinh ở các trường Pháp-Việt.

Nhân-vật điển-hình của hạng nịnh Tây, năm 1920 ở tỉnh Q. thuộc về giới « thượng-lưu tri-thức », lại chính là ông Đốc-học Phạm-văn-Mỗ. Tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư-phạm Đông-Dương ở Hà-nội, ông là người Nghệ-An, được bổ-nhiệm về tỉnh Q. thay thế cho ông Đốc-học Pháp đổi đi nơi khác. Ông là một trong số người Việt-nam đầu-tiên đỗ Tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư-phạm (Trường này mới được chính phủ Thuộc địa thành lập tại Hà-nội, năm 1914), và cũng là người Việt-nam đầu

tiên được bổ-nhiệm làm Đốc học tại một trường Tiểu-học Pháp-Việt ở tỉnh (*Ecole de Plein-Exercice*). Ông độ 30 tuổi, người thấp và nhỏ, luôn luôn nói tiếng Pháp, không bao giờ nói tiếng Việt.

Năm 1920, ở các tỉnh toàn xứ hầy còn ít người Việt-Nam mặc âu-phục. Các Thầy Thông, thầy Phán làm việc tại các tòa, các sở, các thầy giáo, đều mặc áo đen dài, mang dây Hạ, đội mũ, hoặc chít khăn đen. Ở tỉnh Q. « Quan Đốc-học » Phạm-văn-Mỗ là người đầu tiên mặc âu-phục, và « quan » chỉ mặc đồ Tây, không bao giờ mặc đồ Việt cả. Ấy thế mà một năm sau có một Thầy giáo dạy lớp Tư cũng bắt chước mặc âu - phục như Quan Đốc, thì Quan Đốc không bằng lòng, và thù ghét tìm cách đuổi thầy đi khỏi trường. Nghe nói Thầy đi vô Đông-Nai Gia-định ! Chỉ tội-nghiệp cho Thầy giáo lớp Ba ! Cũng như Thầy lớp Tư, Thầy này cũng bắt chước may một bộ đồ Tây, sắp sửa mặc đi giày học. Học-trò đến nhà Thầy, Thầy lấy bộ quần áo Tây mới may đem ra khoe, có vẻ hãnh-diện và vui sướng lắm. Học-trò cũng thích Thầy mặc đồ Tây cho oai. Nhưng thấy cái gương thầy lớp Tư như thế, Thầy lớp

Ba vội vàng xếp bộ đồ Tây cất vô tủ, không dám lấy ra mặc nữa. Đến đôi Chủ-nhật Thầy đi dạo chơi ngoài phố, hoặc đến chơi nhà các Thầy khác, Thầy cũng không dám mặc đồ Tây, sợ có ai mết lại với Quan Đốc thì nguy !

Một buổi chiều thứ Năm nghỉ học, Tuần-em đến thăm Thầy, Thầy than-thở với Tuần :

— Ở tỉnh mình không có thợ may đồ Tây, và cũng không có tiệm nào bán vải may đồ Tây, sẵn có người bà con đi Đông-Nai buôn bán, Thầy gọi tiền nhờ họ vô Đông-Nai mua vải và mướn thợ may cho Thầy một bộ, không dè ông Đốc không muốn cho thầy giáo mặc đồ Tây, thành thử thầy phải bỏ. Thầy tiếc quá !

Tuần hỏi :

— Thưa Thầy, Thầy thuê thợ Đông-Nai may hết bao nhiêu tiền ?

— Thầy dè dành nửa tháng tiền lương mới đủ mua hàng lissu và may được bộ đồ Complet đó.

Tuần-em nghe Thầy nói, thương Thầy lắm. Học trò cả lớp đều thương Thầy, không đứa nào dám chế nhạo Thầy về vụ đó. Đối với ông Đốc, các Thầy Giáo và học trò cả trường đều sợ.

Buổi học cuối niên khóa, trước kỳ nghỉ hè 3 tháng, từ đầu tháng 7 dương-lịch, ông Đốc vào từng lớp căn dặn học trò. Dĩ nhiên ông nói tiếng Pháp. Học trò lớp Năm và lớp Tư không hiểu nổi thì có các Thầy Giáo dịch lại tiếng Việt :

— Ngày mai, 1 tháng 7, bắt đầu nghỉ hè. Nhưng các trò ở xa không được về quê vội. Vì ngày 14 tháng 7 đây là ngày Lễ Quốc - Khánh của nước Đại Pháp, có Quan Công-Sứ chủ tọa cuộc diễn binh long trọng. Tôi muốn toàn thể học-trò trường Tỉnh phải đến đông đủ dự buổi lễ ấy. Vậy sáng ngày mai và liên tiếp trong 7 ngày, học trò lớp Nhứt, lớp Nhì, và lớp Ba, phải tới trường để tập hát bài Quốc-Ca Pháp, là bài *La Marseillaise*. Phải tới đông đủ, trò nào vắng mặt sẽ bị phạt *consigne*. Ngoài ra, tất cả học trò các lớp phải nói với cha mẹ mua vải xanh vải đỏ may cho mỗi trò một lá cờ Tam-tài, xanh-trắng-đỏ, là cờ của Mầu-quốc, để ngày 14 Juillet cầm đi dự lễ. Sáng 14-7, đúng 6 giờ, các trò và các Thầy giáo phải tề-tụ đông đủ tại sân trường, mặc áo dài trắng, sạch-sẽ, và mỗi trò cầm một cây cờ Tam-tài lớn bằng một tờ giấy Tây, sắp hàng tề-chỉnh,

để các Thầy giáo dẫn đi dự lễ Quốc - Khánh, và chào mừng Quan Công-Sứ. Trò nào khiếm-diện hôm đó, sẽ bị đuổi luôn.

Ông Đốc-học Phạm-văn-Mỗ truyền huấn - lệnh rõ-ràng và nghiêm-khắc như thế, rồi ra về.

Tuấn-em về nhà nói chuyện lại cho anh và cha mẹ nghe lời căn-dặn của ông Đốc. Thím Ba, mẹ Tuấn, nói :

— Không lẽ may một lá cờ Tam-sắc nhỏ bằng tờ giấy Tây mà phải đi mua ba thứ vải ba màu sao ? Mẹ cắt một tấm vải trắng ra thành ba, Mẹ mua phẩm xanh phẩm đỏ về nhuộm hai miếng, rồi mẹ may lại, được không ?

— Thừa mẹ, không được đâu. Ông Đốc bảo phải mua vải xanh vải đỏ.

Nhưng Phan Tuấn ngắt lời em :

— Ông Đốc bảo thế, kệ ông. Mẹ cứ nhuộm vải trắng rồi may. Miến có cờ ba sắc là được... Nhưng ông Đốc này làm lỗ quá. Nghỉ hè, không cho học-trò về quê thăm cha mẹ, bắt ở lại đến 14-7 để đi chào mừng ông Sứ, là nghĩa lý gì ? Lễ Quốc-Khánh của Tây, chó của An-nam sao ? Nếu muốn dẫn học-trò đi chào ông Sứ, thì học - trò ở tỉnh được hơn trăm đũa cũng đủ

rồi, cần gì phải bắt học-trò quê ở các phủ huyện xa phải ở lại ? Ông Sứ có bắt buộc như thế đâu.

Tuấn-em hỏi anh :

— Lễ 14-7 là lễ gì, anh Hai ?
Phan Tuấn lấy sách Sử-Ký Pháp ra giảng cho em hiểu :

— Đây là một ngày lễ kỷ-niệm cuộc Cách-mạng Pháp. Dân chúng Pháp uất-ức vì bị nhà vua hà-hiếp, thuế má nặng nề, nên họ nổi dậy phá-tan ngục Bastille, và đòi bắt chém Vua...

Tuấn kể dài nữa, thật dài và thật rõ-ràng, đầy-dủ về cuộc Cách-mạng nổi dậy ngày 14 tháng 7 năm 1789 ở Paris...

Tuấn-em nghe say-mê lời anh thuật chuyện, và sáng hôm sau cũng phải đến trường tập hát bài quốc-ca Pháp, *La Marseillaise*, theo lệnh của ông Đốc.

Sáng ngày 14-7, Tuấn-em phải cầm lá cờ Tam-tài đến trường, đúng 6 giờ. Học trò và các Thầy-giáo đều đến đông đủ, đếm tất cả trường được 415 trò dưới sự chỉ dẫn của 10 Thầy-giáo. Học trò sắp hàng hai trước sân trường, đúng 7 giờ ông Đốc-học Phạm-văn-Mỗ đến. Ông mặc bộ đồ Tây mới, toàn màu trắng, mang giày trắng, đội mũ trắng. Ông bảo

học trò lớp Nhứt, lớp Nhì, lớp Ba, hát bài quốc-ca Pháp cho ông nghe. Trò nào hát sai giọng, hoặc sai một chữ, bị ông đánh một tát tay này lửa. Nét mặt giận-dữ, ông la hét om-sòm làm cho các Thầy và toàn thể học-sinh hoảng sợ. Đúng 7 giờ 30 phút, ông ngồi trên chiếc xe kéo nhà sơn đen, bánh cao-su, do một người cu-li mặc quần áo mới, kéo ra Sở Cò, trên đường Cửa Tây, là nơi hành lễ. Các thầy dẫn học - trò sắp ngay hàng thẳng lối, mỗi trò cầm một cây cờ Tam - tài, lạng - lẽ đi theo sau xe ông Đốc. Học-trò sắp hàng trên lễ đường phố, đối diện khán đài.

Lính khố - xanh (Lính Tập) độ một trăm người, mặc lễ-phục oai vệ, cầm súng cầm lưỡi lê sáng - quắc, đứng sắp hàng trên lễ đường bên kia, hai bên khán đài. Dân chúng đứng xem đông nghẹt, chung quanh khán đài và trên các hè phố, chen lẫn nhau chật ních, không còn một chỗ hở.

Sau khi ông Công-sứ và các quan khách đến đúng 8 giờ 30, và lính thổi kèn, bỗng súng chào, ông Đốc - học Phạm văn-Mỗ bước ra trước mặt ông Sứ, đọc bài diễn văn bằng tiếng Pháp. Bài diễn-văn rất dài, đại-

khái có một đoạn hùng-hồn như sau đây :

— «...Ô France magnanime ! Ô France Dienfaitrice de l'Humanité ! Ô. Mère-Patrie ! Combien, nous, les Annamites, vos fils adoptifs, vos fidèles protégés, nous sommes fiers ce jour glorieux qui porte la marque de la grandeur française !...»

— Ông Đốc bảo Thầy Giáo đọc bản dịch quốc-ngữ cho mọi người nghe :

« Hỡi nước Đại Pháp khoan dung đại-lượng ! Hỡi nước Đại-Pháp ân-nhân của nhân-loại ! Hỡi Mẫu-quốc ! Chúng tôi là người An-nam-mít, là những

đứa con nuôi của nước Pháp, những đứa con trung-thành được nước Pháp bảo-hộ, chúng tôi hãnh diện xiết bao trong ngày hôm nay, ngày vinh quang của nước Pháp vĩ-đại !...» vân vân...

Các Quan Tây-Nam vỗ tay như sấm dậy. Theo huân lệnh của ông Đốc đã dặn trước, lúc đó học-trò phải phát cờ tam-tài của Pháp, và hát lên bài Quốc - ca Pháp, La Marseillaise... Ông Công-sứ cảm-động quá, đứng dậy gắp một chiếc mè-day trên ngực ông Đốc-học Phạm-văn-Mỗ, và ôm hôn ông...

(Còn nữa)



★ CON CHÓ KHÔNG CẦN

— Con ơi, sao con cứ đánh con chó bà Năm hoài vậy ?

— Không sao đâu, Má ! Bà Năm nói con chó này hiền lắm, nó không cắn đâu.

★ TỤC-NGŨ HÒA-LAN

- Người nấu bếp giỏi không cần phải con dao bén.
- Nếu anh làm con cừu, sẽ có con chó sói ăn thịt anh.

truyện

“những người đôi mươi”



★ NGUYỄN-THU-MINH

Những thanh tân và hoàn cảnh trong bài này, nếu có sự trùng tên, hoặc trường hợp của bạn nào, chẳng qua ngoài ý muốn của tác-gia. Chắc tuyệt nhiên không có ý ám chỉ ai cả. Mong bạn đọc thông cảm cho. L.T.G.

VĂN đôi mắt mơ buồn, man dại, sâu như đại dương của người thiếu-nữ biết chịu đựng trong mọi hoàn cảnh, Dung liếc nhìn đồng hồ treo trên vách tường, lòng thầm nhủ : Đã gần mười hai giờ khuya rồi. Chỉ còn mười lăm phút nữa là nàng phải đóng cửa tiệm. Nhưng, khi nhìn lại những người khách hàng trẻ tuổi đang mãi say sưa vui đùa, gọi thêm « la-de », khiến nàng không khỏi cau mày bực bội, dù rằng nàng đã từng chứng kiến những cảnh như vậy quá nhiều rồi.

Trời bên ngoài vẫn mưa nặng hạt, đổ dồn trên mái ngói, đường phố. Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy vút qua cửa tiệm, ánh đèn loang loáng quét trên đường nhựa dẫm ướt làm nổi bật những dải nước mưa đang rơi chéo xuống như một mảnh lưới.

Dung cố suy nghĩ, kiểm cách để mời khéo những người khách hàng trẻ tuổi này ra về, nhưng không kiếm được giải pháp nào ổn thỏa cả. Cuối cùng, nàng chỉ biết ngồi nhìn họ vui đùa, say sưa và chịu đựng mà thôi.

Sở dĩ Dung lo ngại, thắc mắc, cũng chỉ vì những người khách trẻ tuổi này đã không nhỏ trong cách ăn mặc, trong câu chuyện, và trong cử chỉ tí nào cả. Họ « lớn » quá, đến nỗi không còn xem ai trên đời này ra gì hết. Nhất là trong lúc bốc đồng, lỗ lã này. Nàng nhớ lại lúc chúng ủa vào quán giải khát như một cơn gió lốc. Cả bọn sáu người, tuổi xấp xỉ đôi mươi, trên gương mặt người nào cũng đỏ gay, quần áo ướt sũng nước mưa.

Có lẽ bọn chúng đã uống ở đâu rồi và khi đi ngang đây lại ủa vào uống nữa. Sáu người đều ăn mặc gần giống như nhau : quần ống túm kiểu đi ngựa, áo rằn-ri... Lúc chúng vừa bước chân vào ngưỡng cửa đã la-lối, hét hò, gọi vang cả quán. Thấy vậy, Dung đã phải vội vàng lên tiếng :

— Xin các cậu đừng làm ồn quá !

Không đợi nàng dứt câu. Một người trong bọn, — có lẽ cũng là tên chỉ huy — lừ-lừ đứng dậy tiến lại phía nàng. Hai người chỉ cách nhau bởi quầy rượu. Hắn khuỷnh tay bên hông, trừng mắt nhìn nàng, dằng dằng tiếng một :

— Cô vừa nói gì thế ? Chúng tôi là em cô hay sao mà gọi bằng cậu ?

Rồi như không ai bảo ai, tất cả cùng áp tới như để chờ đợi câu trả lời của nàng. Kẻ ngồi lên ghế cao, người thì đứng, khuỷnh tay dựa lên mặt quầy, vênh mặt, nhếch môi cười hề-hề.

Trước sự sỗ sàng, thô lỗ của chúng, Dung vội áp ứng trả lời :

— Tôi bảo các anh đừng làm ồn quá.

Tên đầu đàn nhe răng cười, gật-gù :

— Tốt ! Như thế mới phải là em anh chứ !

Cả bọn vỗ tay cười ầm-ỹ.

Dung nén căm tức, cắn môi hời :

— Mấy anh dùng gì ?

Hắn búng tay kêu tách rồi chỉ đầu người đếm :

— Một, hai, ba, bốn, năm, sáu. Sáu người tất cả. Em cho anh mượn sáu cái ly và chịu khó khui sáu chai « 33 » ra đây. Công khó nhọc của em hết bao nhiêu anh sẽ trả đủ. Em tôi bằng lòng chứ ? Ngoan vậy, rồi anh thương nào !

Nói xong, hắn đập nhẹ ngón tay vào thân điều thuốc. Những mảnh tàn thuốc lá rơi lả tả xuống mặt quầy.

Dung lặng lẽ lấy chiếc gạt tàn để lên mặt quầy. Hắn mỉm cười, cầm tay nàng nói lớn :

— Ngoan lắm ! Người đẹp chơi đúng điệu đây !

Dung tím mặt, nhưng không dám để lộ vẻ khó chịu. Nàng rút tay ra, mím chặt môi chịu đựng. Nghề bán hàng bắt buộc nàng phải chiều đủ mọi hạng khách đến đây nhậu nhẹt, dù là những lúc họ say sưa quá độ đến sỗ sàng.

Dung lặng lẽ lấy ly, khui la-de, rót đầy ly rồi cầm khăn lau sạch những tàn thuốc của tên đầu đàn khây vương vãi đầy mặt quầy.

Bọn chúng chia làm hai tốp, một mang ly ra bàn ngồi, một vẫn đứng bên quầy rượu.

Dung định bỏ vào nhà trong, nhưng lối đi đã bị tên đầu đàn đứng chặn. Thấy nàng ngập ngừng, bản khoăn, hắn nhếch mép cười :

— Cô bán cho tôi mười hai jetons để nghe nhạc chơi.

Nàng mím môi, lặng lẽ rút ngăn kéo lấy jetons và trao cho hắn. Tên chỉ huy gọi tên từng người một, ném cho mỗi người hai jetons :

— Chúng mày muốn thưởng thức bản nhạc nào, cứ tự-do.

Cả bọn bước tới, bao quanh chiếc máy hát đĩa tự động. Dung ngược nhìn theo, thấy chúng thì thầm nhỏ to với nhau rồi một đứa quay lại phía nàng :

— Cô chỉ cách cho chúng tôi xử-dụng.

Một đứa khác tiếp theo :

— Phải đấy, nhờ người đẹp đi mày.

Nàng biết chúng bày đặt, nhưng cũng phải miễn cưỡng bước đến để chỉ bày cho chúng. Cả bọn tách ra, nhường chỗ cho nàng bước tới, rồi đứng khít lại, vây quanh lấy nàng. Có đứa vuốt tóc, đứa thoa nhẹ

lưng nàng, khiến Dung run sợ, nàng tưởng như mình đang đứng giữa một bầy sử-tử đang làm le muồn suốt sống.

Tay Dung run run khi ấn nắc máy chọn bài và bỏ jeton vào khe hồng. Bàn đĩa tự-động nâng cao lên và đỡ lấy một chiếc đĩa hát. Một giọng ca vang lên làm ấm hẳn gian phòng.

Dung trở về chỗ quầy hàng. Cả bọn ngược nhìn theo, mắt đỏ ngầu đầy ham muốn.

Nhạc tắt. Có tiếng đề-nghị :

— Nghe Be-bop A-Lula đi mày !

— Phải đấy !

— O. K.

Nhạc cuồng loạn vang lên. Những tiếng vỗ tay, dậm chân làm nhịp, hòa theo tiếng hát của ca sỹ.

« Be-Bop a lula she's my baby
Be-Bop a lula, I don't mean
may be... »

Sau khi nhạc hết, cả bọn quay ra quầy rượu uống bia.

...Dung vừa sợ vừa sốt ruột. Nàng nhìn đồng hồ rồi lại nhìn chúng. Cuối cùng, nàng mạnh dạn nói :

— Các anh uống lệ lên, sắp tới giờ đóng cửa rồi.

Một người trong bọn ngược mặt nhìn đồng hồ, lè-nhè nói :

— Hãy còn sớm chán. Chúng mình còn những 15 phút nữa. Nghe nhạc nữa đi « các cha ».

— Em tao sắp khóc rồi đấy !

Nhạc lại nổi. Dung khấn khoản bảo họ :

— Khuya rồi, các anh đừng mở lớn quá, e cảnh-sát phạt.

Không một ai nghe nàng nói cả. Dung bứt dứt tay chân, nhưng không biết làm sao hơn. Nàng bước ra cửa, kéo một bên cửa sắt vào. Cả bọn quay ra nhìn. Tên đầu bọn gất gỏng nói :

— Cô định đuổi chúng tôi về đấy ư ?

— Đầu có vậy ! Các anh đừng phiền, vì quá giờ rồi.

Hắn tiến thẳng lại phía nàng. Dung sợ hãi, vội lùi dần, lùi dần về phía quầy và đứng nép vào phía trong cùng.

Hắn nhếch mép nói :

— Thôi được. Cô tính tiền đi.

Khi cầm tiền thối lại, hắn nhún nhoe cười khà-ổ :

— Tối mai, bọn anh sẽ quay lại thăm em. Nghe, cưng của anh.

Nói xong cả bọn lần lượt ra về.

Dung không đáp. Nàng thở dài, nhẹ nhõm khi bóng người khách đôi mươi cuối cùng đã khuất.

Dung lẩm bầm :

— Vái trời, tối mai bọn chúng đừng đến!...

Schwellkopp-
nachwuchs

Một ngày Tết ở bên Đức

★ CHRISTA ABEL

cường theo điệu Jazz, trong không khí náo nhiệt của vũ trường... Chúng ta đừng sợ, pho tượng tuyết mặc áo tulle trắng kia sẽ không tan ra nước đâu. Những ngọn đèn rây rắc ánh sáng xuống vũ trường không khác nào những viên kẹo bọc giấy màu. Những chùm hoa giấy, những quả bóng đỏ, vàng, xanh, tím, treo đầy đặc màu sắc trang trí gian phòng. Dạ hội khiêu vũ trá hình đang tung bừng rộn rịp. Chúng ta đang ở trong một thế giới hoạn

MỘT chiếc khăn bịt con mắt bên trái, một con dao găm cắm nơi gáy thắt lưng, một tượng e-róp đuổi theo một nàng tiên đẹp, trong lúc một người Phi-châu nước da cà phê sữa, mặc áo quần loè loẹt, ôm một mỹ nhân trắng như pho tượng tuyết đang ngồi trên ghế bàn rượu. Chàng Phi-châu ôm kỹ nữ nhảy quay

mê. Anh thợ làm bánh mì kia đã biến thành ông Hoàng Ấn-độ đẹp trai, trên đầu quần mấy vành khăn đeo đầy ngọc thạch. Cậu sinh viên ngày thường rất dút dặt, bây giờ biến thành một chàng công tử quý phái, đeo kính một mắt, mặc áo frac, tiến đến chúng ta vừa lác qua lác lại cây can, « le » ra phết! Còn kẻ tội nhân mặc áo nhà tù ghi số 37, tay chân còn đeo giày xích sắt rồn rần kia, ai thế? À, té ra đây là ông chủ hàng buôn triệu phú rất lương thiện, nhà ở ngay bên cạnh hội trường!

Hôm nay là mùng 6 tháng Giêng, ngày Tết *Mardi-Gras*. Tết này, ở nước Đức, mỗi nơi gọi mỗi khác. Ở miền Tây, gọi là *Carnaval*, ở miền Tây-nam gọi là *Đêm Carême*, còn ở miền Nam thì gọi là *Fasching*. Nhưng bất cứ ở đâu, hễ ngày Tết *Carnaval* được khai-mạc, là dân chúng chơi dõn thả giàn, thả cửa. Các cuộc khiêu-vũ cải-trang, các cuộc liên-hoan giải trí, kể tiếp nhau lồi-cuốn, hấp dẫn toàn thể tuổi trẻ, tuổi già, không chừa một ai. Nhiều thành-phố bầu-cử

một ông Vua và một Hoàng-hậu của Tết *Carnaval*. Có lính cận-vệ mặc áo quần trò hề đứng hầu hai bên, hai vị Bệ Hạ mở đại-triều để cho thần dân đến hỏi han tâu-việc này việc nọ... Nhiều thành phố mở những cuộc chơi ngông-cuồng, ngậy-ngất... Bao nhiêu tiền của dành-dụm trong năm, mấy ngày Tết *Carnaval* đem ra xài cho kỳ hết! Có nhà tiêu sạch trơn tiền, đã phải đem ra gởi tại nhà cầm-đồng cả chiếc giường nằm, cả tủ lạnh, và máy vô-tuyến truyền hình!...

Người ta đeo đủ các thứ mặt nạ, cải-trang đủ các thứ y-phục, ra chơi đầy chật các đường phố. Nhiều anh leo lên diễn đàn phê-bình thời-sự trong nước và quốc-tế bằng lối hài-hước châm-biểu, cười nôn cả ruột. Các Hội-đồng thành-phố cũng vãi tiền ra để tiêu-phí vào các cuộc chơi ngông-cuồng, các thành-thị tranh đua nhau về mỹ-thuật biểu-diễn các đoàn xe hoa, và các hình nộm các nhân vật có danh-tiếng, để cười chơi. Có nhiều đoàn biểu-diễn dài đến 1 kí-lô-mét, đi ngang qua khắp các đường phố, trên cỗ xe đầu

tiên có Hoàng-đế *Carnaval* ngồi, dơ gươm lên chào mọi người và ném tung các cành hoa và các gói kẹo cho công chúng đông nghẹt hai bên đường.

Ngày Tết *Canarval* ở Đức đã có từ mấy thế kỷ xưa, và cũng náo nhiệt tưng bừng như thế. Nhưng riêng năm nay dân Đức muốn bỏ bớt các cuộc vui kia để dành tiền cứu trợ thành phố Berlin bị tai nạn. Năm nay thủ đô cũ của nước Đức không có cộ hoa, không có khiêu vũ trá hình, không có âm nhạc biểu diễn. Bóng đen của ngày 13-8 còn đè nặng trên đầu dân chúng Berlin bị vách tường độc đoán ngăn cách làm đôi...

Tuy vậy, tại các thành phố khác, các cuộc vui vẫn được tổ chức, nhưng không náo náo. nhiệt như thường lệ. Dân chúng vẫn ăn chơi vui đùa, vì mỗi năm chỉ có một lần Tết *Carnaval*, người ta muốn duy trì truyền thống tốt đẹp của nước Đức.

Cuộc đời thường không cho



Vua và Hoàng hậu *Carnaval* đang ngồi trên xe hoa biểu-diễn qua các đường phố.

phép chúng ta thực hiện đúng theo các giấc mộng. Cho nên cần phải có đôi ba ngày vui chơi say sưa như thế để tạm quên những nỗi lo âu hiện tại, những nguy cơ đang đe dọa thể hệ ngày nay.

Ngày tết *Carnaval*, những người lớn tuổi được sống lại những giờ phút vô tư của thời niên thiếu...

CHRISTA ABEL
(Viết tại thành phố
Cologne 6-1-1962)

em
lạnh
quá

Mình đi!



MÌNH ƠI!

28 TẾT, mới 8 giờ tối Bà Tú đã leo lên giường trùm mền nằm. Ông Tú ngồi bàn tính sổ xem cuối năm ông còn mắc nợ những ai. Ông cười hă-hă :

— Em ơi, hết năm con Trâu tụi mình còn nợ ông Xoài 2.000\$..., ông Ôi 5.000\$..., ông Mít 5.000\$... bà Khế 2.000\$... chị Tư Cà-Rốt 100\$..., chị Hai Đu-Đủ 2.500\$..., cô Ba Vú-sữa 700\$..., cô Tám Hột-vịt-lộn 200\$! Cộng lại vị chi là... là..., xem nào, 2.000\$ cộng với 5.000 là 7.000\$, với 5.000 là...

—Thôi, bỏ đấy đừng thêm tính nữa, Minh! Mặc kệ nợ nần, Tết rồi sẽ trả, bây giờ hơi đầu mà tính! Mình lên giường trùm mền nằm với em... Em lạnh quá đây nè!

Ông Tú xé phăng tờ giấy tạc... tạc... vô thành một nắm vút vào giỏ rác :

— Phải, em nói chí lý! Nợ con Trâu để con Cọp trả! Nếu Tết này bom Nguyên-tử nổ thì giỏi mấy người chủ nợ kéo nhau xuống vua Diêm-Vương mà đòi!

Ông Tú leo lên giường, chui vào mền với bà Tú :

— Đạo này Sài Gòn lạnh thật l..

Bỗng nhiên bên nhà hàng xóm trời lên giọng hát ru em của cô gái Bắc, ông Tú bà Tú nghe rõ mồn-một :

«Đêm Xuân lạnh lắm, lảng-giềng ỏi l...

Lảng-giềng... lạnh ít.... sao tôi... lạnh nhiều?»

Giọng hát thánh-thót lâm-lý, dễ cảm lạ.

Bà Tú nói với ông Tú :

— Em biết, con Tám-Hột-Vịt-Lộn nó giả-vờ hát ru em nó để nó nhả nhủ tình tứ với Minh đấy!... Con nhỏ nhí-nhảnh, nó mê Minh, em biết chứ không à!

Ông Tú cười :

— Đừng có nghi oan cho người ta. Còn nợ cô ấy 200\$ hột vịt lộn, không khéo sáng mai cô ấy sang đòi không có tiền mà trả!

Bà Tú không đáp lời Ông Tú. Bà hát lớn lên một câu đề chọi lại câu hát của cô gái Bắc :

« Đêm đông lạnh ngắt như đông...

Mượn ai thì mượn ..., mượn chồng... không cho...»

Rồi bà phá lên cười... Bên nhà hàng xóm cô Tám Hột-Vịt-Lộn im luôn.

Bà Tú ghen « quá-xá cỡ ».

« Một cây » ghen ! Nhưng rồi bà tự thấy mắc cỡ với chồng, tìm cách hỏi chuyện cho lấp câu hát lỡ-bịch vừa rồi :

— Minh ơi, sao năm nay Sài-gòn lạnh gắt thế hả Minh ?

— Em hỏi ông Trời, chứ anh có làm ra cái lạnh đâu mà anh biết !

— Em chỉ biết có Minh là ông trời của em. Minh phải trả lời cho em hiểu.

— Cách đây trên 50 năm, hồi đầu năm 1907 Sài-gòn đã có lần lạnh hơn, dưới 12 độ. Sài-gòn bây giờ lạnh 13, 14 độ, thối gì ! Năm 1932, Hà-nội đã lạnh 6 độ mới là ghê chứ !

— Minh nè, em cứ nghĩ : lạnh là khi trời lạnh, gió lạnh, chứ người ta mặc-mớ gì cũng lạnh ? Tại sao người ta lạnh, hả Minh ?

— Con người giữ được sức nóng thăng-bằng trong cơ-thể là 36 độ khi nào không-khi chung quanh bình thường vào khoảng trên dưới 30 độ. Nếu sức nóng cơ-thể cao hơn nhiều, tức là nóng. Cao lên trên 40 độ, thì cơ-thể không còn chịu được sức nóng ấy nữa, máu sẽ ngừng lưu-thông và ta sẽ chết. Trái lại, nếu sức nóng trong cơ-thể bị hạ xuống nhiều, ta sẽ bị lạnh. Nhiệt-độ

càng hạ xuống bao nhiêu, ta càng lạnh bấy nhiêu, hạ xuống thấp quá mức, ta sẽ chết cứng, chết lạnh.

— Lạnh đến độ nào ta có thể chết được, hả Minh ?

— Tùy theo cơ-thể của mỗi người. Các nhà Bác-học và Y-học chưa xác-định được một mức tối thiểu. Dân da đen Nam-Mỹ, ở mũi Terre de Feu, sát Nam-Bắc-Dương, dưới một khí-hậu rét buốt đến cực-độ, họ không có một tấm áo che thân, không có một mái nhà để ở, thế mà họ vẫn sống được khỏe mạnh. Trái lại, có những người nhiệt-độ còn trên xa con số không, mà có thể chết lạnh. Mùa đông năm 1951, trong một đường hầm thành-phố Chicago, bên Mỹ, người ta thấy xác một thiếu phụ nằm chết lạnh, trong người nàng chỉ mặc một chiếc sơ-mi mỏng và một xi-líp. Cảnh-sát gọi bác-sĩ đến cấp cứu, bác-sĩ đo nhiệt-độ của nàng thấy 18°, nghĩa là chỉ kém 18° dưới độ trung bình. Mạch máu của nàng cô đọng lại, không chảy được nữa. Nhưng đem đến nhà thương, người ta chích thuốc nóng, truyền huyết-tương (plasma), dưỡng khí, và các thứ thuốc làm cho mạch máu loãng ra và lưu thông được.

Nàng đã sống lại. Tại một bệnh viện Paris, năm 1955, cũng có một đứa bé 2 tuổi chết lạnh, mà nhiệt-độ trong người nó xuống đến 16°. Người ta cũng cứu sống lại được. Ở Việt-Nam ta, trong mùa lạnh, nhất là ở miền Bắc và miền Trung thỉnh thoảng có những người ốm yếu đang ngồi chơi vui vẻ bỗng rụng-té « chết giắc ». Người nhà và hàng xóm không hiểu đây là chết vì lạnh. Họ cho là nạn nhân bị « ông bà » hay « ma quỷ » bắt. Họ chạy ra sân kêu to lên trời : « Ôi ba hồn chín vía (1) cô Nguyễn-thị-Xoài ơi ! » và đốt nhang khấn vái... Trong lúc đó, nếu ai có ống mạch đo nhiệt-độ của nạn nhân thì, mặc dầu thân thể đã gần như lạnh hết nhưng vẫn còn nóng 18°, hoặc 16°, hoặc 15°. Các cụ ta tuy không nghiên cứu về khoa học, nhưng trong trường-hợp ấy các cụ bày đốt chổi xề, và để ba bốn nồi lửa than ở dưới giường nằm, thoa dầu nóng khắp thân-thể và trùm vải cái mền thật kín, chỉ nửa giờ sau tự-nhiên xác chết dần dần hồi tỉnh lại. Ấy là phương pháp truyền nhiệt-độ cho nạn-nhân. Trong một tiếng đồng-đò, nhiệt-độ có thể lên dần 20°, 22°, 24°, 30°. Đến nhiệt-độ bình thường là 36°, là khỏe hẳn, nạn nhân ngồi

dậy nói chuyện lại vui-vẻ, cười đùa, lại còn tha hồ bịa đặt chuyện đi xuống âm-phủ nghe tiếng gọi « Ba hồn chín vía » nên phải lật đật trở về dương-gian !

— Minh ơi, em nghe người ta bảo nếu mình chết giắc, mà té xuống đất thì chết liền không cứu được, có không ? Tại sao thế ?

— Tại vì mặt đất truyền thêm hơi lạnh vào, nhiệt-độ của nạn-nhân có thể sụt xuống nhiều nữa. Cho nên trong mùa lạnh, lỡ có người ốm yếu bị chết lạnh ngoài đường, thì phải lập tức đem người ta vào trong phòng ấm, đóng kín cửa, và áp-dụng các phương-pháp truyền hơi nóng vào nạn-nhân là tức khắc cứu sống được.

— Minh ơi, nếu trời rét buốt như mùa Đông ở miền Bắc, khi lạnh ngoài trời có khi xuống còn 6°, hay là dưới 0° (— 0°), thì sao ?

— Thì hơi lạnh của không khí thấm vào cơ thể ta, nhiệt-độ của ta cũng xuống quá thấp, nếu ta không mặc đồ ấm để duy trì nhiệt-độ bình thường thì ta sẽ chết lạnh. Nhưng đa số người không biết thế nào

(1) Nếu là dân ông thì gọi : « Ba hồn bảy vía ».

là mặc cho ấm. Nhất là một số đông các bà mẹ ta mặc đồ ấm cho con cứ tưởng mặc chồng lên nhiều áo là ấm. Cái hậu quả là trái lại ! Lạnh như ở Đalat, nhiều bà mẹ mặc cho con ba bốn lớp áo để con đi học cho ấm không ngờ trưa về nhà con bị lạnh, bị ho, bị cảm nặng. Các bà không hiểu tại sao.

— Tại sao thế, mình ? Em cũng không hiểu.

— Ta nên biết rằng trong thân thể con người có vô số những chỗ cuối cùng của các đường gân nhiễm lạnh nhiều hơn là nhiễm nóng. Theo y khoa hiện nay đã xác định, trong toàn thân ta có 30.000 điểm nóng mà đến 250.000 điểm lạnh. Nghĩa là ở những nơi đó, nóng nhiều nhất, hoặc lạnh nhiều nhất. Lạnh nhiều hơn hết thấy là ở trên MẶT, CỔ và BÀN TAY, BÀN CHÂN. (Trên mặt lạnh nhất là ở MÔI, HAI BÊN SỐNG MŨI và MÍ mắt), Hai Bác-sĩ WINSLOW và HERRINGTON đã thí nghiệm và khuyên bảo chỉ nên MẶC ĐỒ ẤM VỪA GIỮ ĐỦ NHIỆT-ĐỘ BÌNH THƯỜNG ở các điểm lạnh, chứ đừng trùm lên nhiều lớp vải, nỉ, len, v.v... Một trẻ em học-sinh mặc chồng chất 4 cái áo len chẳng hạn, đến trường trong giờ chơi nó chạy, nhảy, đùa nghịch quá xá, một lúc sẽ chảy

mồ-hôi. Mồ-hôi ứ-đọng trong lớp áo sát da. Nhiệt-độ của nó vừa lên cao vì nó vận-động cơ thể quá nhiều, đến khi nó vào ngồi yên trong lớp, hết chạy nhảy rồi thì NHIỆT-ĐỘ LẠI XUỐNG, trong lúc MỒ-HÔI ướt nhẹp trên lớp da và thấm trên áo thành như một lớp NƯỚC LẠNH làm cho nhiệt-độ cơ thể càng xuống thêm. Cũng như trong lúc trời lạnh mà nó mặc cái áo ướt vậy. Thế là đứa bé bị lạnh và bị cảm. Một bà mẹ có ý-thức khoa-học chỉ cho con MẶC ÁO LEN ĐỦ ẤM THỜI, và cho nó mang vớ cho kín chân, quàng khăn cho kín cổ, thì không bao giờ nó bị cảm. Nếu mang găng cho kín hai bàn tay thì càng tốt. Chúng ta thường thấy ở Sài-gòn hôm nào khi trời buổi sáng bắt đầu lạnh, 16 hay 17 độ, nhiều cô nhiều bà vội-vàng đem hết các áo ấm mặc tiền ra mặc để diện cho sang như ở Paris ! Đàn ông thì mặc *gilet* và đồ lớn bằng nỉ. Mặc đầu buổi sáng lạnh, đến trưa khi trời vẫn còn 18, 19 độ, các lớp áo dày kia vẫn làm ứ-đọng mồ hôi ướt nhẹp cả lưng, cổ và ngực. Máy người đó trưa về nhà thế nào cũng sồ mũi ! Tưởng mặc nhiều đồ ấm để cho ấm, té ra mặc cho dầy-mo vào thì lại bị lạnh thêm !

— Minh ơi, thế ra nước mồ-hôi làm giảm bớt nhiệt-độ trong người sao ?

— Dĩ-nhiên. Nước lạnh rút mất nhiệt-độ của cơ-thể 27 lần nhiều hơn là khí lạnh.

— Tại sao trời lạnh thế này mà sáng nào 7 giờ ngủ dậy Minh cũng ở trần ra vận-động ngoài sân ? Em muốn nấu nước nóng cho mình tắm trong phòng ấm-áp hơn, Minh lại không chịu ?

— Em nên hiểu rằng anh khỏe-mạnh như thế này chính là nhờ anh *tắm không-khí* trong sạch của buổi sáng, lúc mặt trời vừa mọc. Tắm không-khí, thì số HỒNG - HUYẾT - CẦU (Hémoglobine) trong máu TĂNG LÊN ĐƯỢC 85%. Còn *tắm nước lạnh* chỉ tăng lên 45% thôi. Hồng-huyết-cầu là chất bổ trong máu làm cho da thịt ta được hồng-hào tươi đẹp.

— Minh ơi, tại sao trời lạnh em thích nằm co-ró lại hả Minh ? Em thấy Minh cũng thế !

— Tại vì nằm thẳng cẳng ra tức là phơi toàn thể diện-tích da thịt của mình ngoài khí lạnh. Nằm co lại tức là thu rút bớt diện-tích da-thịt bị nhiễm lạnh, là tiết kiệm. Ít nhất cũng được 1 phần 3

nhiệt-độ trong người.

— Minh ơi, hồi xưa người ta chưa có áo len, áo nỉ, nhà cửa chưa được kín đáo, tối ngủ không có chăn có mền, thì họ làm sao chịu được lạnh, Minh hè ?

— Nói chuyện hồi xưa trong mùa lạnh mà muốn cho ấm thì nhiều chuyện tức cười lắm !... Vua HENRI IV của Pháp, cứ những đêm trời rét buốt là bắt bốn người lính hầu nằm dài trên long-sàn, úp mặt xuống giường, nhà Vua nằm ngủ trên lưng họ, để có hơi nóng cho ấm ! Còn thi-sĩ MALHERBE (Thế kỷ XVII), có 24 đôi vợ, mỗi đôi thêu một chữ của 24 mẫu-tự : A, B, C, D, E, F, v. v... Thường những hôm trời lạnh, 15 độ, Thi-sĩ mang một lượt 4 đôi : A, B, C, D. Lạnh quá 10 độ chẳng hạn, Thi - sĩ mang 8, 9 đôi. Nhưng không ai biết chuyện ấy. Một đêm tuyết rơi đầy thành phố Paris, Thi sĩ RACAN (Hàn-lâm-Viện-Pháp) đến chơi, thấy Thi sĩ Malherbe mang đôi vợ có chữ L. Racan tò-mò, hỏi, té ra mới biết là đêm ấy nhà Thơ Malherbe mang luôn cả một lượt 12 đôi vợ theo thứ tự từ A, B... đến K L... ! Trong quyển Nhật ký của Racan có kể rõ câu chuyện tức cười ấy. Nhà văn MARY-LAFON, trong tập Hồi - ký

« *Cinquante ans de vie littéraire* » của ông, có thuật lại một câu chuyện tức cười hơn nữa dưới thời Louis XVIII (thế kỷ XIX) :

« Một đêm Đông năm 1816 lạnh buốt xương, tôi đến thăm cụ tề tướng Talleyrand. Trong lúc chúng tôi ngồi nơi phòng khách nói chuyện, tôi để ý thấy cô cháu của cụ là công chúa de Dino, đã lớn tuổi, đứng trước lò sưởi đang cháy đỏ hừng, đối diện với phòng khách. Công chúa, có lẽ lạnh quá, vén áo dài và jupon lên đến tận bụng để hơ một cách rất tự-nhiên cái gì đẹp nhất của nàng Venus Callipyge !... Tôi trở mặt nhìn rất kinh ngạc. Nhưng cụ tề tướng Talleyrand bình tĩnh bảo tôi : « Nó bắt chước sưởi ấm theo kiểu người Nga đấy. »

Bà Tú nghe câu chuyện kỳ cục, ôm ông Tú mà cười... thối là cười !... ông Tú nói tiếp :

— Nhưng chuyện của nhà văn Lafon kể trên kia, không thấy bà công tước de Castellan chép trong quyển « *Souvenirs* » của bà nhắc đến đời sống của công chúa de Dino là bà nội của nữ-công-tước... Còn nhiều chuyện vui nữa, về các cách sưởi cho khỏi lạnh của các nhân vật trong lịch sử Âu châu, kể không hết. Ở Việt-nam

ta, thời-đại trước, nhưng hiện nay ở hương thôn vẫn còn dùng, các cụ « ngồi ấm », với chiếc « *lồng ấp* » : một cái lồng đan bằng tre hoặc bằng mây, ấp lên một nồi than đỏ phủ tro nóng. Các nhà quan, nhà giàu phú-hộ, cho đến cả nhà Vua, đều dùng « *lồng ấp* ». Giống như cái *bassinoire* hay là cái *chauffette* của người Âu-châu hồi thế-kỷ XV., XVI. Ban ngày thì để ngay trước mặt, hoặc bên cạnh, ban đêm thì để kê vào bụng, nằm đắp chiếc chiếu lên trên, giữ được hơi ấm chung quanh mình. Lồng-ấp của dân thì lò than bằng đất, của Vua thì bằng bạc, bằng đồng.

Năm 1932, Hà-nội lạnh thấu xương, hàn-thử biểu xuống đến 6 độ. Người già, yếu, bệnh tật, nghèo khổ, chết rất nhiều. Nhất là những người hành-khất, quen ngủ nơi đầu đường xó chợ. Mỗi buổi sáng, xe cảnh-sát đi rảo trong thành-phố lượm mấy chục xác chết trên các vỉa hè.

— Tôi nghiệp quá, Minh ơi !... À, Minh ơi, ông Voi da dày mo, ông ấy có biết lạnh không, Minh ?

— Voi không bao giờ lạnh, vì dưới lớp da dày của nó còn một lớp mỡ dày đến 10 phân, đủ che chở cơ-thể

Voi khỏi bị lạnh. Trái lại, ngựa, bò, nai, thỏ, thường chịu lạnh không nổi. Thường nam, từ xưa từ xưa, cứ đến mùa Đông đá tuyết, nhiều đoàn nai, ngựa rừng, sóc, v.v... ở các vùng băng đá tìm đường di cư đến các vùng ấm áp hơn, nhưng chúng băng qua các con sông đóng đá bị lạnh công rồi chết giữa sông, hoặc lên được bờ cũng bị kiệt sức ngã chết dưới tuyết. Người ta còn đào được những xác con vật còn nguyên vẹn dưới vùng băng đá, chết cách đây hàng mấy nghìn mấy vạn năm, như những xác con tê-giác ở Pologne, xác ngựa ở Danemark, xác Dinosaures, Iguanodons, trong các mỏ than đá ở Bernissart, và ở Sibérie, chết đã hàng triệu năm xưa vì tuyết lạnh.

Bà Tú nằm lẩm nhẩm một lúc rồi khẽ bảo :

— Minh ơi, bây giờ sao em lạnh quá !... Không khéo đêm nay em chết rét mất !...

— Em cứ ngủ yên. Em không chết đêm nay đâu.

— Minh kéo mền đắp kín đầu kín chân với em đi... Minh !... Minh... ôm em cho em ấm kéo em chết queo bây giờ...

Tiếng nói nũng nịu nhỏ dần... nhỏ dần... ông Tú vói tay ra bấm nút điện tắt đèn trên bàn ngủ.

Bên hàng xóm lại trôi lên giọng hát nhỏ-nhẹ của cô Tâm Hột-vịt-lộn :

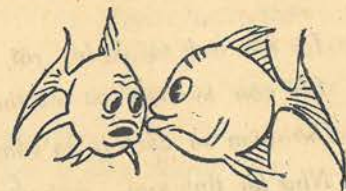
— Đêm xuân lạnh lắm, lảng-giềng ơi !

Lảng-giềng lạnh ừ... sao lỏi lạnh nhiều !

Bà Tú khẽ nói một mình :

— Xi ! Lạnh thì ráng chịu, chứ kêu-rêu với ai...!

Điện - Huyền



* TỤC-NGŨ AI-CẬP

Trên đường đời, anh không nên đi vội-vàng, và cũng không nên đứng lại.

NHỚ...



Tôi nhớ người em tóc sỏa vai,
 Nụ cười trong sáng tựa ban mai,
 Long lanh đôi mắt, Hồng đôi má,
 Như bóng Kim-ô ngả bến dài.

Ánh mắt trao nhau từ thuở ấy,
 Bên lầu Thanh-Thủy chốn quê xưa,
 Phòng không thao-thức vừa đôi bóng.
 Hắt xuống sông Hà gợn gió đưa.

.....

Tôi biết tình tôi đã hết rồi,
 Chỉ còn kỷ-niệm cũ mà thôi.
 Thời-gian xa cách là xa vắng,
 Nhớ lại tình xưa... quá vắng rồi !

HOÀNG-THẮNG
 (Saigon)

Khóc em

*Tưởng niệm một nữ-sinh áo xanh
 không quen biết bị tử nạn xe hơi*

Được chứng kiến một tai nạn xe-hơi thê-thảm hôm trước Tết mà
 kết-quả là một nữ-sinh dịu-dàng đã bỏ mạng. Cảm-xúc trước cái chết
 quá đau thương của người thiếu-nữ mệnh yếu, tôi đã làm nên bài
 thơ sau đây và mạo muội gửi đến Phổ-Thông thân-mến...

Hoa đã lìa cành, nhụy úa tung,
 Một chiều giá buốt cuối cơn đông.
 Nhìn hoa thoát xác bên bờ lộ,
 Khiến khách ai qua cũng động lòng...

Những tưởng ra đi đề đến trường,
 Đâu ngờ một chuyến đề sầu vương.
 Từ đây hai cõi đành ly cách,
 Một phút đa mang số đoạn trường.

Lứa tuổi hoa niên trần nhựt sống,
 Dệt toàn mộng tưởng, bướm uơng hương.
 Ngỡ rằng đời cùng toàn nhung gấm,
 Lỡ bước sa chân... vụn dặm trường.

Mây quấn thành khăn, mưa kết hoa,
 Nước tuôn thành lệ, gió ngâm ca.
 Khóc em lần cuối, chào ly-biệt,
 Ấm-ức, sầu dâng đọng tháp ngà.

Em nhớ cho rằng, em với tôi,
 Chỉ là khách lạ giữa đường thôi.
 Biết em thì đã... người thiên-cổ,
 Ngậm-ngùi lệ ứa đắng vành môi.

HOA-PHƯƠNG
 (Huế)

THẰNG THỊ

TRUYỆN NGẮN

★ NGUYỄN-VỸ

CHIỀU 30 Tết, mặt trời đã lặn xuống bên kia ngọn núi từ lâu. Làng xóm đã vắng-vẻ, im-lặng, khác những ngày thường. Ai đã về nhà này, không còn một bóng người lang-vãng ngoài đường hay ngoài ruộng.

Nhưng thằng Thị chưa về! Ông già Nhiều lui-cúi nấu một nồi xôi và nồi cháo gà, dọn lên bàn thờ Tổ-Tiên và bàn thờ vợ, cúng lạy một mình. Cúng xong, ông không muốn ăn. Ông nhắm nháp qua loa vài miếng mứt dừa, mứt bí, và uống trà ngồi ngóng chờ con. Ông buồn lắm. Ông chỉ có đứa con một, là thằng Thị, Ông đã dành dụm tiền-bạc cho nó lên tỉnh học, năm sáu năm rồi chưa thấy nó đổ-đạc gì cả. Nó cứ ở luôn trên tỉnh, theo bọn thanh-niên trác-táng



ăn chơi dăng - điếm, học đòi « chủ - nghĩa Hiện - sinh ». Không một ngày lễ nào về thăm cha. Tháng tháng nó chỉ gửi thư về xin tiền, nhưng cũng không hỏi thăm ông già được mạnh khỏe hay không. Tết này nó về, là vì ông không gửi tiền. Nó về hôm 23 tháng chạp, chỉ nói chuyện với ông được một lát, khoe-khoang cuộc sống « mê-ly » trên tỉnh, tuyệt nhiên không hỏi ông một câu về công việc ở nhà. Rồi nó đi chơi rong cả buổi. Về quê nó cũng quen thói bê-tha, đi lêu-lững suốt ngày, trưa tối về ăn cơm, cơm xong

THẰNG THỊ

ra ngồi dưới bóng mát cây Thị, đánh đàn (nó có đem theo về chiếc mandoline), và ca những bài tân-nhạc, toàn những bản tình-tứ lơ-lãng, những khúc nhạc khiêu vũ của đợt sóng mới. Vài người bà con trong xóm đã mệt với ông già Nhiều rằng thằng Thị mới ở tỉnh về mấy bữa mà đã « bắt nhân tình » với con Tư Ngành, con chị Chín Bái. Con Ngành 16 tuổi nhưng không được đứng đắn thùy mị như các cô thôn-nữ khác. Nó học đòi « một mới », nhí-nha nhí-nhảnh.

Trưa hôm 30 Tết, thằng Thị về ăn cơm xong, xách cây đàn mandoline ra đi. Ông già Nhiều không buồn rầy la nó nữa.

Bảy giờ tối nó mới về, hỏi Cha :

— Cha cúng ông bà chưa?

— Cha cúng rồi.

— Cúng món gì đó? Có ngon không?

— Có xôi và cháo gà trên bàn thờ, con dọn xuống ăn.

— Cha ăn chưa?

— Rồi.

Ông Già Nhiều ngồi làm thỉnh

trong lúc con trai của ông bưng các thức ăn trên bàn thờ xuống bàn, ngồi ăn một mình. Nó thanh-toán hết cả con gà và ba đĩa xôi. Ăn xong nó dọn chén đĩa xuống bếp, bỏ đũa, lên ngồi chiếc bàn cũ-kỹ đối diện với cha, nó để ăn mứt uống trà.

Nó ngó lên bàn thờ mẹ nó, trở mắt nhìn một nhánh lá thị cắm trong độc bình.

Nó khinh-khỉnh hỏi :

— Sao cha không cắm hoa cho đẹp mà cắm cành thị?

— Tết năm nào cha cũng cắm cành thị trên bàn thờ mẹ con.

— Chi vậy?

Ông Già tóc bạc, râu bạc, ngồi làm thỉnh một lát, hỏi lại con trai :

— Con không hiểu tại sao cha cắm cành Thị, nhưng con có biết tại sao cha đặt tên con là *Thằng Thị* không?

— Không.

— Tại hôm mẹ con sanh con ra đời thì trong vườn ta cũng tự nhiên mọc lên một cây Thị. Không biết ai ăn trái thị hỏi nào và quăng hạt thị trong vườn mình từ hồi nào mà đem con oe-

oe ba tiếng khóc ra chào đời, sáng sớm hôm sau cha ra vườn lượm củi để vô đốt lò than cho mẹ con nằm, thì bỗng dưng cha thấy ở trên chỗ đất trống giữa vườn lú mầm lên một cây thị. Sẵn đó, cha đặt tên cho con là *Thăng Thị*. Rồi mẹ con nuôi con, nung-niu con, cha nung niu cây Thị. Cha rào chung quanh, tưới nước cho nó, bón phân cho nó. Mẹ con thì cho con bú, cho con ăn, rồi tập cho con biết bò, biết đi, biết nói... Con lên 10 tuổi, mẹ con chết. Cha chôn Mẹ con dưới bóng cây Thị. Nhà mình nghèo, nhưng nhờ mẹ con săn sóc, nên 10 tuổi con đã nở nang, đẹp trai, mạnh khỏe, béo tốt. Cây Thị cũng được 10 năm, đâm chồi, nứt đọt tươi tốt vô cùng. Mẹ con chết, bỏ cha ở lại trên cõi trần một mình. Cha già yếu, không nuôi được heo, không đi cấy mạ thuê, gặt lúa mướn được, nhưng cha nhờ cây Thị mà dành dụm được tiền bạc cho con đi học.

Tết năm nay con 18 tuổi. Cây Thị cũng lớn được 18 năm. Con với nó đồng một tuổi. Nhưng cây Thị đã có trái, cứ mỗi mùa cha hái trái Thị đầy ba giỏ

cần-xé đem đi bán. Tuy bán Thị không được nhiều tiền, nhưng nhờ tiền bán trái Thị mà cha mua được gà, vịt, nuôi được mấy bầy gà, bầy vịt, bán trứng để mua tre, mua mây đan giỏ, đan thúng, đóng giường, bán được khá tiền hơn. Tiền con ăn học mấy năm nay chính là tiền của cây Thị đấy, chớ không phải tiền của cha. Cha mua bánh, trái, đèn, hương, để Tết cúng Ông bà của con và mẹ con cũng là tiền của cây Thị. Nay cha già cả ốm-yếu, cây Thị vẫn nuôi cha, cha đau mấy trận xuất huyết, nhờ uống thuốc mới khỏi, cũng là tiền của cây Thị. Không những sách vở của con học, quần-áo của con mặc, cơm con ăn, mà đến như chiếc đòn kia của con xin tiền cha để mua chơi, đều là tiền của cây Thị đấy! Còn con cũng là một cây Thị, ra đời cũng một đêm, một tháng, một năm với nó mà con đã làm được gì cho cha nhờ chưa? Trái lại, con vẫn ăn bám nơi cây Thị, mà con không biết xấu-hổ! Cây Thị kia còn có ích cho gia-đình xã-hội hơn là một đứa thanh-niên vô dụng như con. Cha đã sống nhờ

nơi cây Thị, mẹ con chết cũng nằm dưới bóng cây Thị, rồi sẽ đến lượt cha chết cha cũng sẽ nằm bên góc cây Thị... Lúc này con hỏi cha tại sao cha cắm nhánh Thị trong lọ độc-bình để chưng Tết, bây giờ con đã hiểu chưa?

Ông Già Nhiều nói đến đây, uống một hớp trà rồi vào giường nằm.

Giao thừa đã qua từ lâu, tiếng pháo nổ dồn lúc nửa đêm đã thưa-thớt dần rồi im-băng... «Thăng Thị» tưởng cha nó đã ngủ. Nó lấy chai rượu mai-quê-lộ của ông, rót uống một ly, nét mặt hăm-hăm giận-dữ, quyết thi hành một việc mà nó đã tính-toán từ này giờ. Nó đi tìm cây búa tạ của ông già thường dùng bổ củi, chặt tre, lưỡi búa to và bén. Nó xách búa ra vườn, đến góc cây Thị. Trời tối như mực, thăng Thị say rượu, thấp một cây đèn cây cắm gần má Mẹ nó rồi lấy hết sức trai tráng cầm búa phang vào thân cây Thị. Nó quyết đốn cây Thị cho ngã xuống, cho chết, để trả thù câu chuyện của cha nó nói vừa rồi. Nó cho rằng câu chuyện cây Thị là một nhục-nhà cho nó. Cha nó quý cây Thị mà xỉ-vả nó. Nó nghĩ như thế.

Ông Già Nhiều nghe tiếng búa, thức dậy, khê bước đến cửa sổ trong bóng tối nhìn ra. Dưới ánh đèn cây leo-lắt, ông thấy con ông đang hi-hục bổ lưỡi-búa sắc bén vào thân cây Thị. Ông lặng-lẽ đứng ngó, hai giòng nước mắt chảy ròng-ròng xuống hai hũng má nhăn.

Nhưng cây búa quá nặng đối với sức nó, góc cây Thị cũng khá lớn, thăng Thị bổ gần một nửa thân cây Thị, rồi đuối sức, mồ-hôi nhễ-nhoai, nó vứt búa xuống đất, bỏ ra đi trong đêm khuya.

Ông Già Nhiều lặng-lẽ trở vào buồng.

Sáng Mồng-một Tết, «thăng Thị» không về nhà. Nó đi biệt luôn từ Tết năm ấy.

Ông Già Nhiều lấy đất nhét vào chỗ góc cây bị chặt rỉ mủ, rồi lấy vải bó dịt lại vết thương. Mỗi buổi sáng, ông tưới nước vào chỗ hàn gắn, săn-sóc nó như một bệnh-nhân. Cây Thị được lành mạnh tươi-tốt, đến mùa vẫn nở hoa, kết quả, các nhánh thị sùm-sẻ những trái, màu vàng ánh, mùi thơm ngào ngạt cả làng. Ông hái đầy 2 giỏ thị gọi bạn hàng quen đến bán như mọi năm.

Ba năm sau, ông Già Nhiều bị bệnh chết. Người hàng xóm, theo lời ông trời, chôn ông dưới bóng cây Thị, cạnh mã bà Nhiều.

Thăng Thị từ đêm giao thừa bỏ nhà đi lên Tỉnh và cũng bỏ học, theo bọn du-côn lên Sài-gòn « kiếm ăn ». Nó nhập vào một đảng bắt lương, chuyên nghề ăn cắp. Trong một cuộc cãi lầy với tên đầu-sỏ của nhóm nó vì tranh giành một thiếu-nữ điểm-dang, nó hăng máu cầm dao đâm thăng kia xuyết chết. Ra tòa nó hối-hận, nhưng vẫn bị 3 năm tù khổ sai.

Mãn hạn tù vào dịp cuối năm, nó ra về, tìm lại các bạn đồng-lõa cũ, không còn đứa nào. Hầu hết đều bị tù tội, hoặc đi kiếm sinh kế nơi khác. Một vài đứa đã có công việc làm, trở về đời sống lương thiện, không nhìn nhận nó nữa. Đêm 29 Tết, nó còn đi lang-thang trên các đường phố Sài-gòn. bụng đói, hai ngày chưa có một hột cơm, không có nơi trú ngụ.

Trưa ngày 30, nó mò ra bến xe đồ Lục tỉnh, khóc lóc xin một Chủ xe cho nó đi nhờ một chuyến xe chót cuối năm « về quê nhà thăm cha ».

Về đến làng, trời đã chiều. Nó len-lén đi ngang qua trước túp nhà lá của cha nó, nhưng chưa dám vào. Cổng đóng chặt, rào gai phía ngoài. Nó nghe ngóng một lúc, rồi đánh bạo vạch một lỗ hàng rào, chui vô vườn...

Nó đi nhè-nhe như thàng ăn trộm. Dần dần nó bước vô nhà, thấy vắng vẻ, trên bàn thờ không có đèn nhang.

Nó cắt tiếng gọi: « Cha ơi! Cha! » Không có tiếng đáp. Nó đi rảo khắp nhà một vòng, vào buồng cha nó, xuống bếp, chẳng thấy cha nó đâu. Nó lo sợ trước cảnh nhà hoang phế. Nó ra vườn... thấy bên cạnh năm mã của mẹ nó có một năm mã khác có mọc tùm lùm. Bây giờ nó mới biết là cha nó đã chết từ lâu. Nó đứng sững người, nhìn cây Thị. Cây Thị vẫn tốt tươi, nơi thân cây chỗ nó chặt 6 năm trước, bây giờ đã hàn gắn lại. Nó đến gần ngó kỹ: một lớp đất đã bám vào đó, nhựa cây chảy ra bao phủ lên trên, lâu ngày cũng gần như lớp vỏ...

Chung quanh cây, vài ba trái thị cuối mùa rơi, còn thoang - thoảng mùi thơm... Sắn dổi, thăng Thị lượm mấy trái, lột vỏ ăn ngon lành. Nó trở vào nhà, thấp một thể nhang trên bàn thờ Cha Mẹ nó. Bỗng đứng nó thấy dưới bức ảnh của cha nó lòi ra một miếng giấy. Nó rút ra xem, tờ giấy đã cũ, nhưng nét chữ run run của cha nó còn y-nguyên. Nó đọc:

« Khi nào con thất nghiệp về đây, cha chết rồi thì có cây Thị nuôi con ».

Thăng Thị gục đầu xuống bàn thờ cha, khóc nức-nở... N.V.

NHÂN-VẬT



Sức mạnh phi-thường của ông được chứng minh bằng một vụ tay không đánh nhau với thù dữ trong một cuộc đi săn ở nước Sở.

Sở Thành - Vương hàm - mộ Trưng - Nhĩ đã lấy lễ quốc-khách mà tiếp đón ân-cần. Sở - Vương còn tổ-chức một cuộc đi săn ở chằm Văn-Mộng.

Trưng-Nhĩ và tất cả bọn gia-tướng đều được mời tham-gia. Họ khen tặng nhau chưa dứt lời thì nghe quân la ó và có vẻ kinh-hoàng sợ-sệt. Sở - Vương hỏi thì bọn lính thưa: « Trong hang núi xồng-ra một con thú, giống gấu mà không phải gấu, lỗ mũi như mũi voi, đầu như đầu

Luận Thư...

hồ-tướng

NGUY-THÙ

★ THIẾU SƠN

TRONG đám tùm vong theo Trưng - Nhĩ có hai viên võ-tướng sức mạnh hơn người là Ngụy-Thù và Diên-Kiệt. Thứ nhứt là Ngụy-Thù được tiếng là anh hùng vô-dịch. Trong bước lưu vong bao nhiêu công việc nặng-nề là ông đều xung phong gánh vác.

sư-tử, chun như chun cạp, lông
tợ lông sải, gầy như gầy heo rừng,
đuôi như đuôi trâu nước, mình
lớn như ngựa mà có vằn trắng
vằn đen, gươm giáo đâm không
lũng, nhai sắt như nhai bùn, mấy
cái cốt xe bằng sắt bị nó ăn hết,
mạnh mẽ vô cùng, người trị
không lại. »

Sở-Vương hỏi Trùng-Nhĩ :
« Công-tử ở Trung-nguyên nghe
rộng, thấy nhiều có biết thú ấy
tên chi chăng ? »

Trùng-Nhĩ quay ngo Triệu-
Thôi. Triệu-Thôi bước tới thưa
rằng : « Tôi biết thú ấy tên là
con Mịch. Nó gồm khi kim trong
trời đất mà sanh ra, đầu nhỏ,
chun thấp hay ăn đồng sắt.
Nó dài tới đầu thì năm thứ sắt
đều tan ra nước, xương đặc
không có tủy. Xương lấy làm
đuôi, da lột làm nệm hay khử
thấp, trừ ôn. » Sở-Vương nói :
« Vậy thì lấy gì mà trị nó ? »
Triệu-Thôi đáp : « Thịt da cứng
như sắt, duy lỗ mũi có chỗ
trống, lấy dây sắt trị nó hoặc
lấy lửa ram nó cũng xong. »
Nói vừa dứt lời thì Ngụy-Thù
xông ra thưa rằng : « Tôi chẳng
dùng gươm giáo, quyết bắt
sống thú ấy đem « dâng. » Nói
rồi nhảy xuống xe chạy riết vào
rừng. Sở-Vương và Trùng-Nhĩ
đều khiến đầy xe đi coi.

Ngụy-Thù xông vào góc Tây
Bắc thì gặp con thú. Chàng

thoi nó ít thoi nhưng nó
chẳng coi ra gì. Nó kêu lên
một tiếng vang như trâu rống,
chờn vờn xốc lại le lưỡi liếm
một cái làm cho dây nịt sắt của
Ngụy-Thù sút hết một khúc.
Ngụy-Thù cả giận nhảy vọt lên
cao. Con thú trở qua. Ngụy-
Thù ráng sức nhảy thót lên
lưng lần xuống ôm cổ. Con
thú nhào vung hết sức mà
Ngụy-Thù cũng đánh đeo chặt
cứng không buông. Thú ấy
nhào lộn một hồi, lần lần yếu
sức. Ngụy-Thù còn mạnh hai
tay ôm riết cổ thú làm nó
nghẹt thở nên hết vẫy vùng.
Ngụy-Thù nhảy xuống, một tay
nắm lỗ mũi đất đi, đem đến
trước mặt hai Chúa mà nạp.

Triệu-Thôi sai quân lấy lửa
đốt xông. Lửa thấu vào mình
con thú mềm ra và thun lại.

Ngụy-Thù buông nó ra, lấy
gươm xáng xuống mà không
thấy dấu vết.

Triệu-Thôi nói : « Muốn lột
lấy da thì phải đem lửa ram
xung quanh mình nó. » Sở-
Vương truyền đốt lửa một hồi,
lột da nó mới dặng.

Sở-Vương khen Trùng-Nhĩ :
« Kể theo Công-tử đều là văn
võ toàn tài, trong nước ta
không ai bì kịp ».

Thành-đắc-Thần là một danh
tướng của Sở nghe Sở-Vương

nói vậy chẳng phục nên tâu
rằng : « Chúa-công khen tôi
nước Tấn có tài, tôi xin thí
võ thử coi cho biết ».

Sở-Vương không cho vì sợ
thất lễ với khách. Sau Sở-
Vương hỏi Trùng-Nhĩ sẽ có gì
tạ ơn nước Sở thì Trùng-Nhĩ
trả lời : « Như tông tổ tôi có
linh khiến cho tôi về dặng
nước Tấn xin cùng Chúa-công
hòa-hảo, trăm họ dặng an. Nói
cho cùng nếu Chúa-công với
tôi có dùng binh xa nơi đất
bằng, đồng trống, tôi cũng tránh
chúa-công 3 trạm ».

Một trạm là 30 dặm. Tránh
3 trạm tức là sẽ tránh 90 dặm.
Sở-Vương bằng lòng nhưng Sở-
tướng hạm-hực, bất-bình ra
mặt.

Ngụy-Thù chẳng những đã
lập được nhiều công trong khi
Trùng-Nhĩ còn lưu-vong. Tới
khi Văn-Công lên ngôi, Ngụy-
Thù còn lập nhiều chiến-tích.
Chính chàng đã bắt được Thái-
thúc-Đái và Ngỗi-Hậu và giết
đi để trừ loạn cho thiên-tử nhà
Châu. Nhưng chàng đã phạm
một tội lớn suýt bị mất đầu.

Nguyên hồi còn lưu lạc
Trùng-Nhĩ chạy qua nước Tào
bị chúa nước này bắt-hủi và
bạc-đãi nhưng được một ông

quan nước này dâng cơm và
biếu ngọc. Ông quan đó tên
là Hy-Phụ-Cơ.

Tấn-văn-Công diệt Tào để
hồi tội nhưng lại ra lệnh cấm
không cho ai được phá phách
nơi nhà ở của Hy-Phụ-Cơ. Làm
hư một nhánh cây, một bụi cỏ
cũng bị chém đầu.

Ngụy-Thù và Diên-Kiệt thấy
Tấn - hầu bảo - trọng Phụ - Cơ
thì có ý không bằng lòng. Họ
sợ rằng sau này Phụ-Cơ được
trọng-dụng thì sẽ lấn lướt họ.
Họ uống rượu với nhau tới
khuya, đợi lúc vắng người
lén dẫn quân đến vây nhà
Hy Phụ-Cơ chặt bốn
phía cháy rực trời. Ngụy-Thù
nhon say, ý mạnh, nhảy thót
lên lầu chạy rầm rầm kiếm
Phụ-Cơ mà giết. Ai dè rui mục
gây lọt té xuống đất một cái
đui lại bị rui đâm xê bụng,
giây lát học máu lai-lãng trong
khi lửa cháy gần tới nóng.
lắm, Ngụy-Thù túng thế phải
ràng leo vách nhảy ra, lết ra
khỏi vòng lửa thì phỏng hết
mình mấy quần áo teng beng,
nằm chết giắc. Vừa khi đó
thì Diên-Kiệt đi tới đỡ lên xe
dem về dinh trại.

Tấn Văn Công hay tin cho
xe chở tới chỗ cháy thăm Hy-
Phụ-Cơ thì ông này đã gần

chết. Ông nhường mắt nhìn Văn-Công rồi tắt thở. Vợ Hy-Phụ-Cơ bỗng đưa con 5 tuổi là Hy-Lộc ra lay khóc. Văn-Công rơi lụy mà bảo rằng : « Xin chị chớ buồn, để chút cốt huyết của Hy-huynh, tôi nuôi cho ». Nói rồi bèn phong chức Đại-phu cho Hy-Lộc còn ở trong bọc và cho lụa là vàng bạc rất nhiều. Liệm chôn Phụ-Cơ xong rồi, Văn Công truyền đưa mẹ con Hy-Lộc về Tấn.

Văn-Công nghị tội nghịch-mạng và khiến Triệu-Thời giết Ngụy-Thù và Điền-Kiệt. Triệu-Thời thưa : « Hai người ấy có công 19 năm lao khổ, có công-lao nhiều xin Chúa công xá tội ». Văn-Công không nghe vì sợ kẻ khác sẽ noi gương mà làm rối trật-tự. Triệu-Thời lại thưa : « Chúa-Công nói phải lý, nhưng Ngụy-Thù là tướng mạnh, tài lực hơn người giết đi rất uổng. Vậy tôi xin giết một Điền-Kiệt cũng đủ răn chúng ». Văn-Công nói : « Nghe Ngụy-Thù bệnh nặng, chết nay mai, còn trông cậy nổi gì ? » Triệu-Thời tâu : « Tôi xin lãnh mạng chúa-công đến thăm, nếu chắc chết thì xử theo quân-luật, bằng còn mạnh xin lưu-dùng về sau. Văn-Công gật đầu rồi sai người đòi Điền-

Kiệt và cho Triệu-Thời đi thăm Ngụy-Thù.

Ngụy-Thù đau nằm mê man nghe tin có sứ đến bèn sai quân lấy lụa nịt hông lại chặt chia rồi mới ra tiếp sứ. Triệu-Thời hỏi : « Nghe tướng-quân bệnh nặng mà còn dậy dặng sao ? » Ngụy-Thù nói : « Mạng chúa phải kính, ráng ra tiếp qui huynh, chớ tôi biết mình có tội đáng chết. Như may mà dặng tha, tôi còn chút sống thừa quyết đền ơn quân thượng. Tôi tuy mang bệnh mà trong mình còn mạnh như thường ». Nói rồi nhẩy ba cái rất cao, múa chuyền gân cốt rất mạnh.

Triệu-Thời về báo cáo với Văn-Công nói Ngụy-Thù còn mạnh nên lưu lại mà dùng.

Kế Điền-Kiệt bị dẫn tới. Văn-Công hỏi : « Người đốt nhà Hy-phụ-Cơ là có ý gì ? ». Điền-Kiệt nói : « Giới-Tử-Thời cất về cho Chúa-Công ăn mà còn bị đốt chết. Huống chi Hy-phụ-Cơ có cổ bàn dãi Chúa-Công chứ có gì là đặc biệt ? Tôi muốn cho Hy-phụ-Cơ dặng ở phụ trong miếu Giới-Sơn như Giới-Tử-Thời vậy. » Văn-Công giận nói : « Giới-tử-Thời bỏ quan mà trốn chớ ta có phụ chi mà người nói như vậy ? »

Nói rồi truyền lệnh chém đầu Ireo ở cửa Bắc để làm gương. Triệu-Thời đề-nghị cách chức Ngụy-Thù và cho lập công đền tội. Văn-Công chuẩn tấu.



Tấn Văn-Công diệt Vệ, phá Tào để trả thù nhưng vẫn muốn tránh Sở để đền đáp ơn xưa. Nhưng bọn tướng Tấn lại quyết-tâm chọc giận cho Sở phải ra binh. Nguyên-soái nước Sở là Thành-đắc-Thần, người trước kia đã xin thi võ với Ngụy-Thù.

Đắc-Thần một hai đời đánh. Sở-Vương không muốn cho, nhưng Đắc-Thần cam đoan nếu đánh thua thì chịu chết. Sở-Vương miễn cưỡng chuẩn tấu. Đắc-Thần hiêu hiêu tự-đắc ở-ạt tiến quân. Tấn-văn-Công ra lệnh phải lui quân 3 trạm để giữ đúng lời hứa năm xưa.

Chủ-quan khinh địch quân Sở bị hãm vào vòng vây. Thành-đắc-Thần cùng hai viên đại-tướng thoát khỏi vòng vây chạy về tới trại thì trại đã bị chiếm. Họ góm tàn quân chạy nữa thì thỉnh-linh có tiếng pháo nổ vang, một tướng Tấn xuất-hiện mà tướng ấy lại chính là Ngụy-Thù. Từ ngày Ngụy-Thù hạ được con Mịch ở nước Sở thì cả nước Sở đều kiêng

oai thần đồng. Nay gặp lúc tướng rêm, quân mỗi thì lại càng võ mạt, kinh hồn. Thành-đắc-Thần trước kia đòi thi võ với Ngụy-Thù nay gặp Ngụy-Thù lại không còn sức chiến-đau. Đám tàn-tướng chia nhau vừa bảo-hộ nguyên-soái vừa chống lại với Ngụy-Thù. Ngụy-Thù đã già mà còn thừa sức đánh với ba viên danh-tướng của Sở, đánh tới trời, tới đất, sơi chỉ không qua, giọt nước chẳng lọt. Trong lúc đó thì có người phi ngựa chạy tới kêu Ngụy-Thù mà nói : « Ngụy tướng-quân hãy bãi chiến vì Nguyên-Soái vắng lệnh Chúa-công dặn tha Sở-tướng để trả ơn lúc lưu lạc nước người ».

Ngụy-Thù bèn truyền lệnh ngưng chiến và hét lớn lên rằng : « Ta tha cho các người đó ».

Sau trận thua này Thành-đắc-Thần tự tử. Được ít năm sau, Ngụy-Thù say rượu, ngã xe gãy tay, bệnh cũ tái-phát rồi hộc máu miệng ra mà chết. Ông chết rồi mà tiếng còn lưu-truyền là một viên hổ-tướng.



Năm nay năm Dần. Tôi muốn nói chuyện cạp. Nhưng ở thời Xuân - Thu không có chuyện đánh cạp. Theo như tả ở trên

thì con Mịch có phần mạnh hơn cốp mà người hạ được nó phải có sức mạnh phi-thường. Oai-danh của Ngụy-Thù lầy lừng ở nước Sở, lầy lừng ở nước Tấn, quân Tấn kéo tới đâu là người ta thấy hình bóng Ngụy-Thù ở đó. Ông quả là một viên hồ-tướng, suốt đời không chịu thua ai, đã tận tâm với Trưng-Nhĩ và phục-vụ Văn-Vương cho tới già, tới chết. Văn-Vương trọng dụng bọn văn-thần hơn võ-tướng. Cây bút có giá-trị hơn thanh gươm.

Thật ra thì bọn Triệu-Thôi, Hồ-Yên đã giúp ông hưng-nghiệp và xây dựng bá nghiệp cho ông. Nhưng ông đã thiếu khôn-khéo trong cách đối-xử để cho Ngụy-Thù, Điền-Kiệt phải bất bình. Họ nhin thua Triệu-Thôi, Hồ-Yên nhưng họ đâu chịu để cho Hy-Phụ-Cơ một ngày kia sẽ được trọng-dụng hơn họ. Ta không trách họ vì là những kẻ vô-dũng thất-phu. Nhưng ta trách người lãnh-đạo đã gây cho họ những ấn-tượng nặng-nề và những ý-nghĩ sai-lạc.



★ LÀM NGHĨA

Cho người nghèo, tức là cho Thượng-đế vay.
(Qui donne aux pauvres, prête à Dieu)

VICTOR HUGO (Thi-sĩ Pháp)

Họ nghịch-mạng thì họ phải đền tội, ta không thể bào-chữa cho họ được. Nhưng tại sao giết Điền-Kiệt mà lại chưa Ngụy-Thù ? Tại sao bằng lòng cho Triệu Thôi tới thăm chừng coi Ngụy-Thù đáng tha hay đáng giết ? Ngụy-Thù cũng tinh khôn nên đã ráng sức tỏ ra mình còn mạnh để cho người ta còn chưa nỡ hy - sinh như hy - sinh một món đồ vô-dụng, một chén bễ, một đĩa lư, một nệm xùì, một chiếu rách. Té ra tất cả đều chỉ là vụ-lợi, không tinh, không nghĩa, không ái, không ân.

Ngụy-Thù nhờ vô-dũng mà sống lâu hơn Điền-Kiệt, nhưng cái chết của Điền-Kiệt lại đẹp đẻ hơn nhiều, có thể sánh với Giới-Tử-Thôi đã chịu chết cháy ở Miên-Thượng để khỏi phải sống chung với bọn dung tục phạm phu.

Càng đọc lại cổ-nhơn ta càng rõ thói đời đen bạc. Thời xưa vậy mà thời nay cũng vậy.

THIỆU-SƠN

chuyện bên sông



Mây giăng một cửa nghe hồn gió
Mưa lạnh bên sông mưa lạnh về
Chừng như rét mướt vào chấn ấm
Cho nhớ thương tìm những bước đi.

Mưa gió nghe giăng nhịp thở dài
Buồn như trông ngóng một ngày mai
Gió mưa lùa cả vào tâm sự
Thương nhớ về ai, ai nhớ ai !

Không trách men lòng say chiến chinh
Mà quên đi cả chuyện ân-tình
Nước non còn hện — Còn chung-thủy
Còn cả mùa Xuân chuyện chúng mình.

Lối cũ vẫn buồn nghe lá rơi
Trắng xưa quen chuyện lẻ-loi rồi.
Dù cho năm tháng hồn binh lửa
Vẫn đợi xuân về kết lứa đôi.

MỘNG-HOÀ-HUYỀN
(Hướ)

ĐỒ BẠN :

VII.— BA QUYỀN PHỔ-THÔNG

TRONG tủ sách của tui, sắp dựng đứng 3 quyển *Phổ-Thông* từ trái sang phải, kế tiếp nhau : quyển *Phổ-Thông* số 72 có



★ NGUYỄN-BA-TUI
Biệt-hiệu : BA-TÈO

*Ráng cái sách
đoán Bài Toán!!*

132 trang, rồi quyển số 73 có 132 trang, rồi đến quyển *Phổ-Thông* Xuân số 74 có 244 trang. (dĩ-nhiên là kể cả 4 trang bìa vào đó rồi). Vậy xin đố các bạn tính từ trang đầu của quyển 72 đến trang cuối của quyển 74 có tất cả bao nhiêu trang ?

Bạn nào đáp trúng từ nay cho đến 24 giờ đêm 29 THÁNG GIÊNG TA (tức là 5-3-62) tui sẽ yêu cầu cô Diệu-Huyền gửi tặng bạn 1 quyển *Phổ-Thông* số 76. Thư giải đáp gửi về phải đề tên Nguyễn-văn-Tui, tui mới nhận, và căn-cứ theo con dấu của nhà Bưu-điện đóng ngoài bao thư quá ngày 29 tháng giêng ta, tui không nhận nữa.

Năm mới, xin chúc quý Bạn ăn ngon ngủ ngon nhé !
NG.-BA-TUI.

9 Xin đáp 3 bài đố trong số Xuân trang 189

Bài số 1.— Hai người mẹ và ba người con gái ấy mua tất cả 4 « trái chuối chiên ngọt », vì đúng ra là 1 bà mẹ với 1 người con gái của bà ấy, và 2 người cháu gái ngoại. (2 cô cháu ngoại chính là 2 con gái của cô con gái của bà kia).

Bài số 2.— Ba con cọp ăn 3 ki-lô thịt trong 3 phút đồng-hồ, thì 1 con cọp ăn 1 ki-lô thịt cũng 3 phút đồng hồ. 1 con cọp ăn 20 ki-lô thịt trong 60 phút đồng-hồ. Phải có 6 con cọp ăn 120 kí trong 60 phút đồng-hồ.

Bài số 3.— Nếu Cu-Tèo cho Cu-Teo 1 bánh, thì cu Teo sẽ có thêm 1 bánh. Như thế nghĩa là hiện cu Tèo có nhiều hơn em nó 2 bánh. Cu Tèo đã có nhiều hơn cu Teo 2 bánh, nếu cu Teo cho anh nó 1 bánh, tức là anh nó sẽ có hơn nó 4 bánh. Mà chừng đó số bánh của cu Tèo sẽ nhiều gấp đôi của cu Teo, thì nếu cu Tèo có 4 bánh anh nó sẽ có 8 bánh. Như vậy, cu Tèo hiện có trong hộp : 7 bánh. Và cu Teo 5 bánh.

Xin kính chào Quý Ông Quý Bà !

NGUYỄN-BA-TUI
Bút hiệu là BA-TÈO

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẦU-DƯỢC



★ ĐIỀN SƠN



Không kể những nước chậm tiến mà ngay những quốc gia văn minh, số người chạy theo bùa phép mỗi ngày mỗi tăng.

Người ta thường hay treo những lá bùa, hay các hình bát quái ngay trước cửa ra vào để trừ tà ám quỷ, tục lệ này được di-truyền như là một thông lệ vậy.

Xem bức hình sau đây mới đầu ta tưởng rằng đây là một món đồ chơi. Nhưng, sự thật đây là một kiểu nhà của bộ lạc SUDAN ở Phi-châu.

● MỘT KIỂU NHÀ QUÁI-GỖ

Từ xưa đến nay và mãi mãi về sau, có lẽ mê tin dị-doan khó mà có thể chấm dứt được.

Hầu hết dân bản xứ làm nhà theo lối này, có khi họ xây bằng gạch như ta, có khi họ dùng những gốc cây cô thụ không-lò đào khoét thành hình chiếc đầu người quái-gỗ, họ khoét trống phía trong để ở.



Dân bộ-lạc này hãy còn bán khai nên họ làm nhà theo những hình thù quái-dị vì họ tin rằng họ ở trong đó thì không còn ma quái nào bắt bớ họ phải đau ốm và tử thần không giết họ được.

Nhưng đầu sao, họ cũng không tránh được định luật thiên-nhiên của tạo-hóa là sinh, bịnh, lão, tử.

● MỘT CHIẾC RĂNG ĐAU, HẠI 25.000 SINH-MẠNG

KHÔNG riêng gì ngày xưa, mà ngày nay các bộ lạc ở những miền rừng núi hoang-

vu hẻo-lánh, họ còn qua tin-tưởng ở các vị thần vu-vơ, hề mỗi lần có hạn hán, hay lụt lội đều cho là thánh thần trừng phạt nên các pháp sư đều xin vua lập lễ tế thần, và đã biết bao thanh-niên, trinh-nữ vô tội bị đốt cháy hay bị thả sông một cách đáng thương.

Tại Phi-Châu, đã xảy ra một cuộc tàn sát sanh linh kinh khủng, khi hoàng-hậu NAMA-SOLE, mẹ của vua MTESA xứ AGANDA bị đau răng. Hoàng-hậu vẫn đau nhức mặc dầu đã nhiều danh y tận tâm chạy chữa. Sau cùng hoàng-hậu triệu tập tất cả các phù-thủy lại đề hỏi ý-kiến. Họ đồng quyết-định tâu rằng nếu hoàng-hậu muốn căn bịnh này thuyên giảm phải hy-sinh trọn dân số trong tỉnh VUMA cho tử thần.

Lúc đầu, hoàng-hậu còn ngần ngại, nhưng sau vì căn bịnh này vô mãnh-liệt nên hoàng-hậu truyền lệnh cho binh-sĩ áp giải một số dân gồm đàn ông, đàn bà và trẻ con đến hồ VICTORIA, tại hồ này họ bị bắn chết hay nhận chìm. Số tử nạn lên đến 25.000 người.

Đây là một hành-động tàn ác để làm vui lòng tử-thần. Nhưng... than ôi! căn bịnh vẫn không hề thuyên giảm. Không



biết các phù-thủy nọ sẽ nói sao với hoàng-hậu, vì lịch-sử chỉ chép có ngần ấy thôi, phần sau không hiểu vì sao im lặng, hay sử-gia cũng đã đến lượt bị tế thần ?

● MỘT NGƯỜI NGỒI SUỐT ĐỜI

CHÚNG ta thử ngồi nguyên một kiêu suốt ngày xem có được không ? Thế mà có người đã tự ngồi suốt một đời, người ấy là sư cụ YUEN-TONG, người Trung-Hoa, ở Thế kỷ thứ 18. Mỗi nhà tu hành

cổ tìm cho mình một lối tu khắc khổ, hành phật thân xác chỉ mong siêu thoát linh hồn.

Ở làng Gia-Khánh, (thường gọi là Làng Đậu) tỉnh Hà-Đông, Bắc-Việt có 2 nhà sư tu lối nhịn đói, tuy nhiên cũng ăn cầm hơi vài cùm rau cỏ. Sau khi thất lộc, xác của hai nhà sư này thom phức mùi hương nên được tín đồ Phật-giáo rước về thờ ở một ngôi chùa đồ sộ. Hằng năm đến ngày 9 tháng giêng, bốn đạo thập-phương đồ xô về đây hành hương, ngoạn cảnh, và cũng đến ngày này người ta sơn lại thân xác của hai vị hòa thượng đã đắc đạo kia, người ta gọi là «SƯ RAU».

Ở Trung-Hoa, có nhà sư YUEN-TONG đã ngồi nguyên một kiêu từ lúc xuất gia đầu phật (22 tuổi) cho đến lúc hồn lìa khỏi xác, là 64 tuổi. Xem hình, ta thấy dáng điệu ngồi của cụ giống đức Phật Thích-Ca. Sách chép rằng cụ không hề ngủ, luôn luôn đọc kinh cầu nguyện nhưng không biết cụ có ngủ gật không ? Mỗi ngày nhà sư này chỉ ăn lót dạ vài quả chuối

● KÝ-MÃ KHÔNG ĐẦU



THE EVER SITTING MAN

mà thôi, nên lúc qua đời, người cụ chỉ còn là một bộ xương.

Sau khi thoát tục, xác cụ vẫn ngồi nguyên một kiêu như thế, người ta ướp xác cụ, rồi cho vào lồng kính để thờ trong chùa YUN-NAN-FU, ở Trung-Hoa năm 1760. Người ta cho rằng sư YUEN-TONG đã được đắc đạo vì thân xác cụ phát ra mùi thơm phức, và cụ đã làm nhiều phép lạ. Hiện nay tại ngôi chùa trên vẫn còn xác cụ.

TRONG lịch-sử Ấn-Độ, có một chuyện rất lạ lùng mà hầu như ít ai biết đến là ông SHAH GHAZI KAMAL ở BAHU, PUNJAB. Ông bị chém bay đầu tại bãi chiến trường trong trận JHAJJAR năm 1635. Nhưng ông ta không bị nhào xuống đất mà trái lại vẫn hiện ngang ngời trên yên ngựa, ra roi giục ngựa về quê. Quãng đường từ JHAJJAR về BAHU dài gần 50 cây số. Không hiểu nhờ ông là bậc linh thiêng hay ngựa quen đường cũ, đã đưa ông về đến quê quán. Gia đình ông liền đưa ông lên ngựa vào trong nhà mồ (ở Ấn-Độ cũng như Ai-Cập hay Do-Thái, người ta đặt xác chết trong hầm đá, chứ không chôn dưới đất như ta thường biết) còn ngựa chở xác ông vẫn đứng nguyên một kiêu cho đến chết trong nhà mồ lộng lẫy này.

Sau đó, dân Ấn-Độ xây cất một ngôi nhà thờ Hồi giáo và một hồ nước xinh xắn cạnh nhà mồ của ông KAMAL.

Tính ra đã hơn ba trăm năm. Cho đến nay, các khách thập phương nô nức đến hành hương tại đây, vẫn còn thấy xác ông Kamal không hề bị hư thối.



THE HEADLESS HORSEMAN

Khiến cho sự tin ngưỡng của dân chúng Ấn-Độ ngày thêm mãnh liệt.

● KẺ TỬ TÙ LÊN NGÔI HOÀNG-ĐẾ

Ơi đời thật có nhiều việc trớ-trêu như MICHAEL đệ II đã từ chốn xà-lim lạnh-lẽo bước thẳng lên ngôi Hoàng-đế hầu như cai-trị gần nửa thế-giới.

Michael bị kết án tử-hình vào ngày lễ Giáng-Sinh năm 820. Khi ông ta buồn rầu đợi người đao phủ đến, chợt ông nghe những bước chân đi dồn dập về phía nhà giam ông.

Cánh cửa sắt nặng-nề từ từ mở rộng và một toán vệ-binh khi-giới đầy đủ tràn vào vây quanh tên tử tội MICHAEL ông nhám nghiền đôi mắt lại để lười hái của tử thần đưa ông về âm cảnh. Nhưng ông lại ngạc-nhiên khi nghe những lời chúc tụng ông. Ông mở choàng mắt ra thì ôi thôi! Một cảnh hết sức ngạc nhiên khi thấy các quan triều-đình cùng quần-sĩ kia đang quỳ gối tụng-hò vạn tuế ông.

Sau cùng, ông được biết vị tổng tư-lệnh tối cao là bạn ông đã ra lệnh ngấm lật đổ triều đại cũ để tôn ông lên làm vua. Cựu hoàng-đế LEO xứ BYZANTINE đã bị ám sát, MICHAEL lên thay.

Trong phút chốc, những xích-xiêng được tháo tung, tuy nhiên khi vào triều làm lễ đăng quang tân hoàng-đế MICHAEL vẫn còn đeo ở chân hai vành sắt lớn, thật là chuyện buồn cười, vì quân canh đã đánh mất chìa khóa mở xích ấy.

Michael II phải chăng là người độc nhưt từ chốn lao tù trở nên một hoàng-đế thống trị nửa thế-giới.

Ngày nay, lịch-sử nước Byzance vẫn còn ghi chép như



vậy, thật là một chuyện khó tin nhưng có thật.

● NGÔI CHÙA THỜ NHỆN

HÃN các bạn đã biết ở nước ta, một vài nơi có nhiều cái am, miếu nhỏ, thờ Rắn, thờ Cá voi, v.v..., đó là tùy tin-ngưỡng của con người ở mỗi địa phương.

Và sau đây là câu chuyện một con nhện sau khi chết được người ta chôn cất, lập chùa để thờ, lại có cả một đại kỷ niệm nữa. Ngôi chùa ấy là

CHI-CHU-TÁ tại Bắc - kinh, Trung-Hoa.

Một hôm, sư-cụ YU-AN đang say mê tụng kinh cứu khổ, và suy gẫm cuốn DIAMOND SUTRA là một trong những cuốn sách ghi chép đầy đủ lời PHẬT dạy, thì thỉnh linh một chuyện hết sức ngạc nhiên xảy ra khiến sư cụ phải để ý dò xem, con nhện đã bò từ dưới đất lên và đang nằm im-lim bên cạnh cuốn kinh sách.

Hễ mỗi lần nhà sư đọc đến câu NAM MÔ PHẬT hay danh tánh các vị PHẬT khác thì nhện lại cúi hẳn đầu xuống bàn thờ về kinh-phục.

Thế rồi ngày qua tháng lại, bất kỳ đêm hay ngày hễ khi nào vị hòa thượng này cầu kinh là đều có sự hiện diện của nhện tại đấy.

Các vị sư trong chùa cho rằng nhện đã thấu hiểu Phật-pháp nhiệm mầu và dốc lòng tu-luyện để được siêu-thoát lên cõi NIẾT-BÀN.

Nhện này được các nhà sư quý mến và có vẻ kính nể nữa, họ lột rom khô trong một thùng gỗ, làm chỗ ngủ cho nhện và ngày ngày họ chia phiên nhau bắt châu chấu cho

nhện ăn. Họ lo lắng cho nhện thật hết lòng. Nhưng chỉ được một năm thì nhện chết. Tin buồn này lan đi khắp nơi rất nhanh chóng, tin đồn Phật-giáo ở các nơi đổ xô về chịu tang và phúng điệu rất nhiều. nhang đèn chong chất thành từng đồng to, phải đốt đến mấy năm mới hết.

Họ đóng góp tiền bạc để xây cho nhện một ngôi chùa đồ sộ thờ nhện (xem hình). Đám tang cử-hành rất trọng thể. Sau khi an táng xong, ngay trước mộ người ta có dựng lên một đài kỷ-niệm có ghi rõ công đức của vị « Sư Nhện ». Các vị tăng già thay phiên cầu kinh siêu độ cho linh hồn nhện chóng được siêu thoát về cõi Phật.

Người ta đồn rằng, ngôi chùa này rất linh thiêng, ai cầu xin việc gì cũng được như ý nguyện,



chứng tỏ nhện đã đắc đạo, thành chánh quả, nhưng không biết sự thật có đúng vậy chăng? Dầu sao, ngày nay ngôi chùa thờ nhện này vẫn còn tồn tại ở Trung-Hoa.



★ KHÔNG SỢ CỌP

Sau khi viếng Ấn-Độ về, Hoàng-tử Charles hỏi mẹ, nữ hoàng Elizabeth :

— Ở bên ấy cọp nhiều, mẹ thấy mẹ có sợ không ?

Bà mỉm cười bảo :

— Cọp đâu có đáng sợ mà sợ. Vì cọp đâu có lật đổ ngai vàng được ?

Cả ANH-LAN

Cho đến Quốc

Năm mới, bà con cô bác chúc nhau lu-bù Nhưng còn những người, mà không nghe ai chúc. Vậy Diệu-Huyền xin có vài câu lẩn-thẩn chúc ai...

● CHÚC CÔ NỮ-BINH

C ỌP-cái cà-um, Trâu-cái đi.

Chúc cô Binh nhứt, cô Binh nhì,

Phấn son tô-diềm bằng xương-máu,

Cho bọn mày râu ngán nữ-nhi !

C UNG-kiếm phen này quyết thị-uy !

Bình quyền, bình đẳng, thiếp thua chi !

Chúc chàng ở lại nuôi bầy trẻ,

Đa cọp bọc thây, thiếp sá gì !

● CHÚC MỘT ÔNG DÂN-BIỂU

CQP đã về đây, khét tiếng găm !
 Chúc ông hùng-hổ nói quanh năm
 Cho lành-mạnh-hóa, hay-lo-hóa,
 Cho hết người mua bán mãi dâm !

BẦU-cử rồi đây đến khóa ba,
 Chúc ông tái-cử, bậc tài-hoa !
 Nếu ông mệt-mỏi vì dân, nước,
 Thì đời phiên ông đến lượt bà !

● CHÚC MỘT BÀ DÂN-BIỂU

CQP ngự năm nay Quốc-hội tòa,
 Oai Hùm, xin chúc tiếng hù xa !
 Kêu gào giáo-dục môn Sinh-lý
 Cho gái cùng trai cỡi-mở ra !

● CHÚC CÔ BÁN VÉ-SỐ

CQP đến mừng cô chóng phát-tài.
 Chợ đen Kiến-thiết sợ gì ai !
 Thần Hùm che-chở quanh năm tháng,
 Cúng oản, dâng xôi, hốt bạc hoài !

● CHÚC CÔ VŨ-NỮ

CQP nhảy tung-bừng rộn khúc ca,
 Mừng Xuân « cụp-lạc » cha-cha-cha !
 Mỗi năm sáu triệu giàu công-quỹ,
 Nhảy chán-chường Xuân, nhảy tới già !

● DIỆU-HUYỀN CHÚC DIỆU-HUYỀN

DIỆU-Huyền chúc Diệu-Huyền lên !
 Chúc Thơ Lên-Ruột còn lên ruột hoài !
 Bao nhiêu Ruột ngắn, Ruột dài,
 Đêm đêm lên Ruột, ngày ngày Ruột lên !
 Lộn-phèo ruột dưới, ruột trên,
 Đứt từng khúc ruột, vang lên khúc cười !
 Làm cho lộn khóc lộn cười !
 Cho Thơ lên ruột, cho đời lên men !
 A-di-đà-Phật...! A-men !

Diệu - Huyền



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

DÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
 TRẺ EM ỒM-YẾU. Ề-ỘT. CHẠM MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU. XƯƠNG. PHỔI
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẦU-DƯỢC





Truyện dài tình-cảm thời-đại

★ NGUYỄN-VỸ

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC

Bác - sĩ Võ-thanh-Bình, bạn thân của vợ chồng Bác-sĩ Giám-đốc Bệnh viện Mỹ-Tho, lái xe đưa cô giáo Phạm-thị-Toàn về Saigon trong dịp nghỉ lễ Noël. Đọc đương, ông tỏ với cô một tình yêu tha thiết, say mê, nhưng ông cũng không dám sự bắt bình của ông về việc cô Toàn sẵn sàng chàng nghệ sĩ mù có vẻ tận tụy và thân mật. Ông ghen với chàng nghệ-sĩ mù mà ông cho là một kẻ hạ-cấp, không xứng đáng được cô để ý. Ông đề nghị kết hôn với cô, và cưới xong ông sẽ đưa cô đi du lịch ngoại quốc. Ông cũng chỉ trích giáo sư Ngọc-Minh, một kẻ gần đờ, mà triết-lý không thích hợp với quan niệm nhân-sinh của ông. Cô Toàn lặng thinh nghe, không trả lời nửa tiếng.

(Tiếp theo P. T. 73)



U Y nhiên, Toàn là người có học-thức và lịch-thiệp, không đến nỗi lỗ-măng. Dù cô không hoàn-

toàn tán-đồng tư-tưởng của Bác-sĩ Võ-thanh-Bình, và cô không chịu được những lời ông chỉ-trích Giáo-sư Ngọc-Minh và khinh-miệt người nghệ-sĩ mù, Toàn vẫn không muốn tỏ ra phản-nộ. Bầm-tính hiền-lành, thanh-nhà, Toàn suy-nghĩ một lúc rồi đáp :

— Mỗi người có một quan-

MƠ HỎI NƯỚC MẮT

niệm riêng về ý-nghĩa và giá-trị của cuộc đời. Có lẽ đứng về phương diện của ông, ông nói cũng đúng...

— Cô Giáo đồng ý chứ ? Thế thì thật vinh-hạnh cho tôi ! Tôi chỉ mong-ước được như thế thôi.

— Sự đồng-ý, tôi chưa dám chắc... Vì tôi cũng có những ý-nghĩ riêng của tôi... Tốt hơn, là ông để cho tôi có thì-giờ nhận-định lại những điều tôi đã tin-tưởng lâu nay.

— Tôi mong được Toàn trả lời sớm.

— Tôi sẽ không để ông chờ-đợi lâu đâu.

— Thế thì hạnh-phúc cho tôi lắm ! Tôi hy-vọng rằng Toàn sẽ cho tôi được mãn nguyện.

— Chúng ta sẽ xem-xét lại vấn-đề... Bây giờ xin nói chuyện khác...

— Toàn về thẳng Biệt-thự của tôi để nghỉ một lát cho khỏe nhé ?

— Vâng. Không lẽ Bác-sĩ có lòng tốt đưa tôi từ Mỹ-Tho về Saigon, mà tôi lại không tiễn Bác-sĩ về đến tận nhà sao ?... Nhưng xin thưa trước rằng tôi chỉ vào năm phút rồi sẽ xin giả-từ, vì tôi nóng lòng về thăm gia-đình tôi.

Bác-sĩ Võ-thanh-Bình cười :

— Tôi phục cô Giáo lắm. Cô ăn-nói khôn-ngoaan lắm. Tôi không làm một khi tôi nghĩ rằng cô là người đàn bà hoàn-toàn... người đàn bà lý-tưởng.

Toàn mỉm cười:

— Tôi lại không ưa cái gì lý-tưởng. Tôi ưa thực-tế. Lý-tưởng cao xa quá. Thực-tế gần-gũi hơn, có phải không ạ ?

— Chính thế... Nhưng cô Giáo cứ cho tôi hết cái ngạc nhiên này đến ngạc-nhiên khác.

— Bác-sĩ ngạc-nhiên lắm ư ? Vì sao thế ạ ?

— Vì cô thường ca-tụng ông Giáo Ngọc-Minh, ông ấy đâu có phải là con người thực-tế? Có hy sinh thì-giờ và tiền-của để nuôi một phé nhân hèn-hạ, dấy dàu phải là một hành-động thực tế?

— Vậy thì, Bác-sĩ bảo thế nào là thực tế ?

— Thực-tế, là như tôi đã nói với Toàn, đời sống xây dựng trên hạnh-phúc thiết-thực về tinh thần và vật chất theo những khả-năng của mỗi người.

— Vâng, đấy là thực-tế của người giàu sang, của người có những khả năng rộng-lớn. Nhưng còn những kẻ chỉ có những phương tiện khiêm-tốn hơn, và họ muốn xư-

dụng đầy đủ những phương tiện ấy theo sở-thích của họ, không cần phải mơ-tưởng chuyện cao-xa, không muốn đuổi theo giấc mộng công-hầu, thì chính họ cũng sống theo thực-tế của họ đấy chứ!

— Toàn là Giáo-sư Văn-chương, có khác. Toàn lý-luận khéo quá, tôi xin bài-phục.

— Bác-sĩ dạy quá lời... Tôi cho rằng cuộc đời có hai mặt, cũng như quả Đất mà chúng ta đang bám vào đây. Chúng ta sống ban ngày khi mặt Đất xoay về phía mặt trời, nhưng khi mặt đất xoay qua phía mặt Trăng thì là ban đêm. Tự trung, mặt nào cũng là mặt Đất cả, và ban ngày ban đêm luân chuyển mãi mãi, không có bên nào sáng hẳn, không bên nào tối hẳn. Đây là thực-tế của vũ-trụ, thực-tế của mọi vật, thực-tế của đời người. Thưa Bác-sĩ có phải thế, không ạ?

— Vâng. Toàn nói đúng. Tôi không cãi. Nhưng Toàn thích sống giữa ánh sáng rực-rỡ của mặt trời, hay là thích ở trong bóng tối của ban đêm?

— Dạ thưa Bác-sĩ, đã biết rằng sáng với tối vẫn là một,

thì chúng ta đâu có lựa chọn được. Cứ ở một chỗ mà có sáng rồi có tối, hết tối rồi lại sáng, mặt trời đâu có chiếu riêng cho ai?... Tối với sáng, cũng như mộng với thực. Ta nằm trong tối, nhắm mắt lại, tưởng là giấc mộng. Nhưng qua một đêm, mở mắt ra, thì mộng hóa ra thực. Trong cuộc tuần-hoàn của thiên-địa, mộng là thực, thực là mộng, lấy đâu làm giới hạn?

— Toàn nói thế sao đúng? Ban đêm là ban đêm, ban ngày là ban ngày. Trong ban đêm đâu có ban ngày? Trong ánh sáng chói lọi của mặt trời, đâu có bóng tối?

— Dạ, tôi đâu dám nghĩ rằng tôi nói đúng. Nhưng tôi nhận xét thực-tế trên cõi đời: không có ánh sáng nào mà không có bóng tối, không có ban đêm nào mà không có ban ngày. Thì đây, Bác-sĩ đang sống trong huy-hoàng nhưng lựa, rực-rỡ những ngọc vàng châu báu. Nhưng giữa cuộc sống xa-hoa chói-lọi ấy, biết bao nhiêu là những chuyện làm cho Bác-sĩ buồn, giận, đau, khổ, tâm không vui tươi, hồn không thanh-thoát: thưa, đấy là những bóng tối trong ánh sáng! Những bóng tối nặng-nề, tịch-mịch, triền-miền trong tri-óc, trong suy-lu, trong tư-tưởng. Cũng

như chàng nghệ-sĩ mù kia, y không được điểm-phúc trông thấy mặt trời. Y sống trong một vực thăm âm-u. Nhưng chắc hẳn y phải có những lúc vui-vẻ, phấn-khởi, hân-hoan, đầy hy-vọng, đấy là ánh sáng thiêng-liêng đã rọi vào hồn y, đã mở cửa con tim y, đấy là hào-quang ấm-áp, rực-rỡ, huy-hoàng của Thượng-Đế ban cho. Thế cho nên, theo ý-nghĩ nông-cạn của tôi, ánh sáng và bóng tối chỉ là những tượng-trưng. Cuộc đời hoa-lệ hay đen

tối đều là ảo-ảnh. Tình-cảm rạo-rực trong lòng ta, rung-động đề-mê xao-xuyến trong hồn ta, đấy mới là thực-tế. Kẽ có chân hạnh-phúc, tức là kẻ nào được hưởng trọn-vẹn những hân-hoan sâu đậm của tâm-hồn. Thưa Bác-sĩ, có phải thế không ạ?

Bác-sĩ Võ-thanh-Bình im lặng một lúc, rồi bảo:

— Vâng, cô nói đúng.

(còn nữa)

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

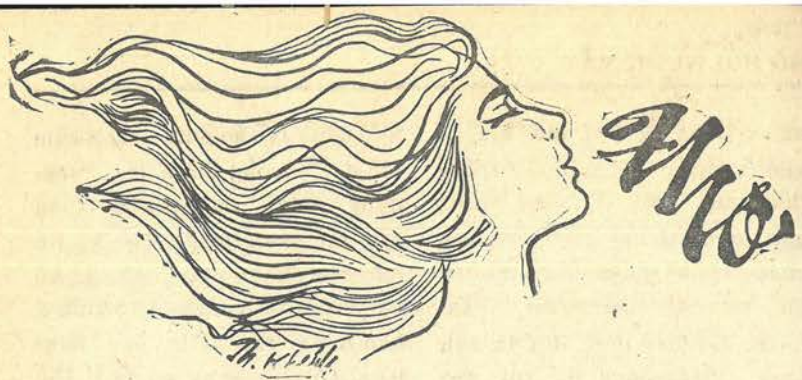
Điện thoại 23.187

PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



X U Â N

Ô ! xuân, xuân đã về đây,
 Xuân về đây.
 Ta vẫn ngồi trên đồng cây
 Ta đang đắng cay
 Xuân hãy coi này !
 Chiếc áo đầy rách rưới...
 Chiếc quần là mảnh lưới đen thắm.
 Đòi môi chắc đã tím bầm !
 Miệng ta đang lấm râm
 Kể những nỗi tình thâm
 Để mong mỗi khách thăm trăm giúp cho...
 Một bữa no...
 Ta đang đói lạnh cho vo
 Ta đang cảm, đang ho
 Tim ta tê - buốt bởi lò trong xuân.
 Xuân ơi ! cho nắng thấm nhuần,
 Để ta được hưởng một phần ý xuân.
 Xuân ơi ! cho ta chiếc quần
 Để ta đỡ phải truân-chuyên Tết này.
 Xuân ơi ! ta ước lên mây,
 Để cho thoát kiếp lưu đầy trần gian.

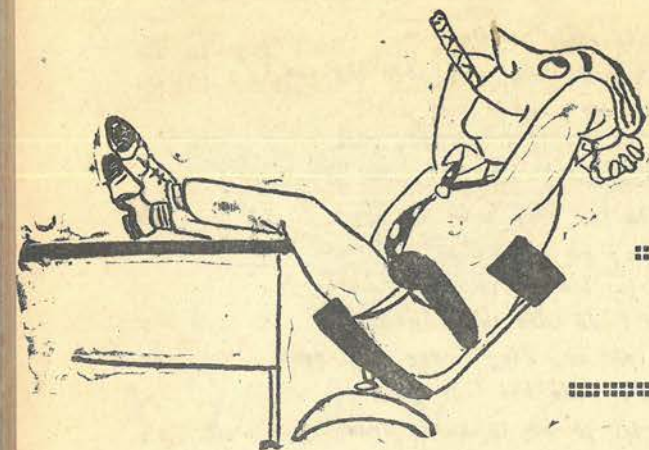
Ư ! xuân hãy dắt ta lên,
 Trời ơi ! xuân thấm vũng bùn làm sao !
 Xuân ơi ! sung - sướng biết bao !
 Đàn chim riu rít, lao xao đầu cành.
 Bỏ ta, xuân hỡi ! sao đành.
 Đem ta lên tận trời xanh đi nào.
 Tim ta nứt - nẻ khát khao,
 Đem man ta đến để chào ánh dương.
 Kia ! Kia ! đã đến thiên đường.
 Hoa tươi sắc nở, dâng hương ngọt ngào.
 — Ôi chao ! xuân hỡi ! ôi chao !...
 Sao xuân lại lỡ bỏ ta xuống trần
 Để ta nhiều nỗi gian truân
 Dìm ta vào dưới bàn chân loài người.
 Cho ta nhân như xuân ơi !
 Cho ta nhấp chút hương tươi đời mây.

NGUYỄN-NGỌC-ANH

tình xuân

Anh mai hồng run run lời ân ái
 Hương ngọt ngào trong cảnh sắc bình minh
 Lộc chồi non xanh biếc lên giao tình
 Hoa hé nụ đón xuân hồng nào nức
 Dáng xuân xanh cho hồn thơ rạo-rực
 Hương xuân trinh cho ngày ngất thi nhân
 Cảnh én, tơ trời mang điệp mùa xuân
 Tung vạn hương mùa liên hoan vạn vật.

NHẤT-PHƯƠNG-TRINH
 (Huế)



..... **Sách**

..... **Báo**

..... **Mới**

★ **Việt văn bình giảng**, của BÀNG-BÁ-LÂN, Giáo-sư Văn-chương Đệ-tứ và Đệ-nhi Trung-học. Phương-pháp mới mẽ dễ hiểu, tài-liệu phong-phú chính-xác, có thêm phần bài tập hướng-dẫn cách làm luận, rất cần ích cho những người tự học để thi.

Nhà X. B. *xây dựng* Sài-gòn. Sách dày ngót 400 trang. In toàn giấy blanc-fin giá 70\$.

★ **Ngài La-Thập**, do Thầy TRÍ-QUANG biên tập. Phật-học-Viện Nha-Trang Xuất-bản.

La-Thập là một vị Tiên-phong của Phật-giáo Đại-thừa, Ngài đã xây-dựng căn-bản triết-học và tôn giáo của phái Bắc-tôn.

Tác-giả khảo-cứu rất đầy-đủ. Sách dày 430 trang, in tại nhà in Hoa-sen, 82 đường Độc-lập, Nha-Trang. Giá bán 60\$.

★ **Giòng Dư-lệ**, thơ của Ô. Hương-Thu, Huế. Tác-giả xuất-bản, 50 trang, giá 30\$.

★ **Vun xới vườn tình** : Theo bản dịch Pháp-văn *Le jardinier d'Amour*, Thơ của Rabindranath TAGORE. LIÊN-HOÀN dịch.

Quây ronéo 200 bản, giá 30\$. Nhà X.B. Đỗ-mạnh-Tường, 528/7bc, Phan-thanh-Giản, Sài-gòn.

★ **Giang-sơn** : Xuân Nhâm-Dần.

Ô. Nguyễn-ngọc-Bích chủ-biên. Có những bài của quý ông Vũ-dức-Trình, Trọng-Lang, Kiều-diệu-Hương, v.v., Nhà X.B. Tiến Hóa. 50 trang, giá 30\$.

★ **Đặc-san-Xuân phòng Thương-mãi Đà-nẵng** : Nhiều bài có giá-trị của Tôn-thất-Hường, Nguyễn-hữu-Thứ, Phan-văn-Thiết, Phạm-bá-Nguyên, v.v... In đẹp. Không đề giá bán.

★ **Giáo-sĩ Đắc-Lộ**, và TÁC-PHẨM QUỐC-NGŨ ĐẦU TIÊN. Tái-bản trọn cuốn *«Phép giảng tám ngày»* của ALEXANDRE DE RHODES, xuất bản năm 1651 tại La-mã.

Do Linh-mục Nguyễn-khắc-Xuyên và ông Phạm-dinh-Tân tái bản và giảng giải. Tinh Việt văn-đoàn xuất bản.

Quyển sách này có giá-trị đặc-biệt và rất quý-báu, vì nó công-bổ một quyển sách quốc-ngữ đầu tiên xuất bản cách nay 300 năm mà tác giả, cổ Alexandre de Rhodes, chính là một người đã phát minh ra chữ Quốc ngữ.

Ô. Phạm-dinh-Khiêm và L. m. Nguyễn-khắc-Xuyên, làm một việc rất đáng khen, và rất có ích cho những người muốn tìm hiểu gốc-tích của chữ Quốc-ngữ ngày nay đã chính-thức thành ra chuyển ngữ của toàn thể dân-tộc Việt-nam.

Sách dày 240 trang, có 18 ảnh phụ bản, giá 65\$.

★ **Ngàn thương** : Thi tập gồm có hai phần : *Buồn Thơ* của KIM-TUẤN, và *TÌNH YÊU VÀ BẢO BIÊN* của Định-Giang. Tất cả dày 70 trang, giá 25\$.



★ « Đánh nhau tung bưng »

(Của ông Vũ-văn-Nhân, 331/4C Trương-minh-Giang, Saigon)

... Đọc bài xã thuyết : « Xin đừng xúc phạm đến văn-tự Việt-Nam » đăng trong Phổ-Thông số 73 mới đây, tôi rất lấy làm thích thú.

Phong trào dùng chữ bừa bãi xuất hiện bất cứ ở giới nào : Quốc-hội, học-sinh, công tư chức v.v... Tôi thường phải rầy la các cháu khi thấy chúng dùng những danh-từ, như : *đánh nhau tung-bưng, anh kiêu-ngạo tôi, v.v.*

Tôi đang khoái tri về những mục của qui báo thì bỗng hơi cụt hứng về một câu mà tôi nhớ đã đọc được một lần trước đây trong một công văn, câu đó là « *tôi kính lời* ». Câu này ở trong báo Phổ-Thông số 73 trên, ở trang 114.

Chắc rằng câu ấy, ấn công đã xếp thiếu một chữ gì chăng ?

● Vâng nguyên-văn câu ấy là : « *Tôi kính ngỏ lời...* »

★ Vua Gia Long không bán nước

(Của ông Tôn-Thất-Long, Huế)

Trong mục « *Bạn đọc viết* » ở Phổ Thông số 73, Bạn Lê-Bửu, ở Tiểu Hương — Qui Nhơn, viết rằng vua Gia-Long bán nước. Vậy xin hỏi bạn :

1) Vua Gia Long bán nước bao giờ ? và bán cho ai ?

2) Vua Đồng Khánh làm bù nhìn cho ai ?

Nếu vua Gia Long không rước ngoại ban giúp sức thì làm sao thống nhất lãnh thổ được ?

Hay là bạn nói nhà Nguyễn cướp ngôi nhà Lê mất nghiệp Chúa, rồi bây giờ bạn ghét họ Nguyễn chứ gì ? Chắc có lẽ bạn muốn đổi tên Hai trường ấy lại là : NGỌC-HÀN-CÔNG-CHÚA, và LÊ-DUY-MẬT phải không ? Tôi là con cháu nhà Nguyễn, nhiệt liệt phản đối luận điệu của bạn...

● *Lời Tỏa Soạn*.— Chúng tôi đăng đoạn thư trên đây để giữ thái độ vô tư với bạn đọc. Nhưng cũng xin hai bạn thông qua vấn đề, để tự ý bạn đọc phê-phán.

★ Xin nói thêm về chuyện « Câu đối mừng lễ ngũ-tuần của bà mẹ vua Đồng-Khánh ».

(Của Bạn Hoài-Lan, bệnh-viện Huế)

... Trong Phổ-Thông số 73 trang 114 — 115, ông Nguyễn-Tâm ở Nha-Trang có nói đến chuyện hai câu đối :

« *Rượu chúc năm mươi mừng mẹ nước*

Bạc thường chực một chết cha đau »

Tôi xin nói rõ thêm : « Ông quan to ra về đối trên là ông Từ-Đạm, hồi trước làm Tuần-phủ, ở tỉnh Ninh-Bình.

Và bốn câu thơ, đề lên trong một đêm, sau khi thợ chạm in hai bàn chân của ông Từ-Đạm vào núi đá ấy, là của một ông đồ ở Cồ-Am (theo lời cụ Giáp-Khomer, 1 nhân-sĩ ở Ninh-Bình có chứng kiến việc này).

Bốn câu thơ đó, thi-sĩ Tân-Đà lại nhận là của mình.

Nhưng theo một vài nhà văn hiện-đại, lời của cụ Giáp-Khomer có lẽ đúng hơn.

Luôn tiện đây, xin ghi luôn chuyện hai câu thơ, thời đó, đã thành phương ngôn của tỉnh Ninh Bình, có liên hệ đến ông Quan nọ. Hai câu hai như sau :

« *Thứ nhất là rắn mang hoa,*

Thứ nhì Từ-Đạm thứ ba Tân bình (1) »

(Không biết tên tác giả)

Cho hay, làm Quan mà không thanh liêm lại sinh thơ làm chi, đề thiên hạ nguyên rửa mình bằng thơ, thật đáng kiếp !

Ấu đó cũng là một bài học, cho những kẻ miệng thi thêu hoa dệt gấm mà trong lòng chứa toàn nọc độc !

★ Lại bài thơ nước lụt.

(Của ông Thân-Minh-Thủy, quận Hành-Chánh Hòa-Vang, Đà-nẵng)

Hôm trước tôi đang thắc mắc về bài thơ « *VỊNH NƯỚC LỤT* » được đăng trong tạp-chí Phổ-Thông số 70, cũng như 71 ông thì nói là của tác-giả LÊ-TRUNG-ĐÌNH, rồi ông khác nói của tác-giả TỬ-QUỲ. Có ông lại nói là tác-giả là cụ NGUYỄN ĐÌNH-CHIỀU.

(1) Tân Bình hồi trước cũng làm Tuần Phủ ở Ninh Bình.

Đang còn đặt những câu nghi vấn trong đầu óc thì hôm nay tôi lại được hân hạnh gặp hai người bạn thân, là ông Văn-Miễn và Ông Văn-Kính là cháu nội 3 đời của cụ Ông Ích Khiêm, biệt hiệu là Tiên-Phong-Lệ. Vì còn sự hoài-nghĩ về bài thơ « VINH NƯỚC LỤT », nên gặp dịp may tôi đọc lại bài thơ của ông LÊ-TRUNG-ĐÌNH và ông TỬ-QUÝ cho mấy anh bạn này nghe, nhưng sau khi nghe xong các ông bạn lại bảo : « một trăm phần trăm là của ông Tiên-Phong-Lệ » ! Thấy tôi vẫn chưa thỏa mãn cho lắm, anh bạn Ông - Văn - Miễn có hơi uất - tức mời cho được tôi về nhà (vì nhà nhờ Phái Nhứt) để anh cho tôi xem tập : *Di thơ phú ý*. Tôi sung sướng đi với anh về nhà và sau khi được anh cho xem xong thì sự thật đã hiển nhiên ! Vì bài thơ ấy được viết bằng tiếng nôm trong tập *Di thơ phú ý* của cụ ÔNG-ÍCH-KHIÊM vẫn còn in đậm với những nét mực tàu trên giấy bản ! Đề tài là VINH NƯỚC LỤT :

Mưa từ chập gió, lại từ hồi;
Mấy cụm giang sơn khoả mắt rồi... ?
Lũ kiến bất tài muốn khóm tấp,
Bè rền vô dụng một đoàn trôi...
Lao xao rừng vắng nghe chim tức
Lởm xỏm lần cao thấy chó ngồi !
Hả dễ dần đen chìm đắm vậy,
Chớ nào Hạ Vũ ở đâu ôi... ?

Đây là một bài thơ ông làm xong sau khi đánh giặc ở Bắc Việt về lại Triều Đình Huế. Nhưng gặp cơn trời mưa to gió lớn, nước thủy Triều dâng ngập lai-làng. Nhân cảnh mưa lụt này Minh Quân (Tự Đức) mới xướng ra với các Quan văn võ đại thần đương châu ở Triều một đề tài : NƯỚC LỤT. Do đó cụ TIÊN PHONG LỆ mới làm bài thơ : VINH NƯỚC LỤT trong thời Tự Đức thập lục niên, và còn truyền tụng đến bây giờ đó vậy !

Nhân dịp đang sưu tầm này tôi xin gởi thêm vào Tập chí một bài thơ cũng nguyên tác của cụ Tiên-Phong-Lệ với đề tài .

VINH CON TẮM

Nực cười con tạo khéo vắn xáy...
Hóa kiếp con tằm vẫn cũng hay !
Mới thấy trong nong xanh nhúa nhúc,

Sực nhìn trên búa đỏ gay gay.
Kéo dây thao lược đèn ơn Chúa
Trải tấm cang trường trả nợ vay... !
Nhấn với thợ trời rằng khéo nhẽ,
Thêu rồng dệt phụng mặc ra tay... ?

(ÔNG ÍCH KHIÊM)

Bài này ông làm khi 16 tuổi vừa thi đỗ cử-nhân được ra làm quan tại Triều, năm ấy là năm Tự Đức lục niên. Vậy tôi xin biên ra đây để bạn đọc Phổ Thông có dịp nghiên cứu và đối chiếu với bài thơ « VINH NƯỚC LỤT » là của cụ Tiên-Phong-Lệ ÔNG - ÍCH - KHIÊM

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN.

Rất cần cho:
SÂN PHỤ, SINH VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỎI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie TANA
42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc VAN XUAN

Phát hành loại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sẽ liệt Đại lý và khách hàng tại

Nhà thuốc VAN XUAN
4 Duong THUAN-KIEU CHOLON



ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG



★ **DIỆU-HUYỀN**

XIN BẠN ĐỌC LƯU-Y

Mỗi quyền **Phổ-Thông XUÂN** (số 74) đều có kèm theo một Phụ-bản in riêng, nhan đề : « **Danh-nhân Thế giới tiền-bán Thế-kỷ** » tặng Bạn đọc, **KHÔNG BÁN**, Xin bạn nhớ hỏi Phụ-bản nơi bạn mua **Phổ-Thông XUÂN**.

★ **Ô. Ng. Chánh-Đại, Nguyễn-Hoàng, Phan-Thiết**

HỎI : « Câu của ông **Nguyễn-duy-Cần** trong quyển « **Thuật tư-tưởng** », dịch nghĩa chữ « **Người** » của **Pascal** : « **Người** là một cây sậy, nhưng là một cây sậy có tư-tưởng », ông **Đào-văn-Tập** lại dịch trong quyển tự-diễn P.V. : « **Người** là một cây sậy có suy-nghĩ », xin ông cho biết câu nào dịch đúng nghĩa hơn ? »

● **ĐÁP.**— Nguyên-văn của **Pascal** trong tập *Pensées* là : « *L'homme n'est qu'un roseau, le plus faible de la nature, mais c'est un roseau pensant* ».

DỊCH : « **Người** chỉ là một cây sậy, yếu hơn cả trong thiên-nhiên, nhưng là một cây sậy có suy-tư » suy-tư cũng một nghĩa với suy-nghĩ, tư-tưởng.

NÓI : Cái hồ này rộng, nước này nóng... v.v... không phải là biểu-diễn ra một tư-tưởng, (une pensée). Đó chỉ là đưa ra một nhận-xét (une constatation). Cũng có thể là một phán-đoán, một suy-xét (un jugement).

★ **Bạn Lê-Mai, 47/3 Ông Ích-Khiêm Huế**

● Đồng ý về chữ « **các** », trong câu « **các con...** » vì viết vội không xem lại kỹ.

● « **Cả lớp đồng-thanh trả lời** », không hẳn có nghĩa là cùng trả lời một lượt, mà có ý nói : cùng trả lời theo một giọng, một ý, một câu như nhau (unanimement).

★ **Bà Bùi-thị-Hiển, 118 Lê-quang-Định Gia-định.**

« *La femme mariée non autorisée par son mari n'en serait pas moins imposable personnellement dans la cédule* » nghĩa là : **Người** đàn bà có chồng, tuy không được chồng cho phép, nhưng vẫn phải chịu thuế riêng phần mình trong phân-hạng của sản-vật chịu thuế.

★ **Cô Phan-thị-Minh, học sinh Đà-Nẵng.**

● Năm 1790, **Quang-Trung** không có sang châu vua nhà **Thanh**, mà sai người cháu gọi bằng cậu, là **PHAM-CÔNG-TRỊ** đóng vai **Giả-Vương**, vẫn mang tên **Quang-Trung**, đi thay thế cho nhà **Vua**.

Đó là theo *Đại-Nam Chính-Biên Liệt-truyện*. Còn quyển *An-Nam nhất-thống chí* lại chép rằng người đóng vai **Giả-Vương** là **NGUYỄN-QUANG-THỰC**, người làng **Mạc-Điền**, tỉnh **Nghệ-An**, biệnmạo giống **Quang-Trung**.

Như thế, hai nguồn sử chính thức của thời trước để lại đều biệnmạo hai tên khác nhau. Ngày nay chúng ta không thể biết đích-xác quyền sử nào chép đúng.

★ **Ô. Nguyễn-Nghiêm-Sách, Nha trang.**

● **HÀN-TÍN**, (cũng gọi là *Vương-Tôn*), là một trong nhóm « **Tam Kiệt** » của **Tàu** đời **Trung-Cổ**, đã giúp **Lưu-Bang** đánh bại nhà **Tần**, lập nên nhà **Hán**, (năm 206 trước T.C.). **Gác-tích Hàn-Tín** là người binh-dân, gia đình nghèo khổ, lúc còn là thiếu-niên đã phải đi câu cá để đổi gạo ăn. Nhưng người là một chàng trai có chí cao, lúc nào cũng đeo một lưỡi gươm trong người. Một hôm **Hàn-Tín** đi chơi ngoài chợ, gặp người bán thịt khét tiếng là **tay « anh chị »**, chặn đường không cho **Tín** đi, bảo **Tín** : « **Tao** thấy lúc nào mây cũng đeo gươm, đeo chí vậy ? **Tao** đứng giữa đường đây này, nhất định không cho mây đi. Mây muốn bước ngang qua **tao** thì một là mây lấy gươm chém **tao** một lát cho **tao** chết để mây bước qua, hai là **tao** đứng chạng-háng đây, mây phải cúi đầu xuống chui dưới tròn **tao**. Mây thích cách nào tùy ý ». **Hàn-Tín** biết mình đang bị yếu thế, đành nuốt giận cúi đầu chui qua dưới tròn thẳng bán thịt, trước mặt mọi người. Nhưng **Hàn-Tín** chịu đựng cái nhục nhất thời của kẻ bán-thịt, mà nhẫn-nại rèn đúc chí-khi làm nên sự-nghiệp vĩ-dại về sau...

Sau Hàn-Tin trở tài giúp sức xây dựng được cơ-đồ nhà Hán cho Hán-cao-Tổ. Công-danh hiền-hách, Hàn-Tin vẫn không thêm tìm cách báo thù kẻ cón-đồ lỗ-mãng ngày xưa.

● Lối « Hàn-Tin điểm binh » là một phương-pháp tài giỏi đối với thời Trung-cổ, nhưng với ngày nay thì cũng không khác gì nhà buôn Tàu làm toán bằng chiếc bàn-toán. Vì quân-sĩ hàng vạn người đông quá, nên Hàn-Tin bày ra lối kiểm-diểm bằng một bài toán đại-số mà bây giờ người học sinh trung-học nào cũng làm được, không có chi lạ.

★ Ông Nguyễn-Ước, trường Thiên-hữu, Huế

● Nhà thơ Chế-lan-Viên không phải là người Chăm. Tên ấy chỉ là một bút hiệu.

★ Các bạn hỏi ảnh của N. V.

● Ảnh của N.V. hiện nay không có. Ảnh trong báo Xuân đã bị nhà làm bản kẽm làm hỏng. Rất tiếc không làm vừa lòng tất cả các bạn được. Xin các bạn thông cảm.

★ Các bạn Tâm-Hỷ, Chơn-Phú, Hoàn-Trâm đường Huyền-Trân Công-Chúa Huế

● LÁ CỜ PHẬT-GIAO được chính-thức nhìn-nhận ngày 25 tháng 5 năm 1950 trong Hội-ngập Phật-giáo quốc-tế tại Ceylan. 5 màu sắc theo chiều dọc (xanh-vàng, đỏ-trắng cam) tượng-trưng cho 5 câu : Tin, Tấn, Niệm, Định, Huệ, và cũng 5 màu ấy sắp theo chiều ngang tượng-trưng Hào-quang của Phật-tổ.

● NGÀY THỨ SÁU của Gia-tô-Giáo cấm ăn thịt, vì là ngày Đức Chúa Jésus Christ bị đóng đinh trên cây Chữ Thập. Nhưng sự cấm thịt ấy có thể miễn được vì lý-do sức khỏe, đi xa, đám tiệc, v. v...

● ALEXANDRE DE RHODES là một người đã có công hoàn-bị chữ quốc-ngữ (chữ Việt-Nam theo mẫu-tự la-tinh), chứ không phải là « ông Tổ chữ Quốc-ngữ ». Phát minh ra chữ Quốc-ngữ, là công-trình chung của nhiều vị Cổ-đạo người Espagnols, Portugais, Italiens, Pháp, đã qua giảng-đạo trước nhất ở xứ ta hồi thế kỷ XVI-XVII. Cái công lớn lao nhất của riêng ông Alexandre de Rhodes là hoàn-thành quyền tự-điền La-tinh. Bồ-đào-Nha — Việt đầu tiên, và chính thức áp-dụng trước nhất chữ Quốc-ngữ trông một quyền kinh giảng Đạo Gia-tô.

● Vàng, ô. N. V., pháp danh là Tâm-Trí, đã làm lễ quy-y với thầy Đôn-Hậu, tại Chùa Từ-Đàm Huế năm 1949.

★ Ô. Ngọc-Hải, 36 Q.L. I Nha-trang.

● CẦU-CƠ nhiều khi lên thật, nhiều khi chính người cầm cơ giả vờ.

★ Ô. Minh-Sơn, 10/5 đường Cô Bắc, Nha-trang.

● CẢI-CHÍNH (Pháp ngữ : Rectifier) = Sửa lại một điều sai lầm, bằng một điều đúng-đắn.

Thí dụ : — Sai lầm : Cô Bắc là em ruột cô Giang.

Cải-chính : Cô Bắc là chị ruột cô Giang.

ĐÍNH-CHÍNH (Pháp ngữ : Démentir) = Phủ-nhận một điều không xác-thực, bịa-đặt, lão-toét.

Thí-dụ : — Không xác-thực : Cô Bắc là vợ của Nguyễn-thái-Học.

Đính-chính : Cô Bắc không phải là vợ của Nguyễn-thái-Học.

BỔ-CHÍNH : (Pháp ngữ : Amender) = bổ-túc thêm vào và sửa chữa lại cho đầy đủ và xác-thực một khuyết-diểm :

Thí-dụ : — Khuyết-diểm và sai lầm : Cô Giang là vợ chính thức của Nguyễn-thái-Học.

Bổ-chính : Cô Giang không phải là vợ chính thức, mà chỉ là người yêu của Nguyễn-thái-Học. Từ khi Nguyễn-thái-Học ly-dị với người vợ đầu tiên là Nguyễn-thị-Cửu, thì anh không cưới người vợ nào khác nữa. Nhưng vì tình nghĩa giữa Nguyễn-thái-Học và cô Nguyễn-thị-Giang khắn khít như keo sơn và hai người vẫn thường gần gũi nhau luôn nên anh em đồng chí mặc-nhiên coi họ như vợ chồng. Vả lại ngày Nguyễn-thái-Học lên đoạn đầu-đài thì Chị Giang đã có thai được mấy tháng...v.v.,..

Tóm lại : Cải-chính một việc sai-lầm.

Đính-chính một việc bịa-đặt, không có.

Bổ-chính một việc sai-lầm nho-nhỏ cần phải giảng-giải thêm cho càng rõ sự thật.

★ Một bạn đọc ở Hòa-Đa

Hai chữ « chơi ngóng » ấy vừa có nghĩa là « ngóng cuồng », vừa có ý mỉa-mai sự chơi ngóng không đứng đắn.

★ Hai bạn Ng.-xuân-Sơn và Ng.-đình-Thắng, Collège Française de Nha-Trang

● Tên thiệt của vua Minh-Mạng là Nguyễn-phúc-Đỗ, Thiệu-Trị là Miên-Tôn, Tự-Đức là Hồng-Nhiệm, Hiệp-Hòa là Hồng-Dật, Hàm-nghi là Ung-Lịch, Thành-Thái là Bửu-Lân, Duy-Tân là Vĩnh-San.

● Muốn giết kiến lửa có hiệu-nghiệm, nên dùng thuốc Neocide (thứ vệt).

Nhắn tin riêng với Bạn Đọc

★ Ô. Nguyễn-văn-Bé, Đống-Đa, Nha-Trang

Ông muốn có sách ngoại ngữ thật hay dễ dịch, thì ông nên vào Sài-gòn kiểm tại các tiệm sách lớn, hiếm gì. Chúng tôi rất tiếc không có thì giờ giúp ông được việc đó. Xin thông-cảm giùm. Cảm ơn ông.

★ Em Q. M. Đ. Phan-Thiết.

Chứng bệnh của em cần phải có bác-sĩ giỏi xem bệnh, rồi kiến rồi mới cho thuốc được.

★ Ô. Trình-bá-Tuấn, tham-mưu /6 KBC. 4.100, Ô. Tình, cô Huệ (Saigon), cô Thu (Nha-trang) bà Jeanne Charlie (Bruxelle), ô. Kiếm (Quảng-ngãi). Xin trả lời chung quý bạn :

Chúng tôi không có đóng Phở-Thông thành tập từ số 1. Hiện nay không thể kiếm được nữa những quyền Phở-Thông từ số 1 đến số 31. Nhưng chúng tôi có thể nhờ nhà đóng sách đóng thành tập cho quý bạn từ số 32 đến nay. Quý bạn cứ gởi về tòa-soạn tất cả những số hiện đang có, thiếu quyền nào chúng tôi sẽ thêm vào cho đủ. Tính giá riêng cho quý bạn đóng trọn bộ. Cứ mỗi tập (5 số) bìa da, mạ tên vàng và chữ vàng trên giấy (tên của bạn, và chữ *Phở-Thông tạp-chí* có ghi số thứ tự), đóng chắc và đẹp, nhà đóng sách tính 45 đồng mỗi tập (tùy ý quý bạn muốn đóng mấy cuốn thành một tập cũng được). Xin-trả tiền bằng bưu-phieu đề tên ông N. V. Chúng tôi sẽ trao lại nhà sách, và trong vòng 1 tháng sẽ có sách trả về cho quý bạn. Cần cho biết địa chỉ thật rõ ràng. Báo phải gởi bắc-đảm.

★ Bạn Trần-hoài-Hương, sinh-viên Quebec (Canada).

Chúng tôi đã gửi 2 số báo Xuân đến cô Thùy-Hương. Bài thơ chúng tôi còn đang xem. Xin thành thật cảm ơn bức ảnh thành-phố Quebec.

★ Bà Lê-thị-Bằng, Hàn Thuyên, Huế

Xin Bà cứ gửi đến. Chúng tôi sẽ lựa chọn. Xin đa tạ thịnh tình của Bà.

★ Ông Mạc-Lang, Tam-Kỳ.

Rất tiếc không đăng được bài ấy.

★ Ô. Trương-Ngọc-Liên, Cô Bắc, Nha-Trang.

Xin ông xem số Xuân, trang 220, mục « Bỏ-tức », đoạn cuối cùng. Rất cảm ơn ông.

★ Ô. Lê-văn-Tư, Cần-Thơ.

Ông đã có bằng Tiểu-Học năm 1946, đã biết «chút ít Pháp-văn», theo như ông nói, ông muốn tự học thêm sinh-ngữ ấy thì ông nên mua những sách giáo-khoa về Pháp-ngữ chương-trình Hệ Tư T.H.Đ.N.C. Đồng thời ông nên đọc thường xuyên các quyền truyện bằng Pháp ngữ dễ-dễ. Tại các tiệm sách lớn ở Sài-gòn có bán nhiều loại sách và truyện ấy lắm. Về Anh-ngữ nếu muốn tự học, ông nên học quyền « *L'Anglais sans maître* » của Xavier de Bouge, tốt hơn cả.

★ Ô. Nguyễn-văn-Sĩ, 3 Trần-bình-Trọng Huế

Ý-kiến các bạn thật hay. Nhưng sự thực-hiện được hay không là chuyện khác. Đối với các sách có giá trị, vấn-đề xuất-bản trong lúc này rất là phiền-phức, về các phương-diện. Còn có tiền in chơi, thì ai muốn in gì cũng được cả, nhưng tốn tiền vô ích vì không ai mua. Các bạn nên đi Sài-gòn một lần, chúng tôi sẽ giới thiệu đến vài ba nhà xuất-bản đứng-đắn, đã có danh tiếng, để các bạn trực-tiếp điều đình với họ.

★ Ô. Lê-thanh-Giang, Giáo-sư, Saigon

Các bài Thơ gởi đến tòa-soạn Phở-Thông, có khi còn phải lựa chọn khá lâu vì Thơ nhiều quá, và Tòa-soạn cũng không được nhiều thì giờ để coi mau chóng. Chúng tôi tin rằng bạn đọc thông-cảm với chúng tôi về vấn-đề này. Tính trung-bình, cứ một trăm bài chúng tôi lựa lấy 5 bài tương-đối hay hơn. Người nào làm thơ cũng cứ tự cho rằng thơ mình là hay, nhưng khi tòa soạn có trước mặt một đồng thơ hàng trăm bài của 100 tác-giả, thì tòa soạn có bốn phần tuyển lựa trong 100 bài đó lấy 5 bài đăng lên báo. Sự tuyển lựa Thơ đăng trên tạp-chí Phở-Thông từ trước đến nay đều luôn luôn căn-cứ trên 3 điểm sau đây : 1o) Bài thơ có một ý-nghĩa đặc-sắc nào đó. Chúng tôi rất chú trọng về phần suy-tư, hoặc tình cảm sâu-dậm.

2o) Lời thơ đẹp, có nhiệt-hứng, dùng chữ đúng-đắn, không bừa bãi, không ẩu.

3e) Bất cứ là loại thơ gì, không phân biệt cũ hay mới, phóng túng hay gò bó, Thơ Đường luật hay Thơ tự-do, miễn là thơ phải có âm-diệu, diễn tả được tâm hồn xao-xuyến của thi-nhân, và truyền được cảm hứng cho độc-giả.

Xin chân thành cảm tạ những lời triu-mến trong thư ông.

★ **Cô Thu-Huyền (Bình-dương).**

Trong trường-hợp cô nói đó, cô gửi thư chừng năm sáu giờ đồng hồ thành-thật cảm-ơn người ấy, là lịch-sự lắm rồi.

★ **Ông V. H. Quảng-nam.**

Vợ ông theo học lớp phụ-nữ quân-sự ở Thị-nghè, đã có ký giấy cam-đoan sau khi mãn khóa phải giúp việc Quân-đội trong thời hạn 3 năm. Vậy nay ông không thể viện lý-do, gia-đình vì vợ ông mới sinh con được 4 tháng, v.v... mà gởi đơn xin cho vợ ông thôi học. Về vấn-đề truyền-chuyền công-tác của vợ ông, ông nên hỏi thẳng bà.

★ **Ông Duy-Quang. Đà-lạt.**

Chúng tôi không mở mục « Dạy sinh-ngữ : Anh, Pháp, Đức, v.v... » vì không thể nào dạy học sinh-ngữ trên mặt báo cho có kết-quả thiết-thực được.

★ **Ông Hà-như-Thanh, Qui-nhơn.**

Vấn-đề « Chúa Trời » không nên thảo-luận vì *Phổ-Thông* là tạp-chi Văn-hóa, hoàn-toàn vô-tư trên phương-diện lý-thuyết tôn-giáo.

★ **Cô Thanh-Hoài-Thanh, Tây-ninh**

Vấn-đề cô hỏi đó, rất nều, nên cô thấy hợp với tính tình và hoàn-cảnh của cô.

★ **Bạn Ng. Tuấn, nhà in Liên-Hoa, Huế.**

Bản sao văn-bằng có nhà chức-trách thị chứng, có giá-trị như bản chính.

★ **Bạn P. Quỳ, và nhóm độc-giả P.T. ở Chợ-Gạo.**

Vâng, chúng tôi sẽ dự-bị mở thêm mục *Bưu-hoa*,

theo lời yêu-cầu của các bạn, và đa số bạn đọc.

★ **Ông Huỳnh-hữu-Hiến, nha Thông-tin, Huế.**

Xin ông cứ gửi bài « Đòi cách-mạng của cụ P.B.C. ». Chúng tôi xem, sẽ xin trả lời sau.

★ **Ô. Ng. Nhứt, tòa hành-chánh Tiên-Phước Quảng Nam.**

Những số báo cũ tại tòa-soạn có thể tính giá trừ 30%.

★ **Em Sơn-Tông, Sài-gòn.**

Chúc em chóng có việc làm. Bị mang tật một con mắt cũng không có hại gì đến công việc sinh-kế của em. Cứ hy-vọng.

★ **Cậu Trần-vinh-Thanh, Phong-Dinh.**

Ảnh gởi đến tòa báo để làm bìa, dù in được hay không cũng sẽ trả lại phim. Giá tiền tùy theo giá-trị của bức ảnh.

★ **Ô. Lê-Văn, K.B.C. 4.529.**

Về trường-hợp của ông, chúng tôi tưởng ông có thể đệ đơn xin thực-thụ hạng tư.

★ **Chúng tôi đã nhận được bài và thơ của các bạn sau đây ; từ 15 đến 31-1-1962 :**

Hồ-Phương (Huế)—Trịnh-Thiên-Tử (Nha-trang)—Ngọc-Thanh (Bình-định)—Trần-duy-Bằng (Tây-ninh)—Minh (Quảng-ngãi)—Lê-văn-Ba (Cần-thơ)—Sinh-Hương (Đà-nẵng)—Đoàn-hữu-Thịnh (Vĩnh-bình)—Võ-đình-Dzu (Quảng-ngãi)—Huỳnh-Trần Ngọc-Hoa (Sài-gòn)—Hoài-Linh (Gia-định)—Hồn Trinh (Nha-trang)—Phong Lan (Huế)—Bích-ngọc-Linh (Huế)—Thái-tú-Hạp (Hội-an)—Hoàng-Trọng (Đà-nẵng)—Phương-Tấn (Đà-nẵng)—Triều-hoa-Đại (Đà-nẵng)—Mạc-phi-Tiên (Sa-đéc)—Thái-Anh (Nha-trang)—Thanh mai-Lê (Đà-lạt)—Lê-Đình (Long-An)—Thao-minh-Triết (Gò-công)—Trần-hữu-Tám (Đà-nẵng)—Trương-Tâm (Huế)—T. Hà (Vĩnh-long)—Việt-Nam Tôn Tử (Quảng-nam)—Bích-liên-Son (Bồng-sơn)—Nguyễn-văn-Mười (Định-tường)—Xuân-Kỳ (Bình-Thuận)—Tâm-Dung (Sài-gòn)—Nguyễn-hồng-Dân (Phan-rang)—Hàn-Châu (Chợ-lớn)—Đào-Hải (Ban-mê-thuột)—Hà-Thanh (Long-An)—Xuân-thao (Đà-nẵng)—Hoài-Lâm (Định-tường)—Minh-Đường (Quảng-ngãi)—Như-Bi (Quảng-trị)—Nguyễn-như-Hùng (Hội-An)—Hoài-Mai (Bình-định)—Tần-Hoài N.U.B. (Hội-An)—Nguyễn-văn-Hình (Biên-hòa)—Phạm-duy-Anh (KBC. 6 090)—Huỳnh-thanh-Vũ (Lâm-lộc)—Võ-thị-Xuân-Loan (Qui-nhơn)—Võ-thúc-Lê (Bình-định)—

Hồng-Thanh (Tuy-hòa)— Lê-thị-Bằng (Huế)— Trương-Vũ (Vũng-tàu)
Lê-Vân (Sài-gòn)— Hoài-Vân (Đà-nẵng)— A.B. (Ba-xuyên)— Nguyễn
Đôn-Đá (Huế)— Lữ-Quỳnh (Huế)— Lê-văn-Ba (Phủ-Yên)— Đào-
tiến-Mỹ (kbc. 4027)— Nhất-Lương (Huế)— Trương-quang-Thành
(Qui-nhơn)— Hoài-mộng-Hương (Huế)— Duy-Hiền (An-Nhon)—
Trọng-Tuân (Qui-nhơn)— Lê-Công-Dân (Sông-mao)— Thanh-Tâm
(Phan-ri)— Văn-Giang (Đà-nẵng)— Lê-kim-Hồ (Đà-lạt)— Uyên-Thi
(Huế)— Lam-Hồng (Quảng-ngãi)— Tôn-thất-Định (Huế)— Nhất-
Chiêu (Chợ-lớn)— Hyma Tô-huyền-Mạc (Qui-nhơn)— Vũ-khắc-
Kính (Qui-nhơn)— Nguyễn-đức-Dũng (Quảng-nam)— Trần-kim-
Loan (Sài-gòn)— Nguyễn-quốc-Thạc (Đà-nẵng)— Thái-Sinh Trần-
Ngọc (Tây-ninh)— Thân-minh-Thủy (Đà-nẵng)—

★ **Thư riêng của các bạn :**

Nhị-Thanh (Sịa)— Mộng-Hoàng (Qui-nhơn)— Cao-Thanh (Hội-
An)— Nguyễn-văn Thức (Đà-nẵng)— Văn-Long (Quảng-ngãi)— Xin
thành thật cảm ơn.

Trả lời ngày tháng âm và dương lịch

★ **T.S.I. Nguyễn-minh-Trung k.b c, 6060.**

Ngày mừng 5 tháng 10 âm lịch năm Nhâm Thân nhằm ngày
2-11-1932 (Thứ tư).

★ **ông Nguyễn-hữu-Minh Hãnh — Phú-Yên.**

Ngày 22 tháng 4 âm lịch năm Canh Thìn nhằm ngày Thứ
ba 28-5-1940.

★ **ông Huy-Nghĩa — Tuy Hòa.**

Ngày 5-1-1946 (Thứ Bảy) ; nhằm ngày mừng 3-12 âm lịch
năm Bính Tuất.

★ **ông Nguyễn-vinh Liệu.**

Ngày 22 tháng 4 năm Mậu Dần = Thứ Bảy 21-5-1938.

Ngày 4 tháng 1 năm Bính Tý = Thứ hai 27-1-1936.

★ **T.T. Đài-Trang — Đà-Nẵng.**

Ngày 26 tháng 11 âm lịch năm Quý Dậu nhằm ngày Thứ
năm 11-1-1934.

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

**GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA**

LÔ ĐỘC-ĐẮC 1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng tuần

mỗi vé 10\$00.

**Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm**

ĐỜI THỰC GIẢ

Tập Thơ của cụ UNG BÌNH Thúc-Giả-Thị

Tập thơ tiêu-biểu cho một thế-hệ qua

Đây không chỉ là những áng thơ mà còn là những bản di-chức, những lời gởi-gắm cho thế-hệ hiện-thời.

Bóng ngày đẹp nhất vào lúc chiều tà, tập thơ ĐỜI THỰC GIẢ hiện ra giữa buổi hoàng-hôn của Trời Thơ cũ.

Sách do nhà Xuất Bản BỐN PHƯƠNG và nhà in THU LÂM ẤN THU QUÁN trình bày, trang trọng, thanh-nhã cùng loại với tập thơ Mưa Gió Sông Tương.

Giá mỗi quyển : 60 đồng

● Các bạn ở Saigon, Chợ Lớn, nếu muốn mua quyền sách trên, có thể đến mua ngay tại tòa-soạn Phở-Thông, 283 Gia-long—Saigon

Ở các tỉnh xin gởi ngay về địa chỉ:

THƯ-LÂM ẤN-THƯ-QUÁN
231-233, Phạm Ngũ Lão — Saigon

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233 Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đóng sách đẹp.
- Cung cấp đài hạn ăn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phủ hiệu, cờ, cho các hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề:

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

THUỐC MUỐI SỤI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CƠ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

LONDRES



THUỐC
THƠM

12 \$

KING SIZE
DIỀU DÀI

AIP

DẦU TRUNG-TÂM



CHUYÊN TRỊ : Các chứng bốn mùa
cảm mạo, trúng gió sổ mũi, nghẹt mũi, ăn
không tiêu, no hơi sinh bụng, ruột hoặc bao
tử đau thất, trẻ em đau bụng, đi xe đi
tàu say sóng, và các chứng thũng độc
ngoài da v.v...

Nhà thuốc TRUNG-TÂM

Đông Dược-Sỹ CHÂU-HIỀN-HỮU
Số 6, Bến Lê-quang-Liêm — CHOLON

Trị Thận Duy Nhất chỉ có :

THUỐC ĐAU LƯNG

HỒNG - NGUYỄN



Chuyên trị các chứng thận suy, đau thất
ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân
nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận,
bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận
và khen tặng.

Đông Dược-Sỹ kiêm Đông Y-Sỹ
Bà DƯƠNG-XUÂN-LANG

Nhà thuốc và phòng mạch :

246, Nguyễn - Hoàng — CHOLON

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

AI đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
• SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

Giấy phép số 2921CDVTTINH ngày 9-10-1961
tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon
Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ